



BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN | **2017**



## **10 NĂM BỀN BỈ GIEO MẦM NĂNG LƯỢNG XANH**





BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN **2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



**10 NĂM BỀN BỈ  
GIEO MẦM NĂNG LƯỢNG XANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

[📍] : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4,  
Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

[☎] : (84.254) 3574.635

[📠] : (84.254) 3574.619

[🌐] : [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)



# Nội Dung

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

|                        |   |
|------------------------|---|
| ATCLMT                 | An toàn – Chất lượng – Môi trường                 |
| BGD / GD               | Ban Giám đốc / Giám đốc                           |
| BKS                    | Ban Kiểm soát                                     |
| CBCNV                  | Cán bộ Công nhân viên                             |
| CNG                    | Khí nén thiên nhiên (Compressed Natural Gas)      |
| CNG Việt Nam / Công ty | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam                      |
| ĐHCD / ĐHĐCD           | Đại hội đồng cổ đông                              |
| HĐQT                   | Hội đồng Quản trị                                 |
| ISO                    | Tiêu chuẩn ISO                                    |
| KCN                    | Khu Công nghiệp                                   |
| LNG                    | Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas)  |
| LNST                   | Lợi nhuận sau thuế                                |
| LNTT                   | Lợi nhuận trước thuế                              |
| LPG                    | Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas)            |
| OHSAS                  | Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn        |
| PRU                    | Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit)             |
| PVGas / Tổng Công ty   | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                  |
| PVGas South            | CTCP Kinh doanh Khí miền Nam                      |
| PVGas-D                | CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam       |
| PVN / Tập đoàn         | Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) |
| TƯLĐTT                 | Thỏa ước Lao động Tập thể                         |
| ỨCKC                   | Ứng cứu khẩn cấp                                  |

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM

- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08 Chặng đường 10 năm hình thành và phát triển
- 10 Năm 2017 qua các con số
- 12 Giải thưởng tiêu biểu

### Chương 1: Giới Thiệu CNG Việt Nam

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM VÌ MỘT SỨ MỆNH

- 16 Thông tin tổng quan
- 18 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 20 Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh
- 23 Cơ cấu cổ đông và quá trình tăng vốn điều lệ

### Chương 2: Bối Cảnh Kinh Doanh Và Định Hướng Chiến Lược Phát Triển

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM VÌ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

- 26 Mục tiêu và các ưu tiên chiến lược
- 28 Bối cảnh vĩ mô và Môi trường kinh doanh
- 29 Triển vọng thị trường năm 2018 và Chiến lược kinh doanh
- 33 Định hướng, Giải pháp và Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018
- 36 Rủi ro chủ yếu trong năm 2018 và Giải pháp quản trị

### Chương 3: Quản Trị Để Phát Triển Bền Vững

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM VÌ SỰ MINH BẠCH

- 50 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 54 Giới thiệu HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát
- 60 Quản trị để phát triển bền vững
- 73 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 83 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 87 Giao dịch, Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD và Kế toán trưởng

### Chương 4: Báo Cáo Của Giám Đốc Và Phân Tích Hoạt Động Kinh Doanh 2017

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM VÌ KHÁCH HÀNG

- 90 Tổng quan tình hình tài chính năm 2017
- 92 Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2017
- 94 Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2017
- 97 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 99 Phân tích tình hình tài chính

### Chương 5: Trách Nhiệm Môi Trường Và Xã Hội

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM VÌ SỰ SẴN CHIA

- 112 Trách nhiệm với môi trường
- 122 Trách nhiệm với xã hội
- 133 Hiệu quả hoạt động kinh tế

### Chương 6: Báo Cáo Tài Chính (Kiểm Toán)

## HÀNH TRÌNH 10 NĂM VÌ SỰ CAM KẾT

- 136 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 138 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 139 Bảng cân đối kế toán
- 141 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 142 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 143 Thuyết minh báo cáo tài chính



**TRONG 10 NĂM QUA, CNG VIỆT NAM ĐÃ ĐỂ LẠI NHỮNG DẤU ẤN MẠNH MẼ, CHIẾM TRỌN SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC VÀ CỔ ĐÔNG, TẠO ĐƯỢC VỊ TRÍ THƯƠNG HIỆU VỮNG CHẮC TRÊN THỊ TRƯỜNG, GÓP PHẦN VÀO CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM.**

Kính thưa Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể CBCNV,

Năm 2017 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của CNG Việt Nam. Cách đây tròn 10 năm, với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và phân phối nhiên liệu sạch CNG, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập vào tháng 5/2007 nhằm thực hiện sứ mệnh **“Đem nguồn năng lượng sạch đến mọi nơi”**.

Trong 10 năm qua, với lòng nhiệt huyết, đam mê, đoàn kết, sự sáng tạo và nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, cùng với sự hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty Khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các cơ quan ban ngành, CNG Việt Nam đã để lại những dấu ấn mạnh mẽ, chiếm trọn sự tín nhiệm của khách hàng, đối tác và cổ đông, tạo được vị

**141,3**  
TRIỆU SM<sup>3</sup>  
**SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ KHÍ VƯỢT 28,5% KẾ HOẠCH NĂM**

trí thương hiệu vững chắc trên thị trường, góp phần vào công cuộc phát triển chung của ngành Dầu khí Việt Nam.

Với ban đầu chỉ có 13 nhân viên, đến nay CNG Việt Nam đã xây dựng được một đội ngũ 243 CBCNV có nghiệp vụ lành nghề, tác phong chuyên nghiệp và tận tâm cống hiến. Vốn điều lệ của Công ty đã gia tăng lên 270 tỷ đồng từ mức 19,2 tỷ đồng ban đầu, tổng tài sản đạt con số 730 tỷ đồng và phục vụ khách hàng trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau ở khu vực miền Bắc và Đông Nam Bộ.

Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty tiếp tục duy trì đà khởi sắc, với **sản lượng khí tiêu thụ đạt 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, hoàn thành 128,5% kế hoạch năm; doanh thu tiêu thụ khí đạt 1.314,7 tỷ đồng và tổng doanh thu đạt 1.324,5 tỷ đồng, hoàn thành 135,1% kế hoạch. Trong khi đó, lợi nhuận trước thuế đạt 142,4 tỷ đồng, vượt mạnh 41% kế hoạch năm và lợi nhuận sau thuế đạt 109,3 tỷ đồng, vượt đến 35,2% kế hoạch.** Tiền lương và chế độ phúc lợi cho CBCNV được quan tâm và duy trì

ổn định; trách nhiệm môi trường, công tác phát triển bền vững tiếp tục được nâng cao.

Hệ thống quản trị công ty trong năm qua tiếp tục được tăng cường với sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể các phòng ban và CBCNV. Trong năm vừa qua, CNG Việt Nam đã mở rộng hoạt động sang địa bàn mới là Long An sớm hơn dự kiến. Đây là địa bàn công nghiệp trọng điểm phía Nam, và cùng với lĩnh vực LNG, sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của Công ty trong những năm sắp tới.

Triển vọng kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2018 được dự báo tiếp tục đà khởi sắc đã có trong năm qua; cùng với đó là xu hướng công nghiệp xanh đang ngày càng được doanh nghiệp cũng như Chính phủ ưu tiên phát triển. Tất cả những yếu tố này giúp chúng ta tin rằng CNG Việt Nam sẽ tiếp tục có một năm 2018 thành công vượt bậc.

Tuy vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn phải đối diện với những khó khăn nhất định. Đó là sự biến động khó lường trên thị trường dầu khí thế giới có thể khiến Công ty gặp khó khăn trong điều hành và dự báo. Sự cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế, hay nguồn khí giá thấp suy giảm, sự phức tạp trong vận hành sản xuất kinh doanh... cũng là những yếu tố không thể bỏ qua.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn mà Công ty phải đối mặt, HĐQT đã làm việc cùng Ban điều hành, đưa ra những giải pháp hợp lý

và kịp thời để duy trì hiệu quả hoạt động, giữ vững vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp CNG cũng như tối ưu hóa lợi nhuận bằng các biện pháp tiết giảm chi phí mà vẫn ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, HĐQT sẽ tiếp tục sát cánh cùng Ban điều hành và tập thể CBCNV vượt qua những trở ngại của thị trường, tập trung vào công tác điều hành với trọng tâm hướng đến hiệu quả, công tác quản trị rủi ro và tăng trưởng dựa trên nền tảng an toàn và bền vững, giúp CNG Việt Nam liên tục phát triển và bước lên tầm cao mới.

Tôi tin tưởng với sự đoàn kết và bầu nhiệt huyết sẵn có cùng với sự hỗ trợ của Tổng Công ty, Tập đoàn và các cơ quan quản lý, CNG Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển không ngừng, chinh phục thành công tầm nhìn chiến lược đã đề ra.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin kính chúc Quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác cùng toàn thể người lao động sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào.

**NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



## NĂM 2007

### THÀNH LẬP VỚI VỐN ĐIỀU LỆ BAN ĐẦU 19,2 TỶ ĐỒNG

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí – CTCP (DMC): 51% vốn điều lệ;
- Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và
- Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

## NĂM 2008

### TĂNG MẠNH VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 67,2 TỶ ĐỒNG. NHÀ MÁY SẢN XUẤT CNG ĐẦU TIÊN TẠI KCN PHÚ MỸ

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67,2 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PVGas-D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm<sup>3</sup> khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

## NĂM 2009

### MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY CNG PHÚ MỸ LÊN 70 TRIỆU SM<sup>3</sup>

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm<sup>3</sup>.

## NĂM 2010

### TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 125 TỶ ĐỒNG. ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN – CHẤT LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC BSI CHỨNG NHẬN

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHCĐ/2010 của ĐHCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

## NĂM 2011

### TIẾP TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 203,1 TỶ ĐỒNG VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN HOSE

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm<sup>3</sup>, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp.

## NĂM 2012

### PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP CHO CBCNV VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 213,28 TỶ ĐỒNG

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213,28 tỷ đồng.

## NĂM 2013

### TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 270 TỶ ĐỒNG VÀ THÔNG QUA CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 35%

Ngày 25/9/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213,28 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ – HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (trong cổ tức tổng cộng 35%) trên vốn điều lệ hiện hành.

## NĂM 2014

### CHI NHÁNH MIỀN BẮC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Ngày 15/4/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 4/NQ – HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

## NĂM 2015

### TỔNG SẢN LƯỢNG TĂNG MẠNH LÊN 94,3 TRIỆU SM<sup>3</sup>. TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM TẠI KCN MỸ PHƯỚC 3 CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 4/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

## NĂM 2016

### PVGAS TRỞ THÀNH CỔ ĐÔNG LỚN VỚI TỶ LỆ NĂM GIỮ 56%

Ngày 14/3/2016, PVGas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ năm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PVGas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PVGas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

## NĂM 2017

### KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP.

Số lượng khách hàng tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ khí lên đến 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt 35-40% so với kế hoạch.



141,3  
— TRIỆU SM<sup>3</sup> —  
**SẢN LƯỢNG CẤP KHÍ**

1.324,5  
— TỶ VND —  
**TỔNG DOANH THU NĂM 2017**

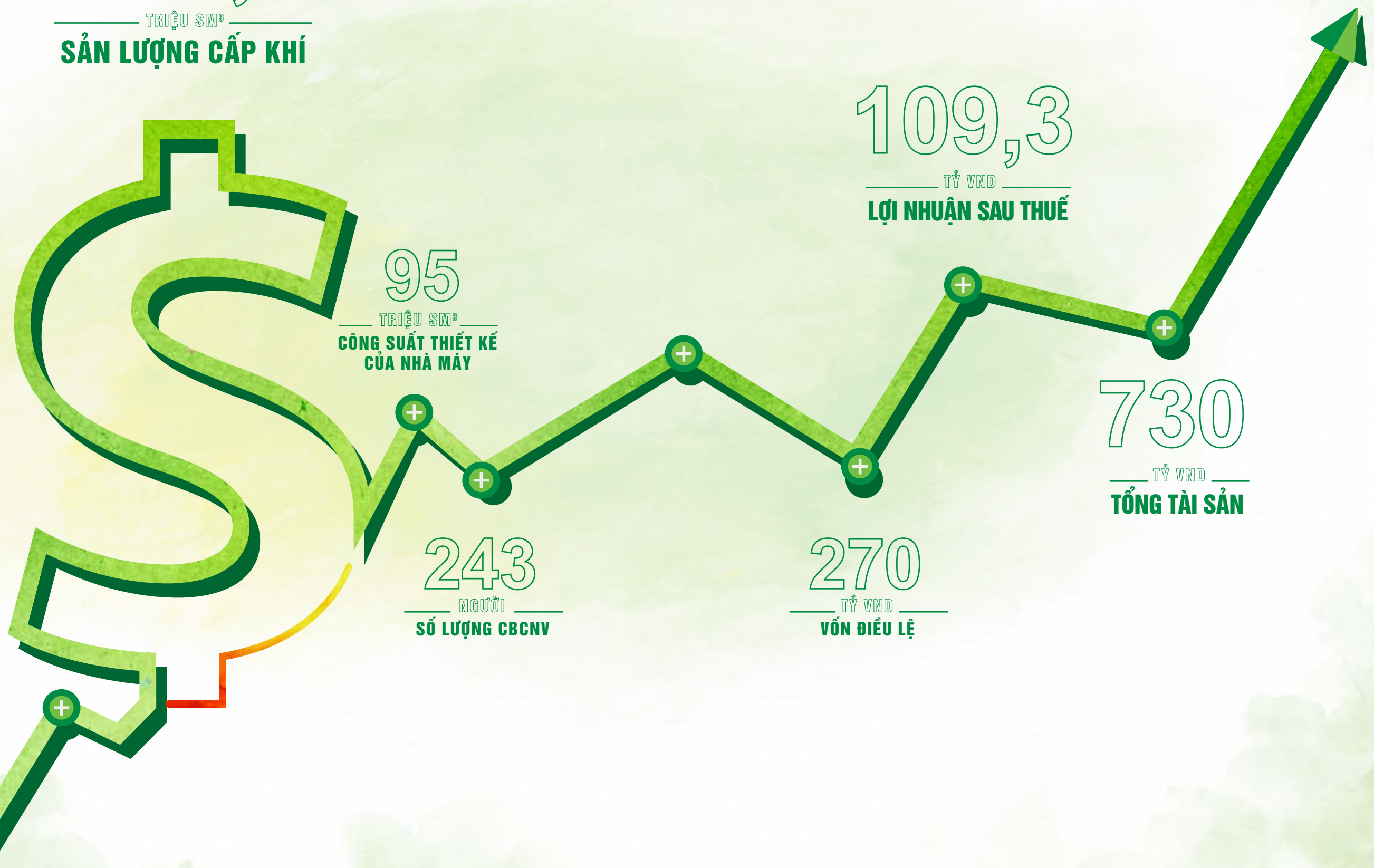
109,3  
— TỶ VND —  
**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

95  
— TRIỆU SM<sup>3</sup> —  
**CÔNG SUẤT THIẾT KẾ  
CỦA NHÀ MÁY**

243  
— NGƯỜI —  
**SỐ LƯỢNG CBCNV**

270  
— TỶ VND —  
**VỐN ĐIỀU LỆ**

730  
— TỶ VND —  
**TỔNG TÀI SẢN**





NĂM 2016, 2017

TOP **100** DOANH NGHIỆP  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NĂM 2014

TOP **15** BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

NĂM 2011, 2012,  
2015, 2016

TOP **50** BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

NĂM 2013

TOP **50** DOANH NGHIỆP  
TĂNG TRƯỞNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM

NĂM 2012

TOP **50** DOANH NGHIỆP  
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM

NĂM 2011

BẰNG KHEN ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC  
DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRAO TẶNG

NĂM 2010 - 2015

BẰNG KHEN CỦA  
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



HUÂN CHƯƠNG  
LAO ĐỘNG HẠNG 3



BẰNG KHEN CỦA  
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

HÀNH TRÌNH **10** NĂM  
*Vì Một Sự Mạnh*



01

**GIỚI THIỆU CNG VIỆT NAM**

- 16 Thông tin tổng quan
- 18 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 23 Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ





Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh : **CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **CNG VIETNAM**

Mã cổ phiếu : **CNG**

Logo Công ty :



Slogan : **“Đem nguồn năng lượng sạch tới mọi nơi”**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 492032000040 (đăng ký lần đầu ngày 28/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19/09/2016 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : **270.000.000.000 đồng** (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)

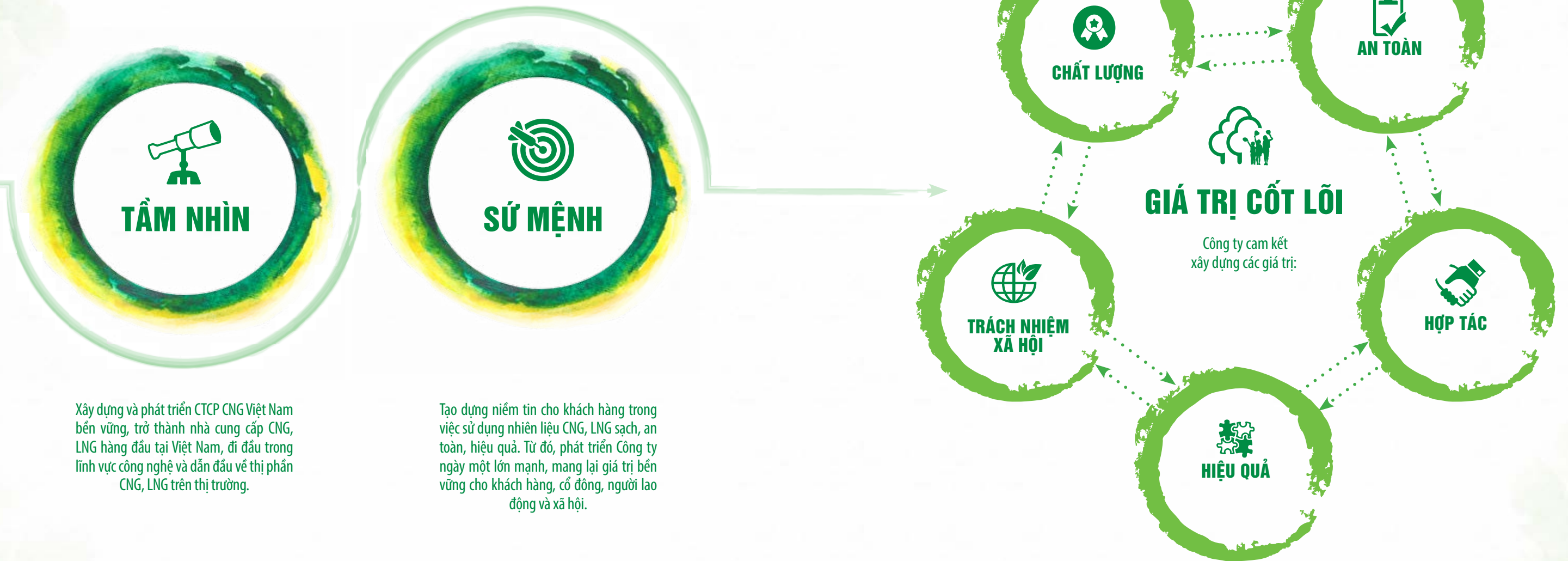
Trụ sở chính : Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

VP giao dịch : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4, Phường Thặng Nhất, Thành phố Vũng Tàu.

Số điện thoại : (84.254) 3574.635

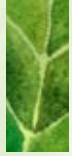
Số fax : (84.254) 3574.619

Website : **www.cng-vietnam.com**



Xây dựng và phát triển CTCP CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.

Tạo dựng niềm tin cho khách hàng trong việc sử dụng nhiên liệu CNG, LNG sạch, an toàn, hiệu quả. Từ đó, phát triển Công ty ngày một lớn mạnh, mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống. Chi tiết: Sản xuất và chiết nạp khí CNG, LNG và LPG;

Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ cài tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật;

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.



## CNG VIỆT NAM LÀ CÔNG TY KHỞI NGUỒN TIÊN PHONG TRONG SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI CNG TẠI VIỆT NAM, CUNG CẤP GIẢI PHÁP NHIÊN LIỆU TIÊN TIẾN, GIÚP DOANH NGHIỆP GIẢM CHI PHÍ, GIA TĂNG HIỆU QUẢ VẬN HÀNH MÁY MÓC, GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH NĂNG LƯỢNG PHỤC VỤ NỀN KINH TẾ.

Cụ thể, sản phẩm khí CNG được CNG Việt Nam phân phối để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Trong đó, khách hàng thuộc hộ Sản xuất - Vật liệu xây dựng chiếm khoảng 48% sản lượng tiêu thụ, khách hàng thuộc hộ Thực phẩm chiếm hơn 35% sản lượng, các khách hàng khác chiếm khoảng 17% sản lượng tiêu thụ.

CNG Việt Nam hiện làm chủ công nghệ và vận hành các trạm máy nén, trạm nạp, phương tiện vận chuyển,

bồn chứa, trạm giảm áp, tiếp khí đến tận khách hàng được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

**CNG - Nhiên liệu xanh, hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường**

CNG Việt Nam có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... nhờ tính ưu việt của việc sử dụng khí CNG làm nhiên liệu thay thế. Tính ưu việt này thể hiện trên nhiều phương diện: công nghệ, kinh tế, tính an toàn và đặc biệt là về môi trường.

### VỀ CÔNG NGHỆ:

Hiệu suất cao - Tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị

- CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH<sub>4</sub> - metane (chiếm 85%-95%) qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) nên nhiệt trị cao, hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Khí tự nhiên chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- Khí tự nhiên không độc hại, không gây ăn mòn thiết bị.
- Sử dụng khí tự nhiên làm tăng tuổi thọ của hệ thống thiết bị: CNG là nhiên liệu sạch nên không có muội than đóng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giúp tăng tuổi thọ, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

### VỀ MÔI TRƯỜNG:

Nhiên liệu sạch hàng đầu

- Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, CO<sub>2</sub>, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO... và hầu như không phát sinh bụi.
- Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H<sub>2</sub>O và CO<sub>2</sub> và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, NO<sub>x</sub>, HC, SO<sub>x</sub> và muội than. Hàm lượng khói thải gần như bằng không, hàm lượng CO<sub>2</sub>, CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.
- Khí tự nhiên được tàng chứa trong hệ thống khép kín và không bị bay hơi ra không khí như xăng dầu, do đó không thải Hydrocarbon ra môi trường, không tạo ozon là nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính.

### VỀ HIỆU QUẢ KINH TẾ:

Tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống

- Khí tự nhiên rẻ hơn nhiều so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện, nên việc sử dụng khí tự nhiên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.
- Các trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.
- Chất lượng sản phẩm được nâng cao cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và tính kinh tế của việc sử dụng nhiên liệu khí CNG.

### VỀ AN TOÀN:

An toàn hơn trong vận hành sản xuất

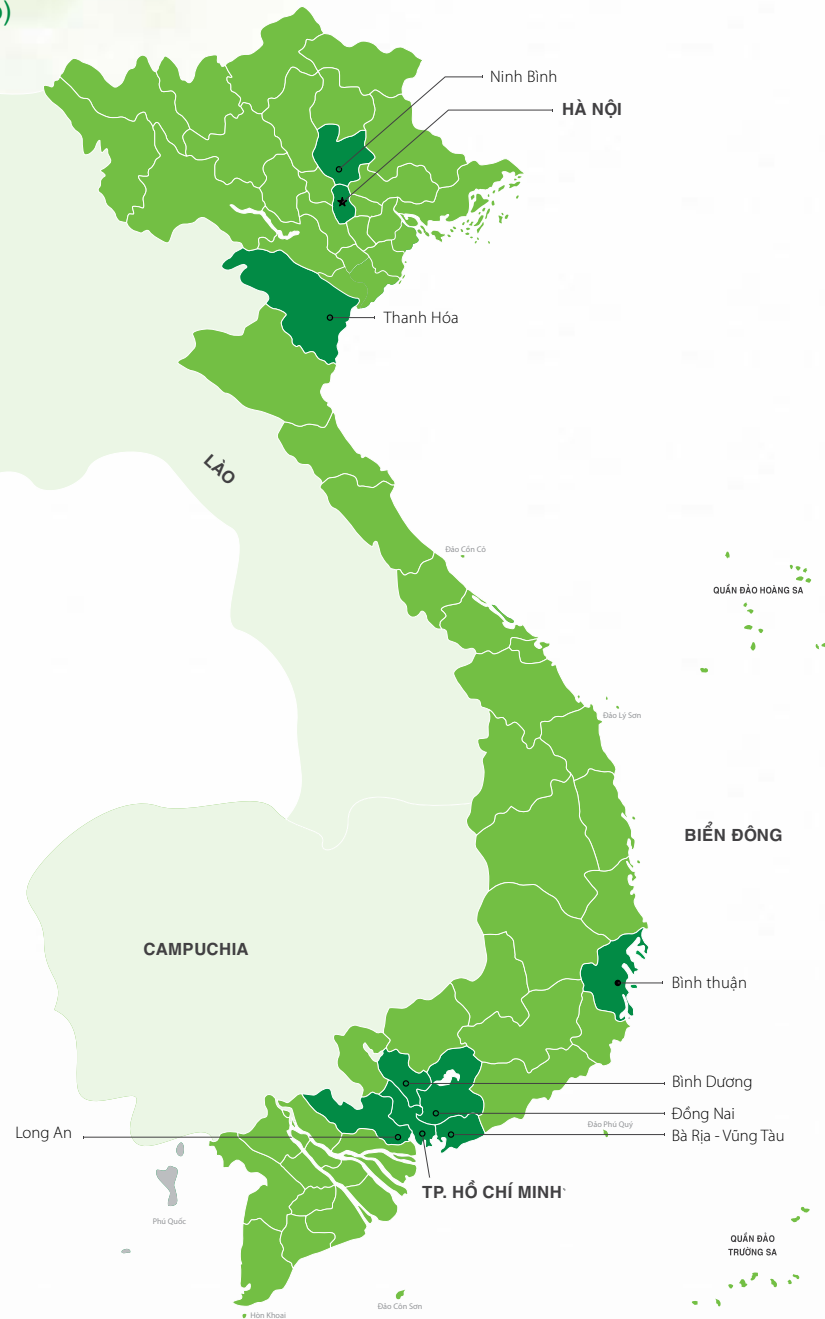
- CNG nhẹ hơn không khí nên nhanh chóng bốc lên cao khi bị rò rỉ, do đó hạn chế tối đa nguy cơ cháy nổ trong quá trình sử dụng so với các loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện...

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác, bao gồm: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM, Long An, Bình Thuận.

Khu vực miền Bắc: Hà Nội, Ninh Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, ...

Công ty đang nghiên cứu tiếp tục mở rộng thị trường, địa bàn hoạt động kinh doanh miền Bắc và các khu vực khác theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Khí Việt Nam.



### KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU



**270** TỶ VNĐ  
**TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ**  
tính đến ngày 31/12/2017

### Thông tin cổ phần

|  |                      |
|--|----------------------|
| Tổng số cổ phần                        | : 27.000.000 cp      |
| Loại cổ phần                           | : Cổ phiếu phổ thông |
| Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng | : Không              |
| Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do   | : 27.000.000 cp      |

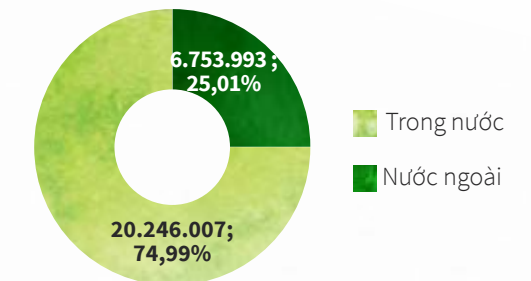
### Cơ cấu cổ đông

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài (tại ngày 31/12/2017):

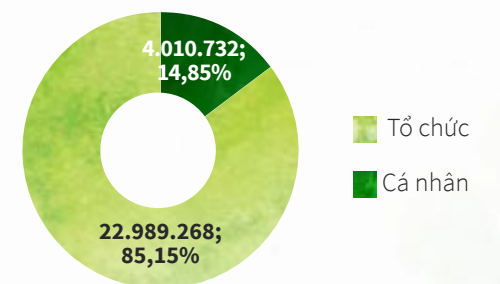
| Chỉ tiêu    | Trong nước        |               | Nước ngoài       |               | Tổng cộng         |                |
|-------------|-------------------|---------------|------------------|---------------|-------------------|----------------|
|             | CP                | % VĐL         | CP               | % VĐL         | CP                | % VĐL          |
| Cá nhân     | 3.745.148         | 13,87%        | 265.584          | 0,98%         | 4.010.732         | 14,85%         |
| Tổ chức     | 16.500.859        | 61,11%        | 6.488.409        | 24,03%        | 22.989.268        | 85,15%         |
| <b>Tổng</b> | <b>20.246.007</b> | <b>74,99%</b> | <b>6.753.993</b> | <b>25,01%</b> | <b>27.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

| Tên cổ đông                                | Tỷ lệ (%)    | Vốn cổ phần (cổ phần) |
|--|--------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP           | 56,00        | 15.120.000            |
| Utilico Emerging Markets Limited           | 7,75         | 2.092.730             |
| Samarang Ucits – Samarang Asian Prosperity | 9,63         | 2.600.940             |
| <b>Tổng</b>                                | <b>73,38</b> | <b>19.813.670</b>     |



| Năm  | Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ VNĐ) | Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ VNĐ) | Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ VNĐ) | Hình thức tăng vốn                                  |
|------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|---|
| 2007 | 19,2                         | -                              | 19,2                        |   |
| 2008 | 19,2                         | 48                             | 67,2                        | Phát hành thêm                                      |
| 2010 | 67,2                         | 57,8                           | 125                         | Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược |
| 2011 | 125                          | 37,5                           | 162,5                       | Trả cổ tức bằng cổ phiếu                            |
| 2011 | 162,5                        | 40,6                           | 203,1                       | Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu         |
| 2012 | 203,1                        | 10,2                           | 213,3                       | ESOP cho CBCNV                                      |
| 2013 | 213,3                        | 56,7                           | 270,0                       | ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu                   |



**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2017 là 270.000.000.000 đồng không thay đổi so với năm trước.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.



02

## BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 26 Mục tiêu và các ưu tiên chiến lược
- 28 Bối cảnh vĩ mô và môi trường kinh doanh
- 29 Triển vọng thị trường năm 2018 và Chiến lược kinh doanh
- 33 Định hướng, Giải pháp và Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018
- 37 Rủi ro chủ yếu trong năm 2018 và giải pháp quản trị

HÀNH TRÌNH **10** NĂM  
*Vì Mục tiêu chiến lược* ”



**03** ĐẦU TƯ MỞ RỘNG CHI NHÁNH PHỤ MỸ

**04** NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUỖI CUNG ỨNG

- Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, hoạch định chiến lược nhân sự để tổ chức tuyển dụng, đào tạo theo lộ trình hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng của Công ty trong từng thời kỳ. Đặc biệt chú ý về lĩnh vực Marketing và nghiên cứu phát triển.
- Nhanh chóng triển khai tự động hóa, điện tử hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, giám sát chặt các khâu, các lĩnh vực quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu và nhân công, tăng cường năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Liên doanh, liên kết với các đối tác có uy tín để nghiên cứu, lựa chọn, áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và ưu việt trong các lĩnh vực hoạt động.

**05** XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ DỊCH VỤ VỚI

- Trang thiết bị bao gồm nhà xưởng và thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại.
- Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, chuyên nghiệp.
- Phát triển hệ thống vận chuyển chuyên nghiệp, cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, tiếp thị về CNG/LNG.
- Quan hệ khách hàng tốt, tạo được niềm tin của khách hàng.
- Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, quản lý sử dụng CNG/LNG trong sản xuất.
- Áp dụng mức giá bán thâm nhập linh hoạt đối với từng thị trường, từng thời điểm.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

**06** BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.



### CHÂU Á - ĐẦU TÀU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2017 đánh dấu một năm thành công trên phương diện kinh tế toàn cầu. Châu Á tiếp tục là đầu tàu tăng trưởng của kinh tế thế giới với mức tăng trưởng dự kiến đạt 6% nhờ sự tăng trưởng ấn tượng của khu vực Trung Á, Đông Á và Đông Nam Á.

Tăng trưởng ấn tượng của nền kinh tế thế giới trong năm 2017 đến từ 4 yếu tố chính sau đây: (1) Sự hồi phục của giá năng lượng, (2) Các nền kinh tế lớn tăng trưởng tốt thúc đẩy hoạt động thương mại toàn cầu tăng cao, (3) Gia tăng đầu tư của các doanh nghiệp và nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng nhờ chính sách lãi suất thấp được áp dụng ở nhiều khu vực kinh tế, (4) Cải tiến kỹ thuật giúp gia tăng hiệu quả lao động.

### GIÁ DẦU THÔ ĐẠT MỐC 54 USD/THÙNG, TĂNG 23,2% SO VỚI NĂM TRƯỚC

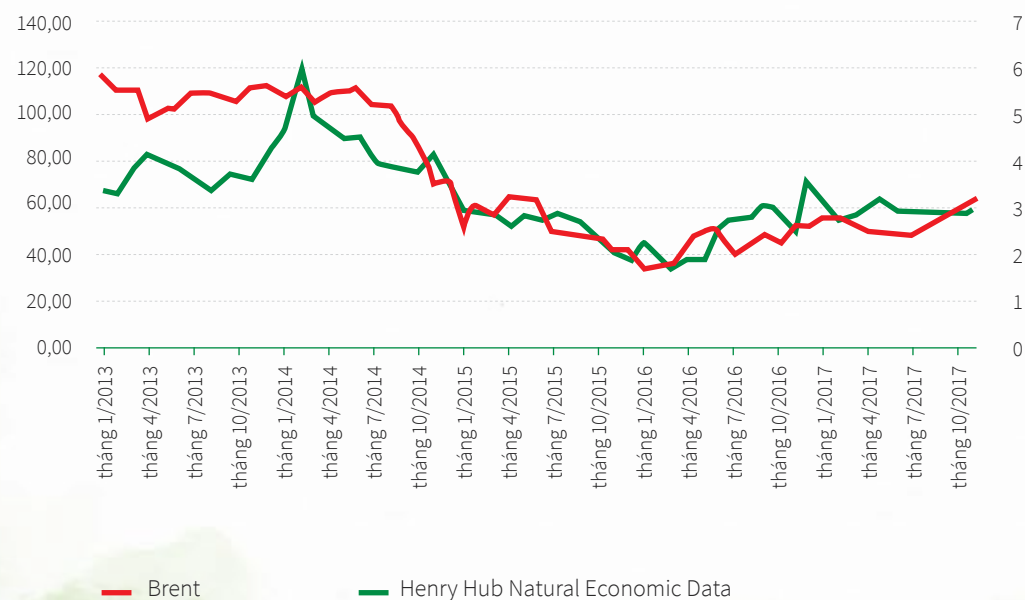
Dầu khí giữ vững xu hướng tăng trưởng trong năm 2017. Cụ thể, giá dầu Brent trung bình năm 2017 đạt 53,88 USD/thùng tăng 23,2% so với năm 2016. Dù vậy, đà tăng trưởng cũng không thực sự thuận lợi khi giá dầu đã trải qua đợt sụt giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm, đưa giá dầu thô Brent xuống chỉ còn 44,9 USD/thùng và bật tăng trở lại trong 6 tháng cuối năm 2017 để cán mốc 66,8 USD/thùng.

Ba yếu tố tác động mạnh nhất lên giá dầu trong năm 2017 bao gồm: (1) căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông, (2) các thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC, Nga và (3) sự gia tăng nguồn cung từ dầu đá phiến của Mỹ.

Giá dầu và giá khí có xu hướng biến động cùng chiều, do đó, các yếu tố địa chính trị tác động đến giá dầu có xu hướng tác động đến giá khí. Giai đoạn cuối năm, giá khí tự nhiên có xu hướng ổn định quanh mức 3 USD/Million BTU, nhưng đã giảm so với mức 3,7 USD/ Million BTU vào thời điểm cuối năm 2016.

#### TƯƠNG QUAN GIỮA GIÁ DẦU VÀ GIÁ KHÍ

Nguồn: Federal Reserve Economic Data



## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2018 VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

### CƠ HỘI

#### Kinh tế thế giới duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định.

Trong năm 2017 cùng các chính sách tài khóa nới lỏng sẽ là chìa khóa quan trọng giúp duy trì đà tăng trưởng tích cực của nền kinh tế toàn cầu trong năm 2018.

Đồng hành với nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ giữ được đà tăng trưởng tích cực trong năm 2018. Với các yếu tố cơ bản của nền kinh tế có được trong năm 2017 thì tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 được dự báo sẽ giữ vững mốc 6,8%.

Dù vậy, song hành với cơ hội thì thách thức và rủi ro cho sự phát triển vẫn đang tồn tại như vấn đề nợ công và lo ngại về lạm phát có thể xuất hiện trở lại, đặc biệt là hoạt động bảo hộ thương mại đang tăng cao ở nhiều nước. Có thể thấy tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam năm 2017 phụ thuộc rất lớn vào các hoạt động thương mại và công nghiệp chế tạo để xuất khẩu. Do đó, hoạt

động bảo hộ thương mại đang diễn ra sẽ là nỗi lo lớn nhất đến sự phát triển của Việt Nam trong năm 2018

**Giá dầu kỳ vọng giữ vững đà tăng.** Dù đang trong xu hướng tăng trưởng nhưng giá dầu thế giới trong 2018 được dự báo sẽ tiếp tục biến động khó lường trước những tác động trái chiều từ các yếu tố cơ bản:

- Thỏa thuận cắt giảm sản lượng từ OPEC và Nga.
- Căng thẳng địa chỉ trị gia tăng.
- Nguồn cung dầu đá phiến từ Mỹ.
- Sự tăng trưởng của các nguồn nhiên liệu thay thế. Năng lượng mặt trời và điện gió đang trở thành nguồn năng lượng được chú ý trong những năm gần đây. Hoạt động đầu tư cũng như những chính sách hỗ trợ cho các dự án đang được các nền kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu hay Trung Quốc tiến hành tích cực.

Với các yếu tố trên, giá dầu năm 2018 được dự báo sẽ duy trì đà tăng nhẹ nhưng biến động sẽ diễn ra ở mức cao.

| Dầu Brent<br>(USD/thùng) | Năm 2017 | Năm 2018 (F)  |          |           |               |     |            |
|--------------------------|----------|---------------|----------|-----------|---------------|-----|------------|
|                          |          | Goldman Sachs | JPMorgan | Citigroup | Credit Suisse | EIA | Trung bình |
|                          | 53,88    | 62            | 60       | 54        | 60            | 57  | 58,6       |

(\*) Ghi chú: Giá dầu trung bình năm



## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2018 VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH (tiếp theo)

### CƠ HỘI (tiếp theo)

**Tận dụng sự sôi động của dòng vốn FDI.** Năm 2017, nguồn vốn đầu tư FDI vào Việt Nam đạt con số rất ấn tượng.

Đối với triển vọng kinh doanh của CNG Việt Nam, thì đây đều là các thông tin tích cực khi Công nghiệp chế biến, chế tạo; Điện và Bất động sản (gắn liền với sự phát triển của mảng nguyên vật liệu xây dựng) đang là những ngành có số lượng hộ công nghiệp sử dụng khí làm nhiên liệu chính trong hoạt động sản xuất cao.

Một điểm cần lưu ý đó là vấn đề môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp nước ngoài cũng như quy định của các KCN về môi trường. Do đó, các doanh nghiệp này thường có xu hướng ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng sạch và CNG là một trong số đó.

Như vậy, lượng khách hàng tiềm năng của CNG trong tương lai là rất lớn. Không chỉ vậy, các doanh nghiệp đang hoạt động cũng đẩy mạnh mở rộng quy mô sản xuất để đón đầu cơ hội phát triển thị trường.

**Địa bàn kinh doanh thuận lợi.** Đi cùng với sự tăng trưởng của nguồn vốn FDI đó là sự phát triển của các khu công nghiệp trọng điểm ở các tỉnh thành phố. Năm 2017, nguồn vốn đăng ký đầu tư hiện diện trên 58 tỉnh thành, trong đó, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Long An... tiếp tục thu hút được lượng vốn đăng ký đầu tư lớn nhờ môi trường kinh doanh thuận lợi. Điều này mang đến triển vọng kinh doanh khả quan cho CNG Việt Nam khi đây đều là các khu vực kinh doanh trọng điểm của Công ty.

Với vị trí địa lý tốt cùng hệ thống cơ sở hạ tầng đang được đầu tư và nâng cấp như hệ thống cảng hàng không quốc tế ở Long Thành, hệ thống Metro dự kiến sẽ kéo dài tới Bình Dương và Đồng Nai, hệ thống cảng biển được đầu tư và nâng cấp, hệ thống cao tốc nối liền với các tỉnh miền Tây đang dần hình thành sẽ mang đến nhiều cơ hội phát triển hơn nữa cho khu vực kinh tế trọng điểm này cũng như hoạt động của CNG Việt Nam trong những năm tới.

**Phát triển bền vững và xu hướng khu công nghiệp Xanh.** Sau sự cố Formosa năm 2016, vấn đề môi trường và phát triển bền vững đã trở thành đề tài nóng được Chính phủ cũng như các doanh nghiệp chú trọng hơn, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ như năm 2017. Điển hình như việc phát triển phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu CNG thân thiện môi trường đang là ưu tiên đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương trong năm qua.

Bên cạnh việc đẩy mạnh sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường thì việc phát triển các khu công nghiệp xanh cũng đang được Chính phủ, địa phương và doanh nghiệp quan tâm. Các dự án khu công nghiệp “xanh” này là sự kết hợp các yếu tố con người, môi trường và công nghiệp, tạo một không gian xanh - sạch để mọi người làm việc và nghỉ ngơi.

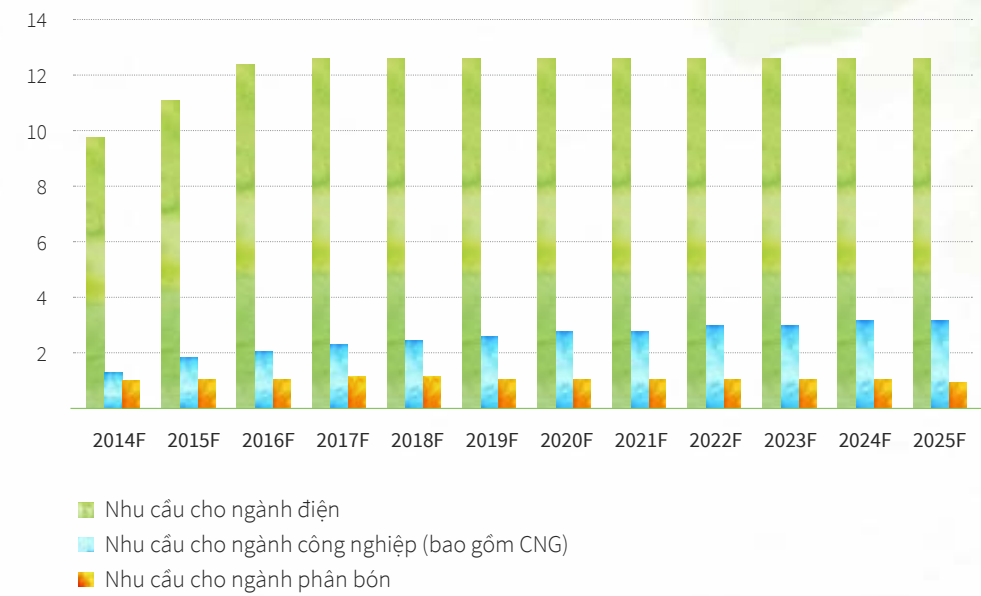
Với xu hướng xanh hóa các khu công nghiệp, hướng tới sự phát triển bền vững cũng như gia tăng hiệu quả hoạt động thì CNG sẽ trở thành sự lựa chọn của nhiều doanh nghiệp trong những năm tới.

**Thị trường LNG - lĩnh vực kinh doanh tiềm năng:** Nhu cầu sử dụng khí ở Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trong 10 năm tới xuất phát từ nhu cầu sản xuất điện, sản xuất công nghiệp và phân bón gia tăng. Dự kiến nhu cầu khí đốt năm 2025 có thể lên tới 17,3 triệu m3.



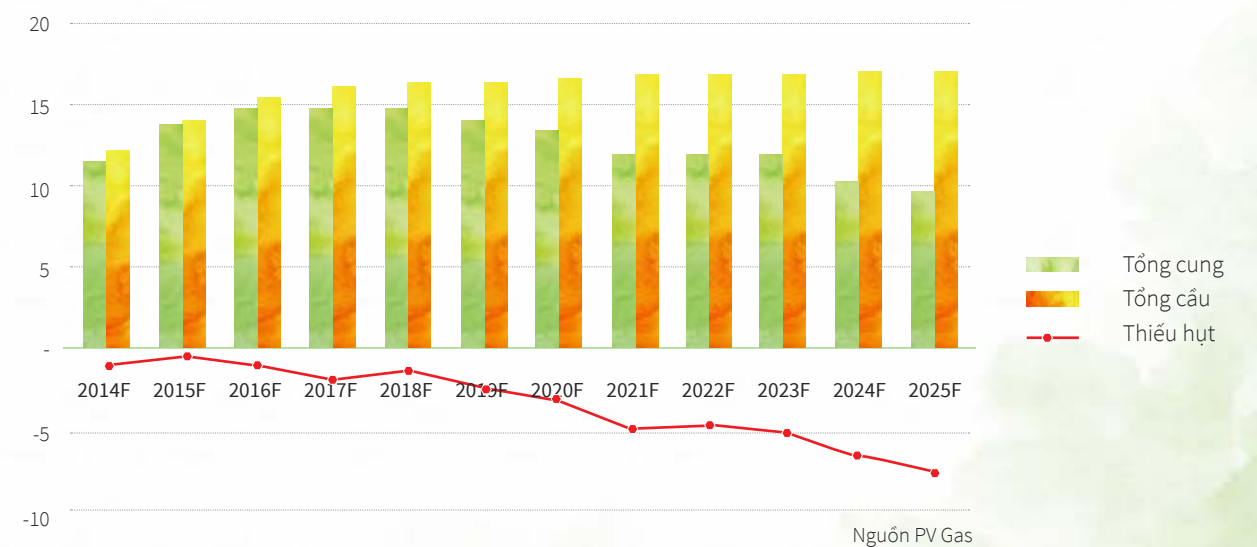
DỰ BÁO NHU CẦU SỬ DỤNG KHÍ THIÊN NHIÊN ĐẾN NĂM 2025 (ĐVT: BCM)

Nguồn PV Gas



Trái ngược với nhu cầu tiêu thụ khí, nguồn cung khí được dự báo sẽ không còn đáp ứng kịp nhu cầu sử dụng khí trong các năm tới. Mức thiếu hụt giữa cung và cầu nhiều khả năng sẽ gia tăng mạnh kể từ năm 2018. Do đó việc nhập khẩu LNG là rất cần thiết để thu hẹp khoảng cách này, giúp đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh LNG cũng đang là một trong những định hướng phát triển của CNG Việt Nam trong những năm qua.







## THÁCH THỨC

### Đồng USD mạnh lên sẽ tác động tiêu cực đến giá dầu thế giới.

Kế hoạch nâng lãi suất ít nhất 3 lần trong những năm tới của Fed sẽ khiến đồng USD tiếp tục nổi dài chuỗi tăng giá. Điều này sẽ ít nhiều gia tăng áp lực giảm giá dầu trong năm 2017.

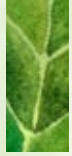
### Sự cạnh tranh gay gắt từ nhiên liệu thay thế.

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp có xu hướng lựa chọn nguồn nguyên liệu thay thế như biomass và than. Với ưu thế giá thành rẻ hơn 20-25%, nguồn cung dồi dào và chi phí chuyển đổi thấp, khả năng cạnh tranh trong thị trường nhiên liệu sẽ ngày càng gay gắt hơn.

**VỚI SỰ CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC CỦA NỀN KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI CÙNG NHƯ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG VÀ VỊ THẾ CỦA CNG VIỆT NAM; ĐỂ GIỮ VỮNG TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG NHƯ TRONG CÁC NĂM VỪA QUA, CÔNG TY ĐƯA RA CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CHO NĂM 2018 NHƯ SAU:**

## GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG & KINH DOANH

- Đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới. Đảm bảo thực hiện đầy đủ và tốt nhất nghĩa vụ đối với khách hàng hiện hữu mà Công ty đã thực hiện cung cấp khí.
- Duy trì chính sách giá bán linh hoạt nhằm giảm thiểu tác động từ biến động nhiên liệu đầu vào; thực hiện chính sách ưu đãi nhằm duy trì thị phần, qua đó hạn chế tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.
- Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những biến động ngoài dự kiến của tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty nỗ lực phát triển thị trường tiêu thụ khí theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất. Điều này giúp Công ty đa dạng hóa phân khúc khách hàng, tận dụng tối đa cơ hội tìm kiếm khách hàng mới và giảm thiểu rủi ro biến động doanh thu từ sự phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- Áp dụng linh hoạt các phương thức bán hàng và chính sách tín dụng phù hợp nhằm mở rộng nhanh thị phần khách hàng.
- Phát triển các kế hoạch marketing tại các thị trường hiện hữu cũng như các thị trường mới của Công ty.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh chi phí của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh thông qua các biện pháp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tài sản. Để cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.
- Bên cạnh nhóm khách hàng doanh nghiệp, Công ty cũng dành sự quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu cho nhóm khách hàng cá nhân, nhờ lẽ trên nền tảng quản trị hiệu quả chi phí phân phối và đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu khách hàng thông qua việc lắp đặt các trạm cung cấp trung tâm trên từng địa bàn trọng điểm
- Tại thị trường miền Nam cần tích cực hợp tác với các Ban quản lý và các chủ đầu tư KCN để nắm bắt thông tin và tiếp xúc ngay với nhóm khách hàng có kế hoạch đầu tư mới vào các khu công nghiệp
- Tận dụng cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sang nhóm khách hàng dịch vụ vận tải và khu công nghiệp nhằm tận dụng sự chuyển đổi xu hướng sang các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường.



## GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

### Sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

- Một trong các nhân tố quyết định đến sự thành công của Công ty đến từ khả năng đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, phân phối và vận chuyển tạo nên giá trị an toàn, hiệu quả hoạt động cho tài sản và nâng cao thương hiệu CNG Việt Nam.

Nhận biết rõ tầm quan trọng của sự an toàn trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.

- Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.



### Đầu tư

## ĐÚNG TRƯỚC TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG CỦA NỀN KINH TẾ, CÔNG TY CÓ CƠ HỘI ĐÓN NHẬN SỰ GIA TĂNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TỪ CÁC NHÓM NGÀNH KHÁCH HÀNG.

Do đó, các kế hoạch nâng công suất cung cấp khí cùng các dịch vụ song hành sẽ được lưu tâm, chú trọng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ khí gia tăng trong tương lai.

- Phối hợp với phòng kinh doanh và khách hàng lên kế hoạch cho các dự án và triển khai đầu tư kịp thời. Giúp tăng cường hiệu quả cho nguồn vốn giải ngân và kịp thời cung cấp khí cho khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ để ra.
- Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của Pháp luật và Công ty.

### Tài chính

- Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty
- Các chính sách tín dụng được xem xét phù hợp với mục tiêu tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị phần kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro phát sinh nợ quá hạn của khách hàng.
- Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, hoạt động quản trị nguồn vốn kinh doanh trên nền tảng hạn chế tác động từ các biến động đầu vào sẽ tiếp tục được Công ty thực hiện trong những năm tới.
- Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn vẫn là mục tiêu trọng tâm của Công ty trong các năm tới.
- Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh. Nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.
- Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

### Tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với “hiệu quả” nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động 5S trong toàn Công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV

## CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

| STT | Chỉ tiêu             | ĐVT       | Kế hoạch năm 2018 |
|-----|----------------------|-----------|-------------------|
| I   | Sản lượng            | Triệu SM3 | 132               |
| 1   | Miền Bắc             | Triệu SM3 | 10                |
| 2   | Miền Nam             | Triệu SM3 | 122               |
| II  | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng   | 1.395,7           |
| 1   | Miền Bắc             | Tỷ đồng   | 105,4             |
| 2   | Miền Nam             | Tỷ đồng   | 1.290,3           |
| III | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng   | 117,9             |
| IV  | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng   | 94,3              |
| V   | Tỷ lệ LNST/VDL       | %         | 35                |
| VI  | Tỷ lệ cổ tức         | %         | 25                |



**RỦI RO CHỦ YẾU  
TRONG NĂM 2018**

**BÊN CẠNH NHỮNG CƠ HỘI LUÔN TỒN TẠI NHỮNG RỦI RO ĐẠN XEN KHIẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GẶP TRỞ NGẠI. ĐIỀU NÀY LẠI CÀNG ĐÚNG HƠN TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ NÉN: NHẠY CẢM TRƯỚC CÁC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG, ĐÒI HỎI KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN CAO VÀ SỰ ĐẢM BẢO AN TOÀN TUYỆT ĐỐI TRONG HOẠT ĐỘNG.**

Nhận thức được tầm quan trọng này, ở CNG Việt Nam, quản trị rủi ro luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo từ cấp cao nhất là Chủ tịch HĐQT. Quản trị rủi ro được CNG Việt Nam xem như là một trong những chìa khóa quan trọng nhất đối với khả năng phát triển bền vững của Công ty. Quy trình quản trị rủi ro của Công ty góp phần tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng việc rà soát, nhận diện, đánh giá, kiểm soát và hạn chế khả năng xảy ra rủi ro nhằm tối thiểu hóa tổn thất và tối ưu hóa nguồn lực sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, CNG Việt Nam quan niệm rủi ro không phải là giải quyết kịp thời, hiệu quả các sự cố phát sinh mà nền tảng cốt lõi của chiến lược quản trị rủi ro nằm ở khả năng nhận diện, dự báo khả năng xuất hiện rủi ro và đưa ra biện pháp quản lý, khắc phục để hạn chế tác động tiêu cực, đồng thời không ngừng đánh giá để hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp.

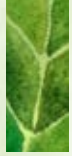
**DỰA TRÊN ĐẶC THÙ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY, CNG VIỆT NAM KHÔNG TỔ CHỨC BỘ PHẬN QUẢN TRỊ RỦI RO RIÊNG BIỆT, MÀ THAY VÀO ĐÓ, CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN DỰA VÀO CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA MÌNH ĐỂ XÂY DỰNG CÁC QUY TRÌNH, ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO CHO HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN.**

**CƠ CHẾ QUẢN TRỊ  
RỦI RO TẠI CNG VIỆT NAM**

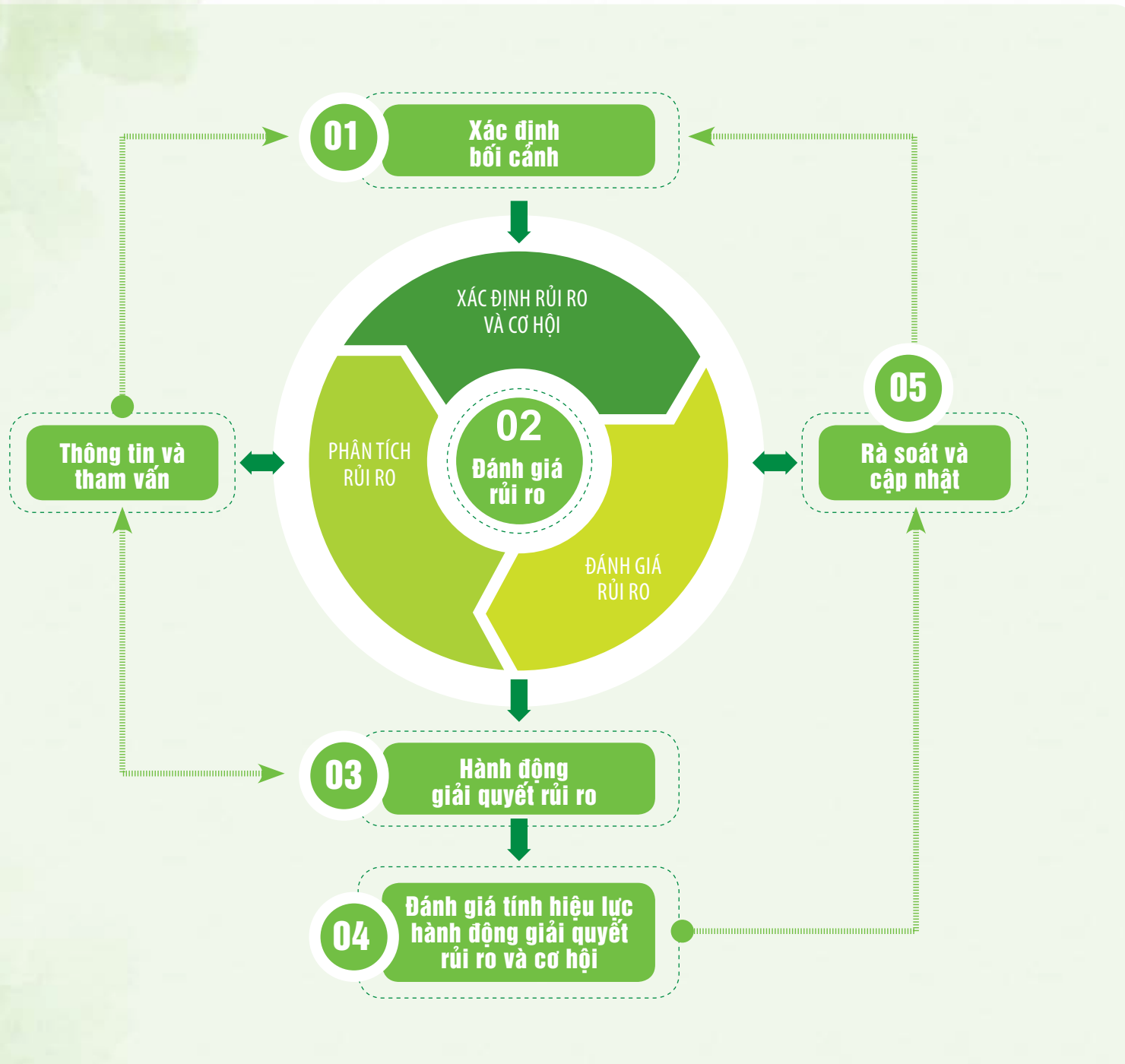
Công ty tiếp tục phát triển phương thức tiếp cận quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với nhu cầu kinh doanh của Công ty trước những biến động không ngừng của môi trường kinh doanh. Công ty đầu tư cho việc nghiên cứu, phân tích đánh giá bản chất các loại rủi ro và đưa giải pháp tối ưu nhất với nguồn lực hiện có của Công ty, thông qua việc cân đối chi phí của rủi ro và chi phí quản lý rủi ro nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng thành các quy định cụ thể, với sự nhất quán trong toàn bộ máy quản lý của Công ty thông qua việc quảng bá sâu rộng các kiến thức về rủi ro. Trong thực tế, môi trường kinh doanh luôn thay đổi, các tình huống sẽ diễn ra bất ngờ, Công ty luôn không ngừng nghiên cứu, chỉ ra các rủi ro mới, nhằm tích hợp linh hoạt, kịp thời các biện pháp giải quyết. Không chỉ đảm bảo tốt việc vận hành an toàn, điều này còn giúp doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các cơ hội thị trường.





## QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI CNG VIỆT NAM



### 01 Xác định bối cảnh của tổ chức/ hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Giám đốc, Trưởng phòng xác định:

- Chiến lược, kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Xác định các vấn đề bên trong và bên ngoài có liên quan đến mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Các vấn đề bên ngoài bao gồm chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường liên quan đến khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
- Các vấn đề bên trong, bao gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, các quá trình hoạt động của tổ chức,
- Nhu cầu và mong đợi của các bên hữu quan có liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

### 02 Đánh giá rủi ro

- Xác định rủi ro và cơ hội: Ban giám đốc, Trưởng phòng xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã xác định, cơ hội đạt được khi kiểm soát được rủi ro.
- Phân tích rủi ro: Ban giám đốc, Trưởng phòng phân tích các rủi ro dựa trên 02 tiêu chí: khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, có xem xét đến tính hiệu lực biện pháp kiểm soát hiện hành, các dữ liệu thống kê trong quá khứ.
- Đánh giá rủi ro: Ban giám đốc, Trưởng phòng đánh giá rủi ro cao, thấp, trung bình.

### 03 Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội

Ban giám đốc, Trưởng phòng xem xét và đưa ra các hành động nhằm giải quyết rủi ro và cơ hội, cụ thể như:

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp, trung bình, các đơn vị duy trì và cải tiến (nếu cần) các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành. Đối với các rủi ro được đánh giá là cao, các đơn vị cần có hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.

- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội có thể là: Tránh rủi ro; Chấp nhận rủi ro để theo đuổi một cơ hội; Loại bỏ nguồn rủi ro; Thay đổi khả năng xảy ra hoặc hậu quả xảy ra để giảm rủi ro; hoặc Chia sẻ rủi ro, hoặc lưu giữ lại rủi ro bằng một quyết định công khai.

### 04 Đánh giá tính hiệu lực hành động giải quyết rủi ro và cơ hội

Ban giám đốc, Trưởng phòng đánh giá tính hiệu lực các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội đối với các rủi ro cao, cụ thể:

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.

Định kỳ 6 tháng/lần, các đơn vị đánh giá tính hiệu lực các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội đối với các rủi ro cao, báo cáo kết quả về Ban giám đốc Công ty.

### 05 Rà soát và cập nhật

Theo dõi, rà soát, cập nhật Bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của tổ chức theo tần suất:

- Định kỳ hàng năm.
- Khi có sự thay đổi bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên quan tâm) ảnh hưởng kết quả đầu ra mong muốn hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Khi có sự thay đổi, phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, các rủi ro cao liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



## QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

Rủi ro tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau và có tác động rất đa dạng đến hoạt động kinh doanh. Vì thế việc quy định nhiệm vụ, trách nhiệm cho từng cấp là điều cần thiết nhằm đảm bảo quá trình quản trị rủi ro được hiệu quả.

CNG thực hiện việc phân cấp trách nhiệm theo chiều dọc nhằm đảm bảo quy trình quản trị không những hạn chế rủi ro ở mức tối đa mà còn phù hợp với định hướng phát triển trong dài hạn.



## CÁC LOẠI RỦI RO CÓ ẢNH HƯỞNG MẠNH NHẤT ĐẾN CNG VIỆT NAM



### Rủi ro Giá khí đầu vào

#### PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- Hiệu quả kinh doanh
- Kế hoạch kinh doanh trung hạn

#### BẢN CHẤT RỦI RO

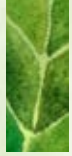
CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí nén CNG. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.

Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty sẽ được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.
- Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.
- Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.
- Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.





## CÁC LOẠI RỦI RO CÓ ẢNH HƯỞNG MẠNH NHẤT ĐẾN CNG VIỆT NAM (tiếp theo)



### Rủi ro về Lãi suất

#### PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro
- Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- Mục tiêu chiến lược dài hạn

#### BẢN CHẤT RỦI RO

Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.

#### BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.
- Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.
- Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.



### Rủi ro về Nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu

#### PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- Mục tiêu chiến lược dài hạn
- Hiệu quả kinh doanh

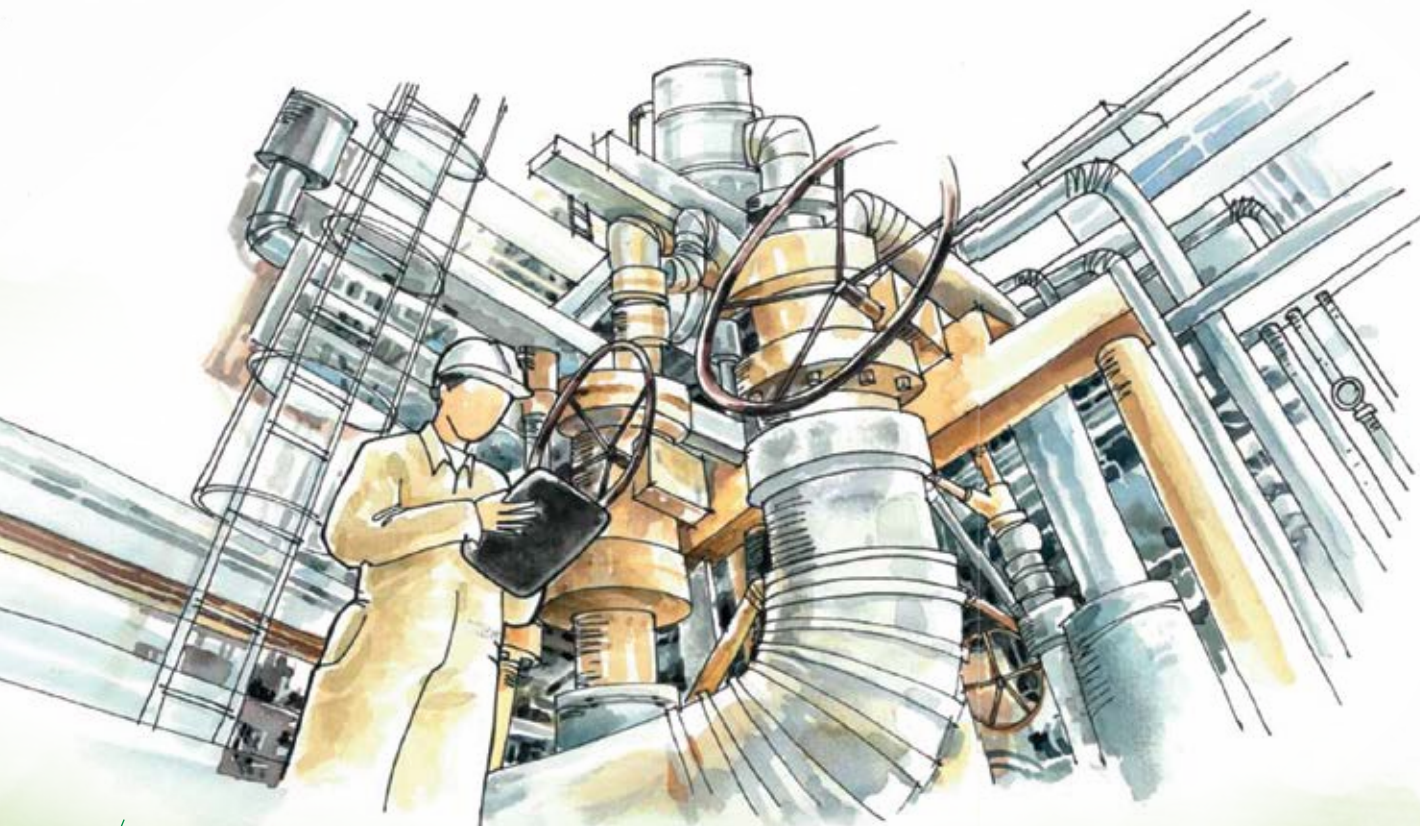
#### BẢN CHẤT RỦI RO

Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty

Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá CNG sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.

#### BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.
- Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.
- Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, CNG luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.
- Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.
- Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.
- Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả. Ưu tiên lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu Sm<sup>3</sup>/năm trở lên và khoảng cách ngắn hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư.





## CÁC LOẠI RỦI RO CÓ ẢNH HƯỞNG MẠNH NHẤT ĐẾN CNG VIỆT NAM (tiếp theo)

### Rủi ro Tín dụng và Rủi ro dòng tiền

#### PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- Hiệu quả kinh doanh

#### BẢN CHẤT RỦI RO

Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.

#### BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo dõi sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lòng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.
- Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.
- Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Rủi ro về An toàn lao động

#### PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- Danh tiếng của Công ty

#### BẢN CHẤT RỦI RO

Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của CNG luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.

Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.



#### BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.
- CNG hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp trong ngành khí.
- Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.
- Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.
- Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro xảy ra.





## CÁC LOẠI RỦI RO CÓ ẢNH HƯỞNG MẠNH NHẤT ĐẾN CNG VIỆT NAM (tiếp theo)

### Rủi ro về Quản lý nhân sự

#### PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG

- Kế hoạch kinh doanh trung hạn
- Mục tiêu chiến lược dài hạn

#### BẢN CHẤT RỦI RO

Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.

Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí CNG, LNG và LPG, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.



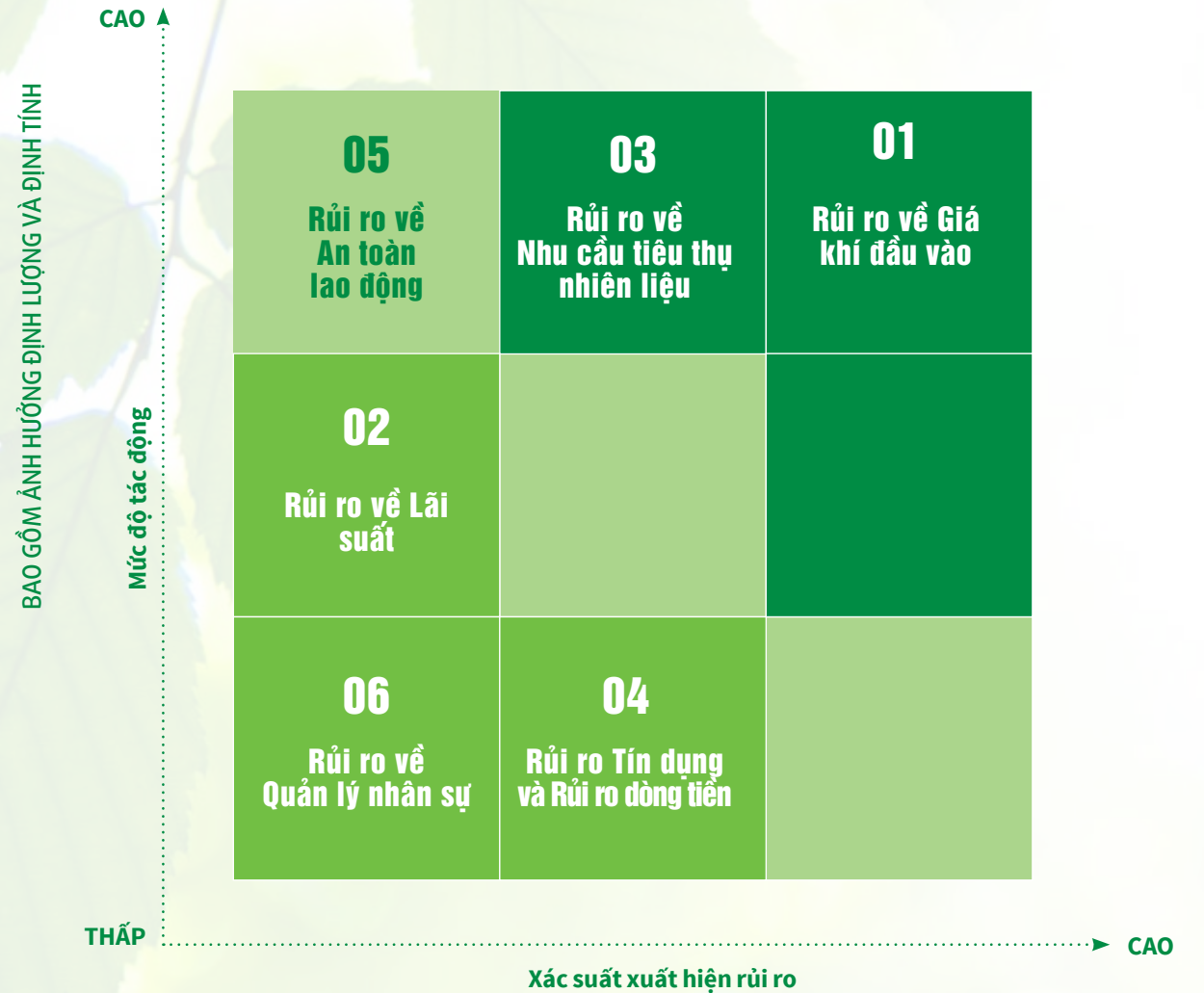
thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

- CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

#### BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.
- Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh

## MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CNG VIỆT NAM





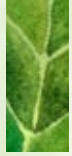
HÀNH TRÌNH **10** NĂM  
*Vì Sự Minh Bạch* ”



**03**

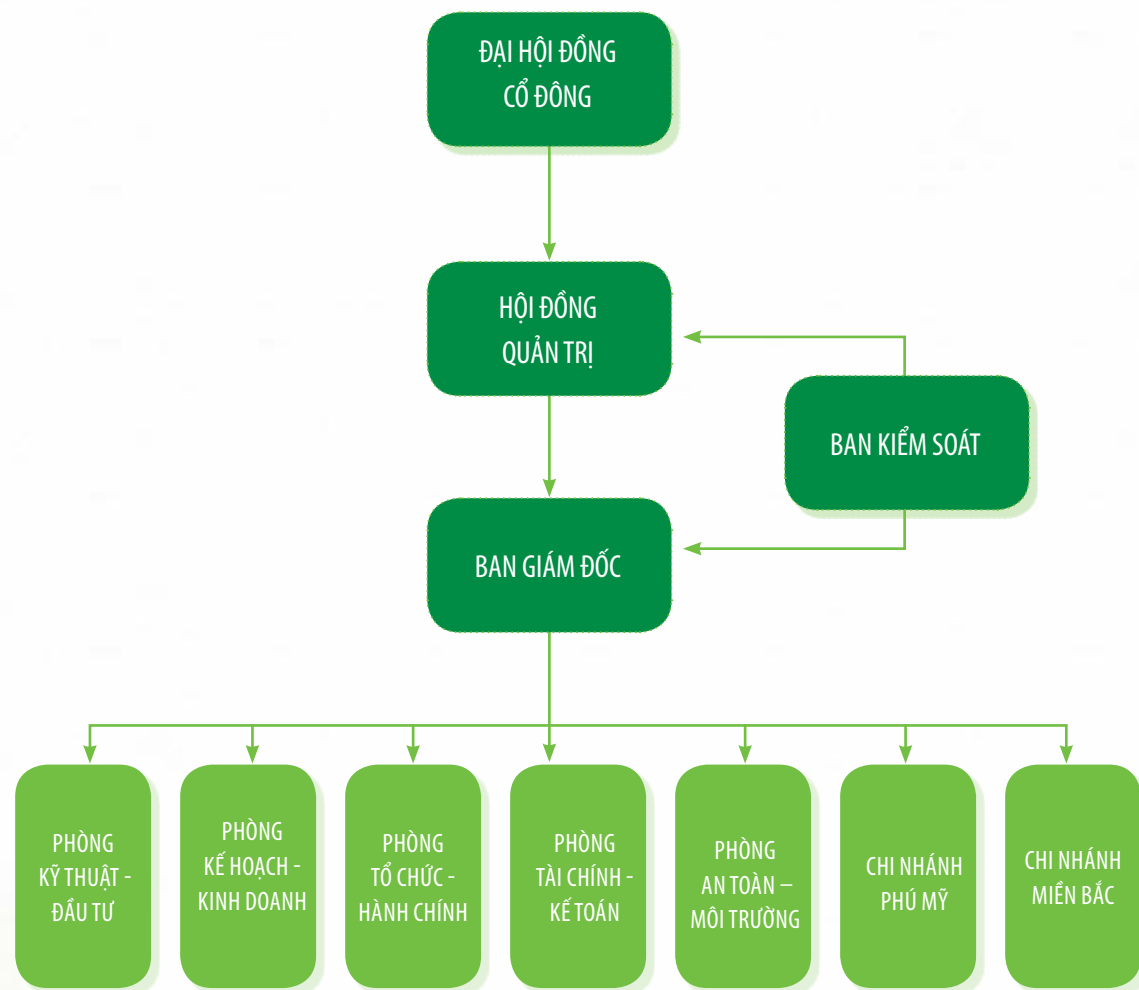
**QUẢN TRỊ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

- 50 Mô hình và Bộ máy quản trị
- 54 Giới thiệu HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát
- 60 Quản trị để phát triển bền vững
- 73 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 83 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 87 Giao dịch, Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD



**CNG VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN VỚI CƠ CẤU TỔ CHỨC TRỰC TUYẾN CHỨC NĂNG VÀ KHÔNG CÓ ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.**

**BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CNG VIỆT NAM ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT THÔNG QUA.**



### Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

### Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

### Ban Giám đốc

Là Ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

### Phòng Kỹ thuật - Đầu tư

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng và kỹ thuật.

Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động Khoa học Công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty.

Xây dựng chiến lược, quản lý công tác đầu tư xây dựng và tổ chức thực hiện.

Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, đất đai.

### Phòng Kế hoạch - Kinh doanh

Là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) của Công ty.

Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) theo chiến lược kinh doanh của Công ty.

Quản lý các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan khác.

Nghiên cứu, dự báo giá và đánh giá chính sách kinh doanh hàng hóa của sản phẩm trong nước, khu vực và thế giới.

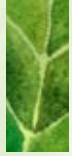
Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của Công ty.

### Phòng Tổ chức - Hành chính

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng - kỷ luật trong toàn Công ty.

Công tác quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc.

Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...



### Phòng Tài chính - Kế toán

Là Phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty.

Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty.

Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty.

Xây dựng, trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty. Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định.

Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

### Phòng An toàn - Môi trường

Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường.

Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

### Chi nhánh Phú Mỹ

Là đơn vị thuộc bộ máy điều hành của Công ty, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chi nhánh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao.

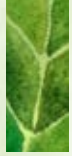
Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

### Chi nhánh Miền Bắc

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.

**Những thay đổi trong Cơ cấu tổ chức trong năm 2017:** Thay đổi tên các Phòng chức năng để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau: Đổi tên Phòng Kế hoạch - Đầu tư thành Phòng Kỹ thuật - Đầu tư; Phòng Kỹ thuật - An toàn thành Phòng An toàn - Môi trường; Phòng Kinh doanh thành Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.





Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**  
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế  
Vận tải biển, Cử nhân Kế toán Kiểm toán,  
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
**4.680.000 (18,00%)**

Ông **VŨ VĂN THỰC**  
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn:  
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
**4.680.000 (18,00%)**



Ông **BÙI VĂN ĐÀN**  
Thành viên HĐQT kiêm phó GD

Năm sinh: 1965  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Dầu  
khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
**2.700.000 (10,00%)**



Ông **PHẠM ĐÌNH ĐẠT**  
Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1962  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
**2.700.000 (10,00%)**



Bà **LÊ THỊ THU GIANG**  
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1973  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính – Kế toán, Thạc sỹ QTKD

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 625 (0,002%)

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: **0**

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên, trong đó 02 thành viên kiêm nhiệm Giám đốc và Phó Giám Đốc, 01 thành viên chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập.

Các tiểu ban thuộc HĐQT: Căn cứ quy mô và hoạt động hiện tại của Công ty, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc.

### Những thay đổi trong HĐQT và Ban điều hành

- Thay đổi Chủ tịch HĐQT: Ngày 11/04/2017, HĐQT ra Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hồng Hải kể từ ngày 11/04/2017.
- Thay đổi Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc: Ngày 11/04/2017, HĐQT ra Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc đối với ông Bùi Văn Đàn kể từ ngày 11/04/2017.



Ông **VŨ VĂN THỰC**  
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn:  
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:  
**4.680.000 (18,00%)**



Ông **BÙI VĂN ĐÀN**  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh: 1965  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ  
Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**  
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1963  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xây dựng,  
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 762



Ông **NGUYỄN NGUYÊN VŨ**  
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1971  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn,  
Kỹ sư Kinh tế thủy sản

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 4



Ông **TRƯƠNG MẠNH THẮNG**  
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1975  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

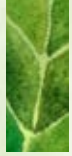
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Bà **PHẠM THỊ KIM THOA**  
*Trưởng Ban kiểm soát*

Năm sinh: 1967  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Bà **NGUYỄN THỊ KIM YẾN**  
*Kiểm soát viên*

Năm sinh: 1972  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
chuyên ngành kế toán, kiểm toán

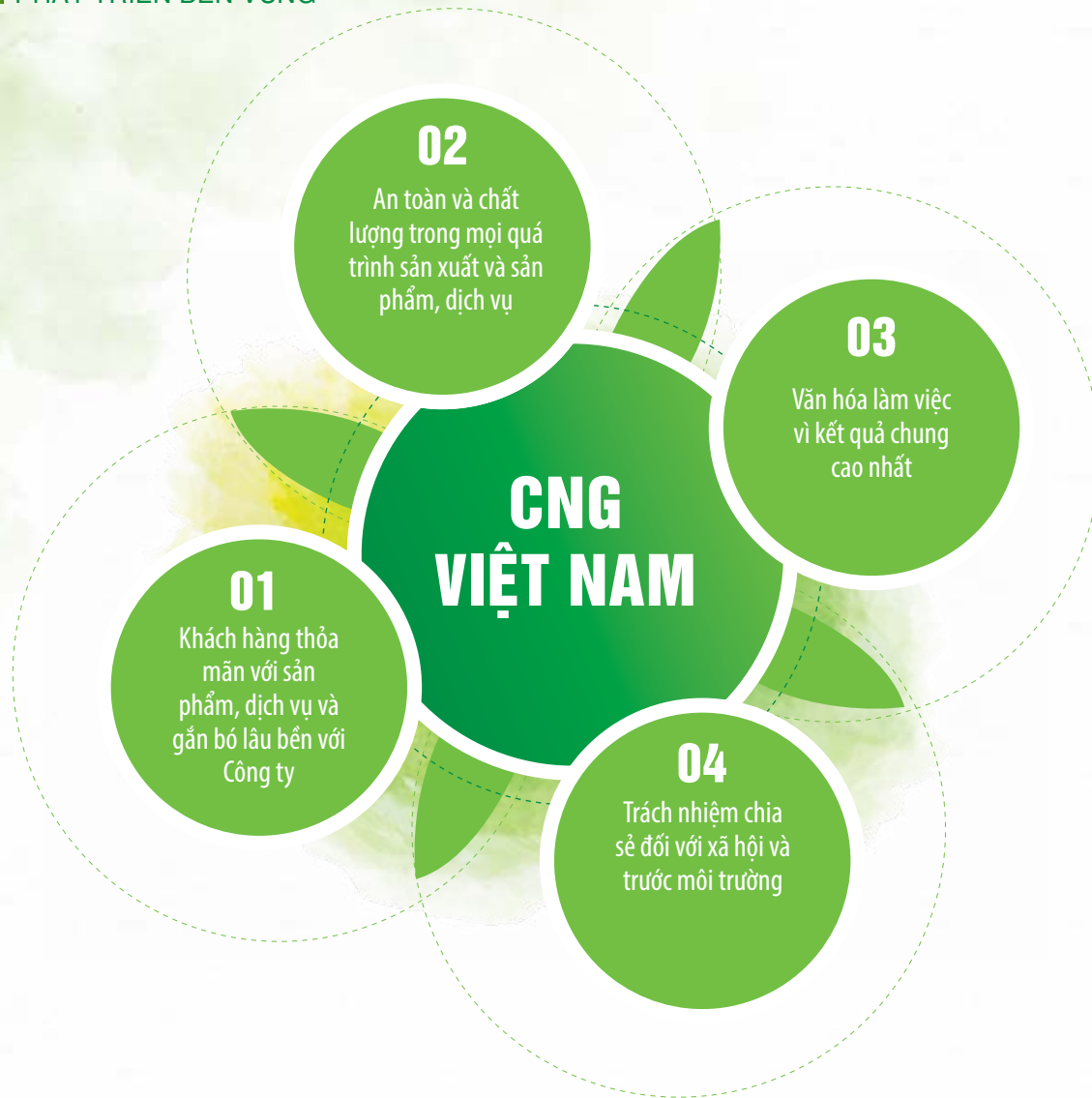
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Ông **NGUYỄN QUANG BÁ**  
*Kiểm soát viên*

Năm sinh: 1985  
Trình độ chuyên môn:  
Cử nhân Tài chính Kế toán

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0





**CNG VIỆT NAM THẤU HIỂU ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, CÁC MỐI QUAN TÂM VÀ KỲ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN CẦN PHẢI ĐƯỢC ĐÁP ỨNG MỘT CÁCH HÀI HÒA. VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG VÀ MỐI QUAN TÂM ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH, CNG VIỆT NAM TIẾP CẬN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO 4 LĨNH VỰC TRỌNG YẾU NHƯ TRÊN.**

**MỘT TRONG NHỮNG TRỌNG TÂM TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CNG VIỆT NAM LÀ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VÀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG BẰNG VIỆC DUY TRÌ HIỆU QUẢ HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP “AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG”.**

## HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP “AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG”

Những năm vừa qua, Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã quyết định đưa hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 hợp thành Hệ thống quản trị tích hợp (Integrated Management Systems - IMS) áp dụng trong các hoạt động của Công ty. Hệ thống IMS này đã được Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận, cấp chứng chỉ.

Hệ thống IMS của Công ty là nhằm ngăn ngừa các thiệt hại về Con người, Tài sản, Môi trường và thỏa mãn nhu cầu khách hàng trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối khí CNG. Để thực hiện chính sách này, CNG Việt Nam cam kết thiết lập và duy trì một Hệ thống quản trị tích hợp (IMS) đảm bảo:

- Tuân thủ luật pháp hiện hành và các yêu cầu khác từ các bên liên quan;
- Đáp ứng các yêu cầu quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo Tiêu chuẩn Quốc tế;

- Phù hợp với cơ cấu tổ chức của CNG Việt Nam;
- Kiểm soát các nguy hiểm, rủi ro có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm dịch vụ;
- Được định kỳ xem xét và không ngừng cải tiến;
- Được thấu hiểu thông suốt trong toàn thể CBCNV và phổ biến đến các bên liên quan.

## ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP (IMS)

Các quy trình hoạt động được chuẩn hóa bằng văn bản, phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, CBCNV, giúp thực hiện công việc đúng ngay từ đầu, có sự kiểm soát chặt chẽ, qua đó giảm khối lượng công việc làm lại, giảm được lãng phí về thời gian, nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất và là cơ sở để Công ty ngày càng hoàn thiện công tác quản lý.

Cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, theo dõi sự không phù hợp,

đánh giá sự hài lòng của khách hàng, đánh giá nội bộ và đánh giá giám sát của bên ngoài... đã tạo cơ hội thường xuyên để Công ty thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến hiệu quả hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hướng đến sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ và đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu của tiêu chuẩn, giảm thiểu rủi ro, không có tai nạn lao động, thể hiện sự quan tâm của

Công ty đến môi trường làm việc an toàn, sức khỏe của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng, đối với xã hội.

Việc xây dựng và áp dụng thành công Hệ thống IMS theo các tiêu chuẩn quốc tế góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu có uy tín, đi đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, an toàn, thân thiện với môi trường.



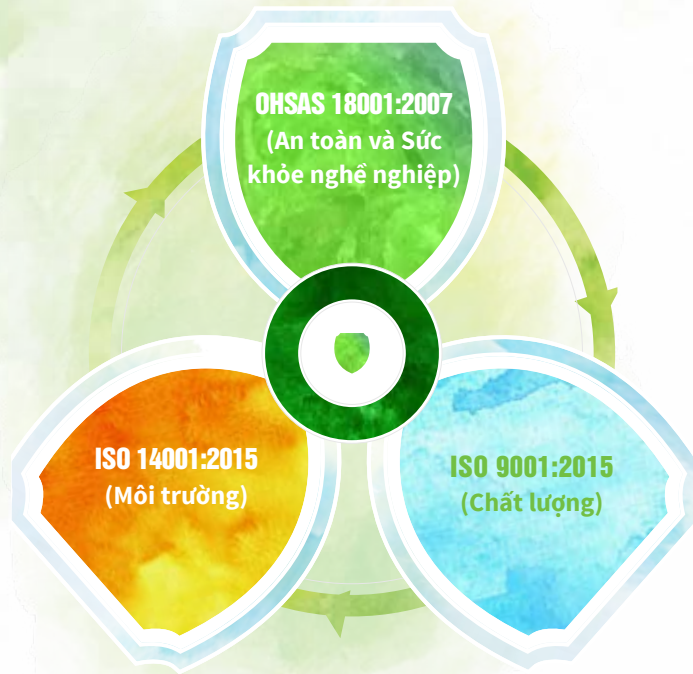
## CƠ CẤU HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP (IMS) TẠI CNG VIỆT NAM

### MỤC TIÊU

**ISO 9001:2015:** Thiết lập các quá trình hoạt động của Công ty và kiểm soát các hoạt động thông qua các chỉ số đo lường hiệu lực của quá trình, qua thực hiện cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng.

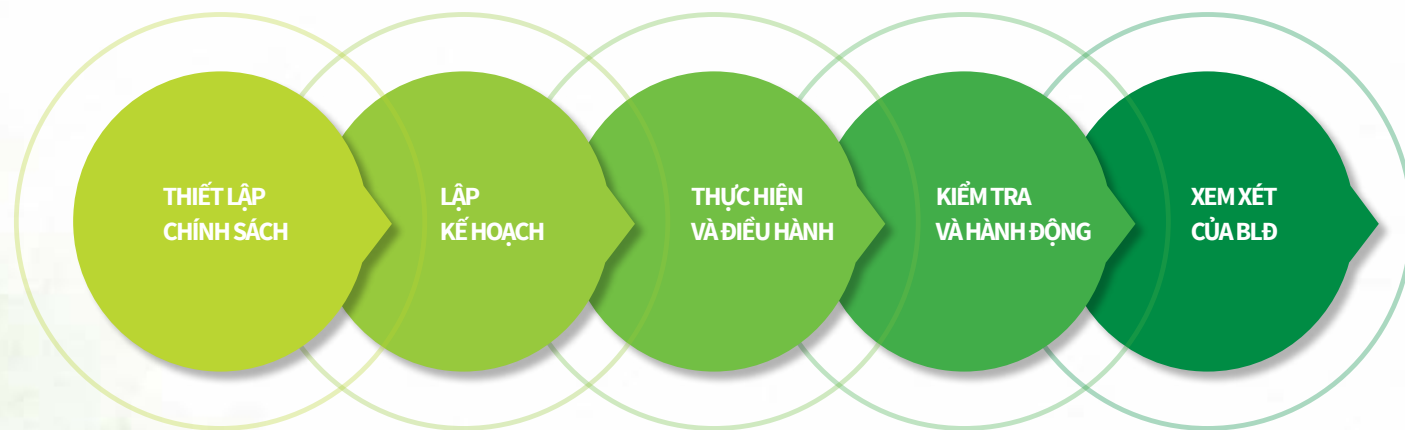
**ISO 14001:2015:** Nhận diện các mối nguy về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh và đưa ra các biện pháp kiểm soát để đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường đồng thời tuân thủ các luật pháp về bảo vệ môi trường.

**OHSAS 18001:2007:** Nhận diện các rủi ro về an toàn, sức khỏe của người lao động và đưa ra các biện pháp kiểm soát để đảm bảo an toàn và sức khỏe của người lao động cũng như thiệt hại về tài sản đồng thời tuân thủ luật pháp về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp.



### MÔ HÌNH CẤU TRÚC:

Các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 trong Hệ thống quản trị tích hợp (IMS) của CNG Việt Nam được xây dựng dựa trên mô hình P-D-A-C (Plan – Do – Act – Check) và có chung mô hình cấu trúc như sau:



## KHÁCH HÀNG THỎA MÃN VỚI SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ GẮN BÓ LÂU DÀI VỚI CÔNG TY

**K**hách hàng là yếu tố sống còn đối với bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận Kinh doanh chịu trách nhiệm cho các hoạt động quảng bá, chào bán sản phẩm, đồng thời thực hiện công tác phối hợp trước khi cấp khí, công tác chăm sóc khách hàng sau khi bán khí, đặc biệt là đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự gắn bó của khách hàng, gia tăng uy tín thương hiệu. Các công tác này được thực hiện tuân thủ theo Quy trình bán khí CNG và chăm sóc khách hàng phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

Sự thỏa mãn của khách hàng được Công ty đánh giá căn cứ vào 08 yếu tố như bên dưới và được định kỳ thực hiện mỗi 6 tháng. Đây cũng chính là những yếu tố mà Công ty tập trung vào nhằm không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ đi kèm. Tất cả các phản hồi, ý kiến của khách hàng đều được các đơn vị ghi nhận, phản hồi khách hàng trong vòng 03 ngày làm việc. Các ý kiến về vấn đề an toàn, kỹ thuật tại các trạm khách hàng được Công ty tích cực xử lý trong thời gian sớm nhất, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng



### Kết quả đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng năm 2017

- Trong năm 2017, kiến nghị của khách hàng tập trung vào việc yêu cầu Công ty hỗ trợ về thời hạn thanh toán, giá, thiết bị; xem xét, duy trì sự ổn định về sản lượng và chất lượng khí cung cấp, hạn chế tối đa việc xảy ra sự cố ngừng cấp khí, gây thiệt hại cho khách hàng.
- Mức độ thỏa mãn của khách hàng theo kết quả phân tích phiếu thăm dò ý kiến khách hàng đạt 96,29%.
- Lượng khách hàng tăng mạnh trong năm 2017 cho thấy sự thỏa mãn của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của Công ty ngày càng được cải thiện.



## AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG TRONG MỌI QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

### Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007

#### 1 TUÂN THỦ THEO YÊU CẦU PHÁP LUẬT

Trong năm 2017, CNG đã ban hành tổng cộng 7 văn bản mới liên quan đến công tác An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp, cụ thể như sau:



#### 2 AN TOÀN TRONG CÔNG NGHỆ – THIẾT BỊ

- Hầu hết các thiết bị như bồn, máy nén, trạm giảm áp có xuất xứ từ các nhà sản xuất hàng đầu của Canada, Mỹ, Đức, Ý, Anh, với công nghệ hiện đại, tiên tiến, giúp giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.
- Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG với quá trình thao tác đơn giản, tự động hóa cao.
- Thiết bị được đăng ký kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng, cũng như được kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng.
- Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị theo đúng định kỳ, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.
- Tổ chức huấn luyện, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn đầy đủ cho CBCNV, đưa văn hóa an toàn thấm nhuần đến từng CBCNV, đặc biệt là lực lượng sản xuất trực tiếp.
- Thiết lập hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên và xây dựng quy chế hoạt động với mục đích đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động.

#### 3 AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT – VẬN HÀNH – VẬN CHUYỂN

- Xây dựng các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Trạm trung tâm Mỹ Phước 3 và các trạm giảm áp (PRU), tiếp khí tại khách hàng: áp dụng, giám sát thực hiện, cập nhật thường xuyên.
- Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí và con người điều khiển trước khi thực hiện, nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.
- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho mạng lưới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động cho Công ty.
- Triển khai thực hiện chương trình 5S cho toàn thể CBCNV tại Văn phòng Công ty cũng như Chi nhánh Phú Mỹ, Chi nhánh miền Bắc. Chương trình bao gồm 5 bước: Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng và Sẵn sàng, với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở lên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.

#### 4 AN TOÀN TRONG CẤP KHÍ CHO KHÁCH HÀNG

##### Trước khi cấp khí:

- Thực hiện khảo sát địa điểm để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn cho trạm con.
- Lên bản vẽ chi tiết.
- Cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh về phòng cháy chữa cháy, quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng.
- Hỗ trợ khách hàng về đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn, hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.

##### Sau khi cấp khí:

- Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật
- Định kỳ khảo sát, đánh giá chất lượng và bảo dưỡng sửa chữa thiết bị.

##### Thống kê sự cố lao động:

- Dù hết sức cẩn trọng theo các tiêu chuẩn đã đề ra nhưng trong năm 2017 xảy ra 2 sự cố kỹ thuật nhẹ liên quan đến vật tư thay thế, lỗi về điện áp không ổn định của lưới điện, 1 sự cố do lỗi chủ quan của con người. Số lượng sự cố năm 2017 giảm so với năm 2016.
- Công tác thống kê, điều tra, xác định nguyên nhân gốc của các tai nạn sự cố và đưa ra các biện pháp phòng ngừa, phổ biến cho các bộ phận liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

##### BẢNG THỐNG KÊ SỰ CỐ LAO ĐỘNG

| STT | Loại TNSC      | Tổng số vụ việc |          | So sánh tăng/giảm |
|-----|----------------|-----------------|----------|-------------------|
|     |                | Năm 2016        | Năm 2017 |                   |
| 1   | Số TNSC loại 0 | 4               | 3        | Giảm              |
| 2   | Số TNSC loại 1 | 0               | 0        |                   |
| 3   | Số TNSC loại 2 | 0               | 0        |                   |
| 4   | Số TNSC loại 3 | 0               | 0        |                   |
| 5   | Số TNSC loại 4 | 0               | 0        |                   |

#### 5 AN TOÀN CHÁY NỔ

Cháy nổ đó là một trong những rủi ro lớn đối với các Công ty đặc thù ngành nói chung cũng như là CNG Việt Nam nói riêng. Để thực hiện ngăn chặn và hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy nổ gây ra. Công tác quản trị của Công ty được thực hiện như sau:

- Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng tránh cháy nổ
- Bảo trì thiết bị PCCC định kỳ
- Liên kết với công an PCCC khu công nghiệp tập huấn định kỳ

Nâng cao tính hiệu lực của các hành động đang thực hiện sau:

- Tuân thủ quy định PCCC, an toàn điện, thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống điện.
- Nắm chắc quy trình vận hành, Đào tạo an toàn bước 1, 2, 3 và đảm bảo vận hành, lái xe CNG có kinh nghiệm xử lý các tình huống sự cố nếu xảy ra.
- Phối hợp với CA PCCC huấn luyện PCCC định kỳ, diễn tập ứng cứu sự cố.
- Trang bị và thường xuyên kiểm tra đầy đủ các thiết bị chữa cháy tại các vị trí cần thiết.

Kết quả thực hiện năm 2017: Không xảy ra cháy nổ trong nhà máy, tình trạng làm việc luôn ở trong trạng thái ổn định đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất, vận hành.



## QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ TẠI CNG VIỆT NAM



## HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015

### 01 Máy móc thiết bị (bồn, máy nén), phương tiện vận chuyển khí (xe bồn, rơ moóc)

- Lập kế hoạch bảo dưỡng lớn cho các thiết bị đã đến hạn bảo dưỡng lớn, bảo dưỡng sự cố theo yêu cầu của nhà sản xuất và tình trạng thực tế.
- Đánh giá lại thiết bị, cần thiết đầu tư thiết bị mới.
- Bố trí vận hành thiết bị hợp lý.
- Lựa chọn các máy móc thiết bị sử dụng công nghệ cao, hiện đại khi mua sắm.

### Tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao các công tác:

- Soạn bảng hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu cho các thao tác quan trọng để tại nơi làm việc.
- Xác định nguyên nhân gốc do thao tác sai để đánh giá và phổ biến kinh nghiệm, ngăn ngừa sự cố lặp lại.
- Rà soát tính chất công việc và năng lực thực tế của nhân viên để lập kế hoạch đào tạo cho các nhân viên có tay nghề chưa cao.
- Rà soát lại các vị trí nhạy cảm, có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và dán bằng cảnh báo. Dán tagname cho các vị trí cần thiết.
- Viết/cập nhật hướng dẫn, qui trình làm việc cho những việc liên quan hệ thống điều khiển gây dừng nhà máy/dừng cục bộ.

### 02 Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, trạm PRU, đường ống khí cho khách hàng

- Thông báo cho nhà thầu các yêu cầu về an toàn của CNG (trong hồ sơ mời thầu).
- Kiểm tra sự tuân thủ các yêu cầu về an toàn (kiểm tra chứng chỉ thiết bị, phương án đảm bảo an toàn nhà thầu, đánh giá rủi ro cho công việc nguy hiểm...).

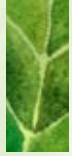
- Đánh giá ảnh hưởng thay đổi khi bắt đầu triển khai dự án.

- Giám sát an toàn trong suốt thời gian thi công.

### Đưa biện pháp chế tài về việc chậm tiến độ vào Hợp đồng, hồ sơ mời thầu

- Thống kê số lần vi phạm của nhà thầu thành dữ liệu để đánh giá trong các lần đấu thầu tiếp theo.
- Hỗ trợ nhà thầu trong việc thực hiện các thủ tục liên quan (hướng dẫn an toàn, cấp phép thi công...).
- Giám sát, đôn đốc chặt chẽ tiến độ nhà thầu.
- Hợp định kỳ với Nhà thầu để giải quyết các vướng mắc.





## HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 14001:2015

### 01 Sự cố môi trường

**TRONG NĂM QUA, CÔNG TY CỐ GẮNG THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHÍNH CÓ THỂ XẢY RA. BÊN CẠNH ĐÓ, THỰC HIỆN ĐÚNG QUY TRÌNH ỨNG PHÓ CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP ĐỂ LOẠI BỎ CÁC NGUY CƠ TIỀM ẨN GÂY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.**

Để thực hiện, hằng tháng cập nhật và đánh giá các thống kê về sự cố môi trường, đưa ra các hành động khắc phục nếu không đạt kết quả như mong muốn. Kết quả, trong năm không xảy ra sự cố về môi trường.

#### CÔNG TÁC ỨNG CỨU KHẨN CẤP:

- Thực hiện kiện toàn ban chỉ đạo UCKC Công ty được thành lập theo quyết định số 251/QĐ - CNG ngày 08/08/2017.
- Kiện toàn ban chỉ huy UCKC tại Chi nhánh Phú Mỹ, Chi nhánh Miền Bắc. Thường xuyên cập nhật kịp thời sơ đồ liên lạc, danh bạ điện thoại UCKC khi có thay đổi.
- Triển khai Quy trình ứng phó với các tình huống khẩn cấp, xây dựng các bài tập tình huống cụ thể và tổ chức tập luyện theo kế hoạch.
- Chuẩn bị sẵn sàng các vật tư, dụng cụ phòng chống lụt, bão, thiên tai và cách xử lý tình huống thiên tai gây ra.

| Tên dự án                 | Số các phương án/kế hoạch UCKC            | Tổng số các phương án đã thực hiện diễn tập                            | Các phương án chưa thực hiện diễn tập, nguyên nhân                                      |
|---------------------------|---|--|---|
| Nhà máy CNG Phú Mỹ        | 05  | 03   | Phương án phòng chống khủng bố; Phương án phòng chống thiên tai                         |
| Số tình huống UCKC nội bộ | Số lần thực tập nội bộ theo các phương án | Số lần thực tập các phương án có sự tham gia của các đơn vị xung quanh | Số lần thực tập các phương án có sự tham gia của Cảnh sát PCCC và các đơn vị xung quanh |
| 08                        | 16  | 01   | 01  |

### 02 Hoạt động vận chuyển CNG: Tỏa nhiệt, khói, bụi

Đặc thù ngành mà CNG Việt Nam nhận thức được đó là gây ra tác nhân gây ô nhiễm môi trường như tỏa nhiệt, khói, bụi trong quá trình vận chuyển CNG. Để ngăn ngừa rủi ro này, Công ty:

- Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng định kỳ các loại xe.
- Lựa chọn các nhà cung cấp các phương tiện vận chuyển có chất lượng tốt.

Kết quả: Các chỉ số đo đạc môi trường đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

#### CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, ĐĂNG KIỆM, KIỂM ĐỊNH VÀ BẢO HIỂM:

Công ty chủ động xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa cho tất cả các thiết bị, máy móc, phương tiện của đơn vị, đồng thời tổ chức thực hiện bảo dưỡng sửa chữa đầy đủ, đúng quy định, để bảo đảm độ tin cậy của thiết bị luôn được duy trì ở mức độ cao nhất.

| Thời gian | Bảo dưỡng ngăn ngừa      |                        |                    | Bảo dưỡng đột xuất       |                        |                    |
|-----------|--------------------------|------------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|--------------------|
|           | Tổng số đầu việc theo KH | Số đầu việc hoàn thành | Tỷ lệ % hoàn thành | Tổng số đầu việc theo KH | Số đầu việc hoàn thành | Tỷ lệ % hoàn thành |
| 2016      | 1725                     | 1684                   | 97,6%              | 49                       | 47                     | 95,9%              |
| 2017      | 1625                     | 1599                   | 98,4%              | 39                       | 39                     | 100%               |

- 100% các phương tiện cơ giới của CNG Việt Nam được duy trì đăng kiểm đúng quy định của pháp luật và còn hiệu lực.
- 100% số thiết bị đã được kiểm định, hiệu chuẩn/tổng số thiết bị cần kiểm định theo yêu cầu.

| Thiết bị            | Số lượng | Kiểm định | Tỷ lệ hoàn thành |
|---------------------|----------|-----------|------------------|
| Thiết bị Instrument | 914      | 914       | 100%             |
| Van                 | 298      | 298       | 100%             |
| Bình bốn áp lực     | 53       | 53        | 100%             |

- 100% các công trình của CNG Việt Nam được bảo hiểm đầy đủ theo quy định của pháp luật và còn hiệu lực.

| STT | Tên công trình   | Ngày cấp GCN bảo hiểm | Ngày hết hạn bảo hiểm |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) | 02/12/2017            | 01/12/2018            |
| 2   | Bảo hiểm trách nhiệm công cộng                                   | 02/12/2017            | 01/12/2018            |
| 3   | Bảo hiểm xe cơ giới  | 01/12/2017            | 01/12/2018            |

### 03 Tuân thủ yêu cầu pháp luật về môi trường

Với nỗ lực xây dựng CNG Việt Nam là Công ty phát triển bền vững thì việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường là một trong những điều kiện tiên quyết. Hoạt động trong ngành nghề có thể ảnh

hưởng đến môi trường nhiều nhưng nhiều năm qua kết quả tiêu thụ các nguồn năng lượng có xu hướng tăng chậm hoặc sụt giảm. Công ty cũng không có vi phạm về pháp luật môi trường.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP (IMS)



**BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CUNG CẤP CÁC NGUỒN LỰC CẦN THIẾT CHO VIỆC THIẾT LẬP, THỰC HIỆN, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN THƯỜNG XUYÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-MT BAO GỒM: CON NGƯỜI, CƠ SỞ HẠ TẦNG, MÔI TRƯỜNG VẬN HÀNH CÁC QUÁ TRÌNH, HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP.**

- Năm 2017 công tác an ninh an toàn, phòng cháy chữa cháy đã thực hiện tốt, không có tai nạn, không có sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản, môi trường.
- Công tác tuyên truyền, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy được thực hiện thường xuyên và định kỳ, giúp CBCNV nâng cao ý thức trách nhiệm về an toàn nơi làm việc.
- Rà soát, cập nhật ban hành Hệ thống văn bản quản lý về công tác an toàn sức khỏe môi trường đáp ứng các yêu cầu của Tổng công ty và theo tiêu chuẩn ISO phiên bản mới 2015.
- Thực hiện đầy đủ và chặt chẽ công tác huấn luyện, giám sát an toàn nhà thầu.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng đã góp phần ngăn ngừa sự cố thiết bị, ảnh hưởng đến sản xuất.

### Những hạn chế của Hệ thống quản trị tích hợp (IMS) tại CNG Việt Nam:

- Công tác rà soát, đánh giá tuân thủ yêu cầu pháp luật về AT SK MT ở mức độ nào đó còn mang tính hình thức. Cách hiểu và cách đánh giá mức độ tuân thủ văn bản pháp lý giữa các bộ phận cũng chưa đồng đều. Một số văn bản pháp lý còn chồng chéo, khó thực hiện.
- Một số lãnh đạo của bộ phận chưa quan tâm sâu sát và chưa có chỉ đạo kịp thời để triển khai hệ thống một cách đồng bộ và quyết liệt.
- Các khóa đào tạo về Hệ thống quản trị tích hợp (IMS) chưa đa dạng về nội dung và sinh động về hình thức thực hiện, dẫn đến CBCNV tham gia đào tạo đạt hiệu quả thấp.



## VĂN HÓA LÀM VIỆC VÌ KẾT QUẢ CHUNG CAO NHẤT

### 01 Chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài

Ngoài chế độ lương thưởng cạnh tranh, CNG Việt Nam còn đảm bảo kịp thời các khoản lợi ích BHYT, BHXH, Bảo hiểm con người (tai nạn, nằm viện...). Công ty xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo các yếu tố sau: (1) Trân trọng giá trị lao động; (2) Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp; (3) Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện.

Thông qua các chính sách này, Công ty đã dẫn tạo được uy tín cao đối với một nhà tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân tài, qua đó cải thiện sự chuyên nghiệp, chất lượng sản phẩm dịch vụ, đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.

**Xem thêm thông tin trong Chương 05: Trách nhiệm Môi trường và Xã hội.**

### 02 Văn hóa chuyên nghiệp với Thực hành 5S

5S là chữ cái đầu của các từ tiếng Nhật dịch sang tiếng Việt là “SÀNG LỌC”, “SẮP XẾP”, “SẠCH SẼ”, “SẴN SÓC”, “SẴN SÀNG”. Thực hành 5S là một chương trình đòi hỏi sự tham gia của CBCNV trong toàn thể Công ty. Đây là một phương pháp hiệu quả để huy động con người, cải tiến môi trường làm việc và nâng cao năng suất thông qua:

- Xây dựng một môi trường sạch sẽ, ngăn nắp.
- Mọi người trong cũng như ngoài Công ty dễ dàng nhận thấy rõ kết quả.
- Tăng cường phát huy sáng kiến.
- Nâng cao ý thức kỷ luật trong Công ty.
- Chỗ làm việc trở nên thuận tiện và an toàn.
- CBCNV tự hào về nơi làm việc.
- Xây dựng hình ảnh Công ty, đem lại cơ hội trong quản lý, kinh doanh...

Thông qua chương trình 5S này, Ban lãnh đạo và toàn bộ CBCNV cam kết đạt được các mục tiêu sau để thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty:

- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, văn minh
- Nâng cao năng suất lao động
- Nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp trước khách hàng và đối tác.





Công ty tổ chức đánh giá thực hành 5S ít nhất 02 lần/năm, kết hợp đánh giá nội bộ hoặc kiểm tra AT-CL-MT. Trong giai đoạn bắt đầu triển khai 5S, tần suất đánh giá có thể cao hơn, căn cứ theo mục tiêu, kế hoạch triển khai 5S để lập kế hoạch, chương trình đánh giá 5S.

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỰC HÀNH 5S TRONG NĂM 2017

- Hoàn thành tổ chức các lớp đào tạo “Nhận thức và phương pháp triển khai áp dụng 5S” cho CBCNV trong toàn Công ty với 218 lượt người tham gia, tỷ lệ đạt 100% đối tượng theo yêu cầu; lớp đào tạo đánh giá viên nội bộ 5S được 32 người, hoàn thành được cấp chứng chỉ 100%, đáp ứng yêu cầu tham gia các cuộc đánh giá nội bộ 5S của Công ty.
- Hoàn thành tổ chức ngày tổng vệ sinh, khởi động chương trình 5S trong toàn Công ty, thực hiện việc sàng lọc ban đầu ở tất cả các khu vực thuộc phạm vi triển khai 5S trong tháng 12/2016. Trong buổi lễ phát động, đại diện các đơn vị và các tổ chức đoàn thể đã cùng ký cam kết thực hiện chương trình 5S với đại diện lãnh đạo Công ty.
- CBCNV trong Công ty đã được trang bị đầy đủ kiến thức về thực hành tốt 5S, các kỹ năng cơ bản thực hành đánh giá nội bộ của đội ngũ đánh giá viên.
- Áp dụng vào thực tế công việc của mỗi người, mỗi bộ phận theo các yêu cầu của mục tiêu: Xây dựng môi trường làm việc an toàn, cải thiện hiệu quả hoạt động chung và nâng cao năng suất lao động.
- Trong tuần đầu thực hiện đã sàng lọc loại bỏ được số lượng lớn các vật tư, vật dụng thiết bị hư hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng, các tài liệu hồ sơ không có giá trị, hết hiệu lực, trùng lặp ... chiếm nhiều không gian diện tích, gây cản trở khó khăn trong quá trình vận hành sản xuất, thực hiện các công việc chuyên môn, tiềm ẩn các nguy cơ, rủi ro về an toàn.
- Dẫn tạo được thói quen thực hành 5S trong mỗi người ở mọi lúc, mọi nơi.
- Hoàn thành mục tiêu chính của giai đoạn đầu áp dụng chương trình 5S: Được cấp “Chứng nhận thực hành tốt 5S”.

## TRÁCH NHIỆM CHIA SẺ VỚI XÃ HỘI VÀ TRƯỚC MÔI TRƯỜNG

Một trong những giá trị cơ bản của CNG Việt Nam là gắn chặt hoạt động của Công ty với việc bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.

**Thông tin chi tiết được trình bày trong Chương 05 – Trách nhiệm môi trường và xã hội.**

## CƠ CẤU HĐQT

HĐQT của CNG Việt Nam hiện có 05 thành viên, bao gồm 02 Nữ chiếm tỷ lệ 40%. Cơ cấu HĐQT bao gồm Chủ tịch, 02 thành viên là thành viên điều hành, còn lại 01 thành viên chuyên trách và 01 thành viên độc lập. Các thành viên trong HĐQT có sự đa dạng về kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm quản lý điều hành lẫn nghiệp vụ chuyên sâu trong ngành Dầu khí. Điều này giúp đảm bảo HĐQT hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp và phù hợp với các chuẩn mực quản trị tiên tiến.

| STT | Họ và tên              | Chức vụ                      |
|-----|------------------------|------------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT                |
| 2   | Ông Vũ Văn Thực        | Thành viên HĐQT kiêm GD      |
| 3   | Ông Phạm Đình Đạt      | Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 4   | Ông Bùi Văn Đản        | Thành viên HĐQT kiêm Phó GD  |
| 5   | Bà Lê Thị Thu Giang    | Thành viên HĐQT độc lập      |

## VAI TRÒ CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC

Tháng 04/2017, HĐQT đã thông qua Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hồng Hải. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc điều hành có vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của từng chức vụ phù hợp với các phương pháp quản trị công ty theo hướng hiện đại và theo thông lệ quốc tế, và đáp ứng yêu cầu của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng do Chính phủ ban hành.

## THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Các thành viên độc lập, không điều hành đảm bảo CNG Việt Nam cân bằng hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của Nhà nước, của người lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thành viên này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động, tính minh bạch của bộ máy quản trị Công ty.

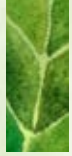
## CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT:

HĐQT chưa lập ra các tiểu ban do chưa phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

## CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

Hiện tất cả các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ về Quản trị công ty.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2017

HĐQT trong năm 2017 đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động, điều hành của Công ty, trong đó tập trung vào các công tác: Xây dựng chiến lược, Quản lý hiệu quả hoạt động, Giám sát hoạt động và Phòng ngừa rủi ro.

| VAI TRÒ   | NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM  | CÁCH THỨC THỰC HIỆN   |
|---|---|---|
| <b>Xây dựng chiến lược</b>                            | <p>Hoạch định phương hướng của các chiến lược kinh doanh dài hạn.</p> <p>Chịu trách nhiệm xét duyệt và chấp thuận các kế hoạch hoạt động thường niên.</p>   | <p>Hợp tác, làm việc với đội ngũ điều hành nhằm tìm hiểu, nắm bắt sự vận động của thị trường trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Qua đó nhận thức kịp thời các cơ hội mới và rủi ro tiềm ẩn để đưa ra các chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp.</p> <p>Thiết lập quy trình truyền tải chiến lược đến các bộ phận chủ chốt trên nền tảng liên tục, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu đề ra.</p> <p>Bên cạnh việc hoạch định tầm nhìn và chiến lược, sự ghi nhận thành quả lao động cũng được HĐQT chú trọng. Sự phát triển của chính sách thù lao và lương thưởng luôn được HĐQT xem xét thường xuyên.</p>  |
| <b>Giám sát và Quản lý hiệu quả hoạt động</b>         | <p>Giám sát hiệu quả hoạt động của CNG Việt Nam.</p> <p>Đảm bảo việc thực hiện các kế hoạch và chiến lược đề ra.</p> <p>Các báo cáo được thực hiện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Báo cáo của Ban điều hành</li> <li>➢ Báo cáo hiệu quả hoạt động</li> <li>➢ Báo cáo tình hình tài chính</li> <li>➢ Báo cáo hoạt động đầu tư</li> <li>➢ Vấn đề cổ tức cho cổ đông</li> </ul> | <p>Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của Công ty.</p> <p>Tiếp nhận các đánh giá về hiệu quả hoạt động dựa trên các nhóm chỉ tiêu đánh giá riêng biệt.</p> <p>Đưa ra yêu cầu về sự cải thiện hiệu quả hoạt động cùng các giám sát thường xuyên trong năm tài chính.</p> <p>Đánh giá chính sách phân phối thu nhập cho cổ đông định kỳ hàng quý và năm dựa trên thành quả hoạt động của Công ty.</p> <p>Lắng nghe và tiếp nhận các ý kiến đóng góp của nhân viên, người lao động thông qua các khảo sát ý kiến định kỳ. Các khảo sát ý kiến nhân viên được dựa trên sự đo lường mức độ tích hợp giá trị Công ty vào văn hóa của doanh nghiệp trên nền tảng hoạt động kinh doanh cốt lõi</p> |
| <b>Phòng ngừa rủi ro</b>                              | <p>Đảm bảo sự nhận dạng chính xác các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Đảm bảo quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro diễn ra chính xác và kịp thời.</p>   | <p>HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bộ phận chức năng, thường xuyên đánh giá quy trình nhận dạng, đánh giá và quản trị rủi ro.</p> <p>Đánh giá tính hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty.</p> <p>Thiết lập quy trình đánh giá tác động tài chính từ biến động giá nhiên liệu đầu vào. Xây dựng cách thức Công ty phản ứng với biến động của thị trường dầu mỏ và thị trường khí thiên nhiên</p>  |
| <b>Giám sát hiệu quả quản trị của bộ máy lãnh đạo</b> | <p>Sự thành công của công tác quản trị HĐQT và Ban điều hành</p>  | <p>Đóng vai trò chủ chốt đối với sự vận hành của con tàu CNG Việt Nam, việc duy trì tính liên tục và sự phù hợp của bộ máy lãnh đạo luôn được chú trọng trong nhiều năm qua. Do đó, HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc lựa chọn nhân sự phù hợp nhất về chuyên môn và văn hóa hoạt động của Công ty.</p>  |



## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2017 (tiếp theo)

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT. Cụ thể, nội dung thảo luận và Nghị quyết mà HĐQT ban hành trong năm 2017 bao gồm:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1   | 01/NQ-HĐQT                | 04/01/2017 | Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại đường Nguyễn An Ninh – TP.Vũng Tàu      |
| 2   | 02/NQ-HĐQT                | 09/01/2017 | Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016  |
| 3   | 03/NQ-HĐQT                | 10/01/2017 | Họp HĐQT về kết quả SXKD năm 2016  |
| 4   | 32/QĐ-CNG                 | 13/02/2017 | Kế hoạch lao động tiền lương năm 2016  |
| 5   | 04/NQ-HĐQT                | 02/03/2017 | Tạm ứng 30% cổ tức năm 2016  |
| 6   | 05/NQ-HĐQT                | 06/03/2017 | Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017   |
| 7   | 08/NQ-HĐQT                | 11/4/2017  | Miễn nhiệm Phó giám đốc và bầu chủ tịch HĐQT Công ty                             |
| 8   | 09/NQ-HĐQT                | 22/6/2017  | Họp HĐQT Quý 2/2017  |
| 9   | 218A/QĐ-CNG               | 30/6/2017  | Phê duyệt lập địa điểm kinh doanh KCN Thuận Đạo – Long An                        |
| 10  | 232/QĐ-CNG                | 18/7/2017  | Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm quản lý nội bộ trong Công ty         |
| 11  | 316/QĐ-CNG                | 22/9/2017  | Thay đổi tên đất từ Lô số 3 sang Lô số 5 KCN Thuận Đạo – Long An                 |
| 12  | 11/NQ-HĐQT                | 16/10/2017 | Nghị quyết họp HĐQT Quý 3/2017   |
| 13  | 373/QĐ-CNG                | 21/11/2017 | Quy chế làm việc của HĐQT CNG Việt Nam (Sửa đổi lần 4)                           |
| 14  | 386/QĐ-CNG                | 4/12/2017  | Định mức tiêu hao nhiên liệu cho 3 xe ô tô văn phòng chi nhánh miền Bắc          |
| 15  | 456/QĐ-CNG                | 29/12/2017 | Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2017  |
| 16  | 457/QĐ-CNG                | 29/12/2017 | Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao đối với Ban quản lý, điều hành Công ty. |



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thị trường giá dầu trên thế giới trong năm 2017 đã trở nên khốc liệt hơn với sự hồi phục mạnh mẽ của giá dầu thế giới. Tuy nhiên, sự biến động khó lường của giá dầu sẽ khiến việc hoạch định kế hoạch và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều trở ngại. Vì vậy, khả năng biến động mạnh của giá dầu vẫn là vấn đề mà Công ty cần theo dõi trong năm 2018

**TRONG NĂM VỪA QUA, HĐQT ĐÃ LUÔN THEO SÁT CÁC BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG DẦU THẾ GIỚI, TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NƯỚC VÀ DIỄN BIẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY ĐỂ ĐƯA RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ. VỚI QUYẾT TÂM, NỖ LỰC CÙNG SỰ ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG, TẬP THỂ CBCNV CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH TỐT CÁC NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017 DO ĐHCĐ GIAO PHÓ.**



### Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Với các giải pháp đồng bộ vừa chăm sóc tốt khách hàng hiện tại vừa đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, CNG Việt Nam đã gia tăng số lượng khách hàng cấp khí tăng mạnh trong năm 2017. Bên cạnh đó, các chính sách giá và thanh toán linh hoạt cũng đã giúp khách hàng gia tăng lượng khí tiêu thụ. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ khí CNG trong năm 2017 tăng mạnh 18% so với năm 2016 lên mức 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>.

Qua đó, doanh thu tiêu thụ khí năm 2017 đã tăng trưởng mạnh 47,6% so với năm 2016 đạt 1.314,7 tỷ đồng, tổng doanh thu đạt 1.324,5 tỷ đồng, hoàn thành 135,1% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 109,3 tỷ đồng, hoàn thành 135,2% kế hoạch năm 2017.

Đây là một kết quả xứng đáng cho những nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, trong bối cảnh giá dầu tăng mạnh nhưng biến động khó lường trong năm qua, gây không ít khó khăn cho công tác dự báo và điều hành kinh doanh của CNG Việt Nam.

### Sản xuất và an toàn trong sản xuất

Trong hoạt động kinh doanh của mình, CNG Việt Nam luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Công ty đã cải tiến hệ thống quản lý an toàn để đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2017, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 là 101,8 tỷ đồng.

Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng. Bộ phận đầu tư đã phối hợp cùng phòng kinh doanh và khách hàng, rà soát lại nhu cầu đầu tư để giải ngân cho các dự án một cách hợp lý. Do nhu cầu thực tế và yêu cầu thay đổi thời gian thực hiện dự án của khách hàng nên tổng giá trị giải ngân năm 2017 là 84,38 tỷ đồng, cụ thể như sau:

**101,8**  
TỶ VNĐ  
**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

| STT | Dự án   | Vốn đầu tư (tỷ đồng) |
|-----|---|----------------------|
| 1   | Trụ sở văn phòng Công ty<br>+ Nhận chuyển nhượng đất:<br>+ Đầu tư xây dựng                          | 43,14<br>0,15        |
| 2   | Văn phòng chi nhánh Phú Mỹ  | 5,28                 |
| 3   | Trạm cấp khí trung tâm KCN Thuận Đạo – Long An  | 10,56                |
| 4   | Mua sắm trang thiết bị<br>+ Mua sắm và lắp đặt 02 máy nén:<br>+ Mua sắm thiết bị khác phục vụ SXKD: | 23,22<br>2,03        |
|     | <b>Tổng cộng</b>  | <b>84,38</b>         |



## **ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

### **Quản lý tài chính**

Năm 2017, các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được bộ phận Tài chính – Kế toán và Ban điều hành triển khai thực hiện. Với mục tiêu mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới cũng như gia tăng lòng trung thành của nhóm khách hàng hiện hữu thì các chính sách tín dụng đã được hoạch định kĩ càng hơn nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh lên hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho HĐQT, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, HĐQT yêu cầu công tác tài chính chú trọng những vấn đề sau:

- Tăng cường sự chủ động trong công tác quản trị vốn. Đảm bảo nguồn vốn hiện hữu đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng.
- Luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ cần được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với các ban, nhà máy trên nền tảng liên tục để hoạch định chính xác nhu cầu nguồn vốn dự kiến phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thực hiện định kỳ việc phân tích nền kinh tế, phân tích cơ hội và rủi ro của ngành hoạt động nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kịp thời phù hợp các kế hoạch hoạt động của Công ty.

### **Tổ chức và nhân sự**

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

Khuyến khích và thúc đẩy toàn thể CBCNV tham gia sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong năm 2017. Nhờ đó, 10 sáng kiến đã được ứng dụng trong hoạt động sản xuất, giúp Công ty tiết kiệm được năng lượng sử dụng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thời gian sản xuất, gia tăng hiệu quả lao động.



### **Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Ban Giám đốc nhận thức rõ khó khăn và thách thức mà Công ty phải đối mặt nên đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động của Công ty, có chiến lược kinh doanh phù hợp định hướng.

Trong kết quả đánh giá hoạt động năm 2017, HĐQT đề cao các hoạt động sau của Ban Giám đốc:

- Tập trung thực hiện đầy đủ các chiến lược đề ra, cụ thể là sự gia tăng quản trị hoạt động trong một năm tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng từ thị trường dầu mỏ.
- Đánh giá hiệu quả tài chính của hoạt động kinh doanh. Giám sát sự phân bổ nguồn vốn đầu tư và khả năng sinh lời của tài sản hoạt động.
- Phối hợp tích cực cùng HĐQT xử lý, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thấu hiểu tốt hơn mức độ hiệu quả của Công ty trong khả năng truyền tải chiến lược và tầm nhìn của HĐQT. Đạt được góc nhìn sâu sắc hơn về tầm nhìn của cổ đông.

## **ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Trong năm 2017, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, chủ động đưa ra các ý kiến đóng góp để hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình. Trong bối cảnh thị trường dầu khí thế giới có cải thiện nhưng biến động khó lường, HĐQT và Ban điều hành đã làm việc tận tụy, chuyên nghiệp, phối hợp nhịp nhàng nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất, vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.

### **Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư**

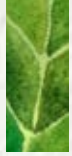
Chủ trương chung của Công ty là luôn luôn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đến nhà đầu tư khi yêu cầu, tiếp nhận các ý kiến, khuyến nghị từ cổ đông hiện tại và tiềm năng. Hiện Công ty đã có bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) để tạo đầu mối tương tác với cổ đông hiện tại và tiềm năng.

Các kênh tương tác trọng yếu gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên; Viếng thăm Công ty và nhà máy; Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại; Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email; Tiếp nhận phản hồi qua website; Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức; Báo cáo thường niên; Báo cáo phân tích của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; và Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Năm 2017, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, đặc biệt là việc công bố thông tin luôn được chú trọng không chỉ theo đúng yêu cầu của UBCK và SGDCK mà còn đẩy mạnh ở nhiều kênh tương tác với nhiều thông tin hữu ích về thị trường, về hoạt động sản xuất, hoạt động đầu tư... giúp các cổ đông và nhà đầu tư có nhiều thông tin hữu ích. Góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hình ảnh minh bạch và hiệu quả của CNG Việt Nam, HĐQT và Ban lãnh đạo.

Trong năm 2017, CNG Việt Nam cũng thực hiện chính sách chi trả cổ tức năm 2016 bằng 30% vốn điều lệ, tương đương giá trị 81 tỷ đồng.





## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2018, nền kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khả quan. Tuy nhiên, vẫn cần chú ý yếu tố nguy cơ có thể làm thay đổi dự báo này đến từ xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ đang diễn ra ở Mỹ, chính sách bảo hộ thương mại đang diễn ra ở một số nền kinh tế lớn, hay những rạn nứt trong nội bộ Liên minh Châu Âu.

**VỚI CÁC CHỈ BÁO NỀN KINH TẾ VỮNG VÀNG TRONG NĂM 2017 CÙNG TRIỂN VỌNG TÍCH CỰC CỦA NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU, CÁC CHÍNH SÁCH KÍCH THÍCH KINH TẾ PHÙ HỢP, TÌNH HÌNH KINH TẾ TRONG NƯỚC ĐƯỢC DỰ BÁO SẼ CÓ NHIỀU KHỞI SẮC VỚI SỰ TĂNG TRƯỞNG, MỞ RỘNG SẢN XUẤT CỦA CÁC DOANH NGHIỆP. ĐÂY SẼ LÀ ĐỘNG LỰC GIÚP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY KHẢ QUAN HƠN TRONG NĂM 2018.**

Tuy nhiên, CNG Việt Nam vẫn cần chuẩn bị kỹ khi giá dầu thế giới dù được dự báo khả quan nhưng biến động vẫn hết sức khó lường do chịu nhiều tác động từ các yếu tố đan xen như: việc cắt giảm sản lượng của các nước trong và ngoài OPEC, tác động từ sự gia tăng sản lượng dầu đá phiến của Mỹ và tình hình địa chính trị tại Trung Đông...

Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, HĐQT đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển của CNG Việt Nam như sau:

### Về mặt chiến lược

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

### Về hoạt động của HĐQT

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao phó
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định 71 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.
- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG ở miền Nam và miền Bắc, đón đầu tiêu thụ LNG tại khu vực Nam bộ.
- Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.
- Tăng cường công tác trao đổi với PVGas, đảm bảo nguồn cung khí duy trì ổn định với mức chi phí đầu vào hợp lý.
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng. Thường xuyên trao đổi với khách hàng tìm hiểu yêu cầu và nguyện vọng của khách hàng, thực hiện điều chỉnh chính sách kinh doanh hợp lý mang lại hiệu quả cho cả hai bên, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.
- Tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo khả năng huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau với chi phí vốn hợp lý, đem lại hiệu quả hoạt động cao hơn.
- Tăng cường công tác quản lý nguồn vốn lưu động, linh động trong cách sử dụng vốn đem lại hiệu quả kinh doanh cao hơn. Đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán cho đối tác nâng cao uy tín của công ty
- Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo công việc và thu nhập cho CBCNV an tâm công tác. Tăng cường công tác đào tạo và tuyển dụng nhân sự có tay nghề cao gia tăng khả năng cạnh tranh của Công ty với các đối thủ.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty, nâng cao uy tín của Công ty, HĐQT và Ban lãnh đạo.

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Vai trò của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát giám sát sự hiệu quả và chính xác của báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty. Ban kiểm soát hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo tính minh bạch của quy trình kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập của Công ty.

### Trách nhiệm cốt lõi

Giám sát và đảm bảo rằng Ban điều hành giải quyết đầy đủ các vấn đề quản lý, hạn chế rủi ro cho người lao động; đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế và thực hiện hiệu quả trong quá trình hỗ trợ HĐQT thực thi các nguyên tắc quản trị.

Đánh giá báo cáo tài chính và các thuyết minh, thông tin đính kèm. Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị rủi ro.

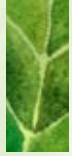
Chịu trách nhiệm phối hợp cùng kiểm toán độc lập trong việc đảm bảo tính minh bạch của quy trình kiểm toán.

| STT | Họ và tên             | Chức vụ        | Ghi chú      |
|-----|-----------------------|----------------|--------------|
| 1   | Bà Phan Thị Kim Thoa  | Trưởng BKS     | Chuyên trách |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Kim Yến | Kiểm soát viên | Kiểm nhiệm   |
| 3   | Ông Nguyễn Quang Bá   | Kiểm soát viên | Kiểm nhiệm   |

### Những thay đổi trong Ban Kiểm soát

- Thay đổi Trưởng Ban kiểm soát: Ngày 11/04/2017, HĐQT ra Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm giữ chức Trưởng Ban kiểm soát đối với bà Phan Thị Kim Thoa kể từ ngày 11/04/2017.
- Thay đổi Thành viên Ban kiểm soát: Ngày 11/04/2017, HĐQT ra Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm giữ chức Thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Kim Yến và ông Nguyễn Quang Bá kể từ ngày 11/04/2017.





## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm trước và sau kiểm toán. Đảm bảo sự minh bạch và sự tuân thủ các chuẩn mực kế toán của báo cáo tài chính.

## KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

- Năm 2017, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó. Cụ thể, sản lượng khí tiêu thụ đạt 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, hoàn thành 128,5% kế hoạch năm; Tổng doanh thu đạt 1.324,5 tỷ đồng, hoàn thành 135,1% kế hoạch năm; LNTT đạt 142,4 tỷ đồng, vượt 41% kế hoạch năm; và LNST đạt 109,3 tỷ đồng, vượt 35,2% kế hoạch năm.
- Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2017.
- Công ty tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thưởng theo hướng gắn với hiệu quả công việc.



## KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BGD

### Về thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, BGD

HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp quản trị vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định mà vẫn đảm bảo tuân thủ chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.

### Về việc tuân thủ các qui định của pháp luật trong quản lý, điều hành

**Công tác đầu tư:** Công tác đầu tư tài sản cố định của Công ty đã tuân thủ theo Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng chấp hành các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

**Chế độ báo cáo:** Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

### Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Được thực hiện chặt chẽ, cản trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các qui định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.



## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

**D**ù có sự biến động nhân sự trong năm vừa qua nhưng Công ty vẫn thực hiện kịp thời các phương án thay thế phù hợp. Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm tạo sự hài hòa và bảo vệ lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn

chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ để ra hàng năm.

Đồng thời Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2018 như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với HĐQT trong việc cải thiện quy trình quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát
- Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

**C**ông ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành

Năm 2017, lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

| TT        | Chức danh                                    | Lương, thù lao (VNĐ) |
|-----------|--|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hội đồng Quản trị và Giám đốc</b>         | <b>4.554.109.810</b> |
| 1         | Chủ tịch HĐQT chuyên trách                   | 930.500.883          |
| 2         | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc                | 1.014.288.008        |
| 3         | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc            | 864.745.545          |
| 4         | Thành viên HĐQT                              | 872.287.687          |
| 5         | Thành viên HĐQT độc lập                      | 872.287.687          |
| <b>II</b> | <b>Ban kiểm soát</b>                         | <b>643.191.737</b>   |
| 1         | Trưởng Ban kiểm soát (01 người)              | 571.191.737          |
| 2         | Kiểm soát viên không chuyên trách (02 người) | 72.000.000           |

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn

| STT | Người thực hiện giao dịch                  | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |           | Lý do tăng, giảm                |
|-----|--|--------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|---------------------------------|
|     |  |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ (%) |                                 |
| 1   | Halley Sicav – Halley Asian Prosperity     | Cổ đông lớn              | 2.600.940                 | 9,63      | 0                          | 0         | Chào bán CP năm giữ             |
| 2   | Samarang Ucits - Samarang Asean Prosperity | Cổ đông lớn              | 0                         | 0         | 2.600.940                  | 9,63      | Mua toàn bộ CP của Halley Sicav |
| 3   | Utilico Emerging Markets Limited           | Cổ đông lớn              | 2.591.240                 | 9,59      | 2.342.730                  | 8,67      | Chào bán CP năm giữ             |
| 4   | Utilico Emerging Markets Limited           | Cổ đông lớn              | 2.342.730                 | 9,59      | 2.092.730                  | 7,75      | Chào bán CP năm giữ             |

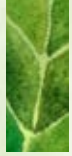
HÀNH TRÌNH **10** NĂM  
*Vì Khách hàng*



04

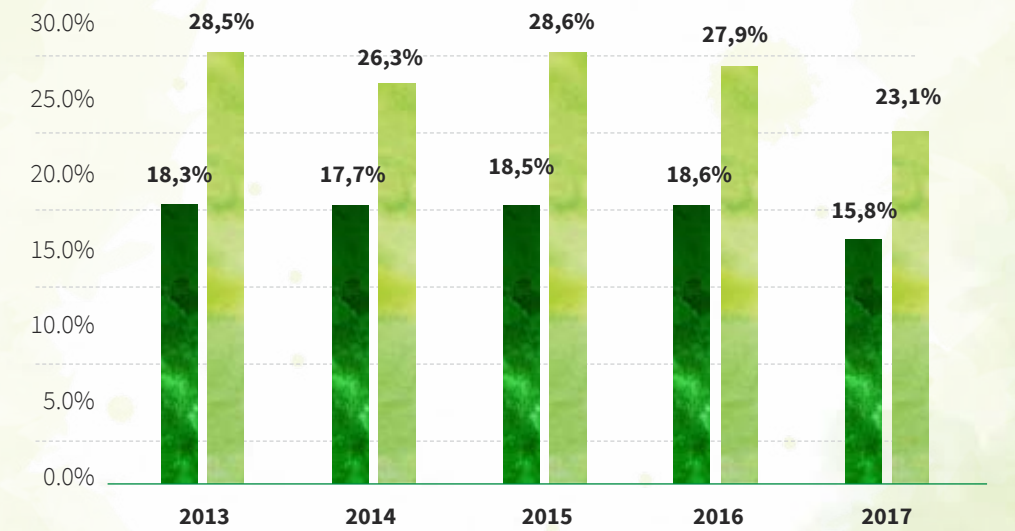
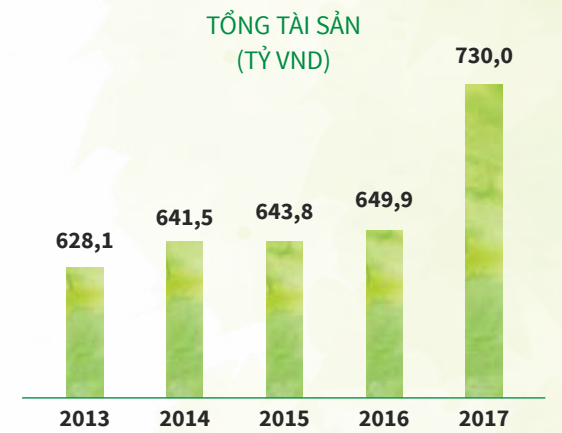
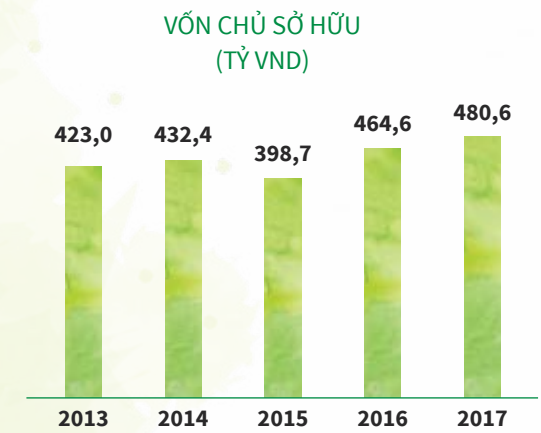
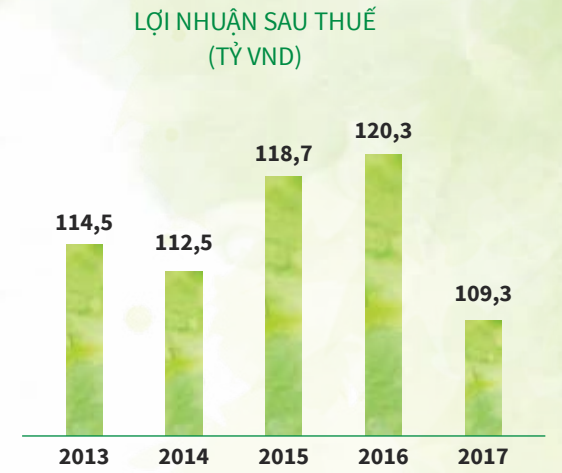
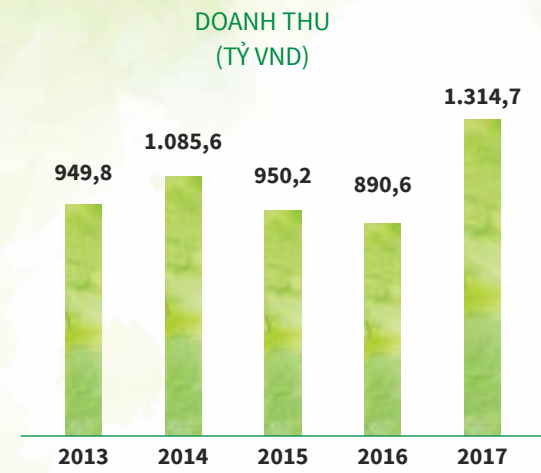
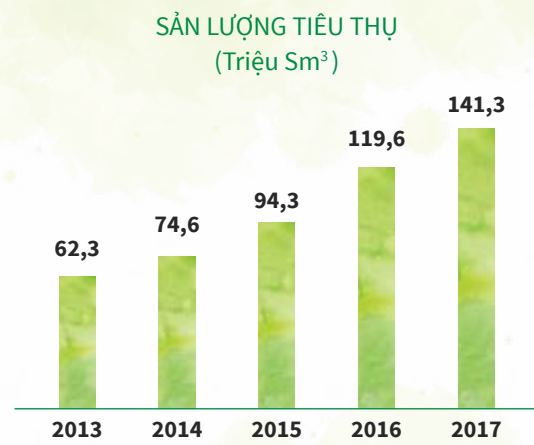
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ  
PHÂN TÍCH HĐKD NĂM 2017**

- 90 Tổng quan tình hình tài chính năm 2017
- 92 Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2017
- 94 Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2017
- 97 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 99 Phân tích tình hình tài chính



**TỔNG QUAN**  
**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017**

| Năm   | 2013   | 2014    | 2015   | 2016    | 2017    |
|---|--------|---------|--------|---------|---------|
| <b>Hoạt động kinh doanh</b>                   |        |         |        |         |         |
| Sản lượng tiêu thụ (triệu Sm <sup>3</sup> )   | 62,3   | 74,6    | 94,3   | 119,6   | 141,3   |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ đồng)</b> |        |         |        |         |         |
| Doanh thu                                     | 949,8  | 1.085,6 | 950,2  | 890,6   | 1.314,7 |
| Lợi nhuận gộp                                 | 205,5  | 229,5   | 232,7  | 238,5   | 237,2   |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh             | 139,0  | 136,1   | 146,2  | 150,5   | 142,3   |
| Lợi nhuận trước thuế                          | 138,2  | 130,0   | 145,1  | 147,7   | 142,4   |
| Lợi nhuận sau thuế                            | 114,5  | 112,5   | 118,7  | 120,3   | 109,3   |
| <b>Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)</b>         |        |         |        |         |         |
| Tổng tài sản                                  | 628,1  | 641,5   | 643,8  | 649,9   | 730,0   |
| Vốn chủ sở hữu                                | 423,0  | 432,4   | 398,7  | 464,6   | 480,6   |
| Vốn điều lệ                                   | 270,0  | 270,0   | 270,0  | 270,0   | 270,0   |
| <b>Hiệu quả hoạt động</b>                     |        |         |        |         |         |
| Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)        | 18,3%  | 17,7%   | 18,5%  | 18,6%   | 15,8%   |
| Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)    | 28,5%  | 26,3%   | 28,6%  | 27,9%   | 23,1%   |
| <b>Chỉ tiêu cổ phiếu</b>                      |        |         |        |         |         |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành (Triệu cp)         | 27     | 27      | 27     | 27      | 27      |
| Lãi cơ bản của 1 cổ phiếu (Đồng)              | 4.377  | 4.166   | 3.942  | 3.854   | 3.591   |
| Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (Đồng)         | 16.426 | 16.014  | 14.760 | 17.207  | 17.801  |
| Cổ tức (%)                                    | 35     | 35      | 30     | 30      | 15      |
| Giá cuối năm (Đồng)                           | 30.000 | 29.000  | 31.400 | 40.800  | 31.900  |
| Vốn hoá thị trường (Tỷ đồng)                  | 810    | 783     | 847,8  | 1.101,5 | 831,6   |



■ Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA) ■ Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)

## 01 VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH DOANH

CNG Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc, quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG, các chính sách bán hàng và chính sách hỗ trợ hợp lý:

- Áp dụng chính sách linh hoạt trong việc chiết khấu giá và có chính sách khuyến khích khách hàng theo từng khu vực cũng như từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng. Công ty tiếp tục phát triển dịch vụ và công tác hỗ trợ nhằm tạo ra điều kiện tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí.
- Phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định, với các chiến lược đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới.

## 02 VỀ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

### VỀ TỔ CHỨC

- Duy trì tính chủ động điều hành, quản lý sản xuất và vận hành an toàn của các đơn vị sản xuất, đặc biệt là Chi nhánh Phú Mỹ được chuyển đổi từ Nhà máy CNG Phú Mỹ và đi vào hoạt động trong năm 2016.
- Thay đổi cấu trúc phòng – ban Công ty theo định hướng hệ thống quản lý của Tổng Công ty Khí Việt Nam.

### VỀ CHÍNH SÁCH - QUẢN LÝ

- Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2015.
- Rà soát, cập nhật các quy trình, quy định, quy chế theo Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- Đẩy mạnh việc thực hiện 5S trong toàn Công ty.

- Các chính sách marketing, tín dụng được sử dụng hợp lý nhằm hấp dẫn khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng sản lượng tiêu thụ.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường miền Bắc nhằm gia tăng sản lượng, giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực từ việc giá dầu giảm và để nâng cao lợi nhuận.
- Bộ phận chuyên trách về giám sát và dự báo giá dầu tiếp tục bám sát diễn biến thị trường dầu khí thế giới và có các giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động xấu nhất. Phối hợp cùng các phòng ban để đưa ra giải pháp phù hợp, trong đó tập trung vào các giải pháp thị trường phù hợp, giải pháp cân đối dòng tiền, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Phối hợp chặt chẽ với PVGas, PVGas-D nhằm đảm bảo có được nguồn cung cấp khí ổn định, liên tục và cơ chế giá thành hợp lý.

### VỀ SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI CNG

- Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
- Tăng cường phối hợp giữa các phòng ban trong việc duy trì công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tài sản hoạt động.
- Công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển luôn tuân theo quy định của nhà sản xuất và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa giúp giảm thiểu thời gian dừng vận hành do sự cố, cũng như tận dụng hiệu quả các máy móc phương tiện dù đã hết khấu hao.
- Tổ chức thực hiện công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường, PCCC và ứng cứu các sự cố xảy ra cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.
- Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

### VỀ ĐẦU TƯ

- Theo dõi, giám sát, đôn đốc chặt chẽ quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.
- Quản lý nghiêm ngặt công tác giải ngân vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn cho hoạt động đầu tư, hạn chế các hoạt động đầu tư dàn trải ngoài ngành.

### VỀ TÀI CHÍNH

- Ưu tiên, chủ động thu xếp nguồn vốn để phục vụ các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- Giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng. Các nguồn vốn, quỹ được sử dụng linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính.
- Thực hiện hoạt động phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### VỀ NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- Thực hiện luân chuyển, sắp xếp bố trí nhân sự hợp lý trong sản xuất đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Duy trì môi trường làm việc hiệu quả, các chính sách đãi ngộ đối với người lao động hợp lý, theo hiệu quả công việc, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Có các giải pháp đột phá về lương, thưởng, đào tạo giúp nâng cao hiệu quả quản lý.
- Công tác đào tạo tiếp tục được công ty triển khai nhằm bồi dưỡng trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ năng cho CBCNV.





## NĂM 2017 TIẾP TỤC LÀ MỘT NĂM ĐẦY THỬ THÁCH TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY. KINH TẾ TRONG NƯỚC ĐÃ CÓ DẤU HIỆU KHỞI SẮC, GIÁ NHIÊN LIỆU CÓ DẤU HIỆU PHỤC HỒI VÀ TĂNG CAO HƠN SO VỚI NĂM 2016. TUY NHIÊN, TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VẪN ĐIỂN BIẾN THEO CHIỀU HƯỚNG PHỨC TẠP LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG DỰ BÁO, XÂY DỰNG CÁC MỤC TIÊU VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÔNG TY.

Với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý, Ban Giám đốc đã nỗ lực hết mình cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, theo đúng định hướng và kế hoạch đã đề ra.

Với sự đồng thuận cao của CBCNV, sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của PVGas và Hội đồng Quản trị, CNG Việt Nam tiếp tục đạt được những thành quả đáng khích lệ trong năm 2017

**1 Số lượng khách hàng gia tăng mạnh.** Trong năm 2017, bên cạnh việc chăm sóc tốt các khách hàng hiện tại, Công ty đã không ngừng tìm kiếm và tiếp xúc với khách hàng mới, làm việc với Ban quản lý các khu công nghiệp để tìm kiếm khách hàng tiềm năng đồng thời đàm phán để xây dựng trạm cấp khí trung tâm trong Khu công nghiệp. Các chính sách quảng cáo, marketing thương hiệu CNG Việt Nam được thực hiện thông qua nhiều hình thức như quảng cáo ngoài trời, tài trợ giải bóng đá,

quảng cáo trên xe buýt... nhằm hỗ trợ hoạt động bán hàng.

Với nỗ lực không ngừng, Công ty đã ký kết được thêm nhiều hợp đồng mua bán khí với các khách hàng mới.

**2 Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng 18% so với năm 2016.**

**3 Doanh thu tiêu thụ khí tăng trưởng 47,6% và lợi nhuận sau thuế hoàn thành 135,2% kế hoạch năm.** Năm 2017, giá đầu có sự hồi phục so với mặt bằng giá năm 2016. Cùng với sự tăng trưởng sản lượng tiêu thụ đã thúc đẩy doanh thu năm 2017 tăng trưởng mạnh 47,6% so với năm 2016 lên mức đạt 1,314,7 tỷ đồng; và tổng doanh thu đạt 1.324,5 tỷ đồng, hoàn thành 135,1% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 109,3 tỷ đồng, hoàn thành 135,2% kế hoạch năm 2017.

**4 10 sáng kiến mới trong sản xuất:** Năm 2017, toàn thể CBCNV công ty đã nỗ lực tham gia phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Thành quả đạt được đó là 10 sáng



 **10**  
SÁNG KIẾN MỚI  
TRONG SẢN XUẤT

kiến được ứng dụng trong hoạt động sản xuất, giúp công ty tiết kiệm được năng lượng sử dụng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thời gian sản xuất, gia tăng hiệu quả lao động.

**5 Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với người lao động.** Trong bối cảnh ngành dầu khí vẫn đối diện với những biến động khó lường từ thị trường thế giới và CNG Việt Nam cũng không phải ngoại lệ, nhưng Công ty vẫn gia tăng lực lượng lao động lên 243 người, duy trì chính sách phúc lợi cho người lao động ổn định. Cụ thể:

- 100% người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty bám sát quy trình tuyển dụng nhân sự và định biên lao động được HĐQT Công ty phê duyệt.
- Áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động, Thỏa ước lao động và Nghị quyết lao động.
- Quản lý và tổ chức làm thêm, tăng ca đối với người lao động không vượt quá 200 giờ/người/năm theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty.
- Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương. Đối với các trường hợp người lao

động đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật lao động.

- Phân bổ quỹ lương, chi trả tiền lương, tiền thưởng hàng tháng, quý, năm cho người lao động được gắn với kết quả công việc, kết quả sản xuất kinh doanh và tuân thủ theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
- Trích nộp đầy đủ và kịp thời tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong năm 2017 và giải quyết các chế độ chính sách đầy đủ cho người lao động.
- Mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật).
- Mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV với mức 1 triệu/người/tháng.
- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho CBCNV.



 **6**  
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC  
NGÀY/TUẦN, 48 GIỜ/ THÁNG

 **243** NGƯỜI  
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG  
CUỐI NĂM 2017





**6** Hoạt động phát triển bền vững tiếp tục được nâng cao.

Với các chính sách mới được thực hiện như tái cấu trúc bộ máy công ty, nâng cấp hệ thống quản lý “An toàn – Chất lượng – Môi trường”, duy trì tốt công tác quản trị rủi ro, đóng góp cho cộng đồng, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan đã giúp cho hoạt động phát triển bền vững của CNG Việt Nam tiếp tục được nâng cao. Cụ thể:

- Liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, tiêu thụ năng lượng, phát thải,...): Thực hiện chủ trương, chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 của Tổng Công ty Khí Việt Nam, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam thực hiện đồng thời nhiều giải pháp tiết giảm chi phí trong

hoạt động SXKD (chi phí nhiên liệu, điện, nước, ...) với tổng chi phí tiết giảm là 13,47 tỷ đồng.

- Liên quan đến vấn đề người lao động: Các vấn đề liên quan tới người lao động trong năm 2017 như: Việc làm, chế độ chính sách, lương thưởng, bảo hiểm, phúc lợi, hợp đồng lao động, công tác đào tạo, thực hiện dân chủ tại nơi làm việc ... được Công ty chú trọng thực hiện tốt, đảm bảo nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động. Song song với đó, Công ty tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện giúp người lao động phát huy tối đa khả năng chuyên môn, tính sáng tạo.

- Liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương: Năm 2017 là năm kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, tình hình SXKD bị ảnh hưởng do giá dầu giảm sâu, tuy nhiên Công ty vẫn cố gắng nỗ lực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội thông qua các chương trình từ thiện (trái tim cho em, xây nhà tình nghĩa, ...), đóng góp ủng hộ các quỹ theo chương trình phát động của Tổng Công ty (quỹ nghĩa tình đồng đội, quỹ tương trợ dầu khí, quỹ vì thế hệ trẻ, ...) cũng như các phong trào đền ơn đáp nghĩa, từ thiện của địa phương.

Xem thêm đánh giá chi tiết trong Chương 05 – Trách nhiệm Môi trường và Xã hội.

**THỰC HIỆN NĂM 2017 SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ NĂM 2016**

- Sản lượng khí tiêu thụ đạt 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, hoàn thành 128,5% kế hoạch năm.
- Tổng doanh thu đạt 1.324,5 tỷ đồng, hoàn thành 135,1% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 142,4 tỷ đồng, vượt 41% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 109,3 tỷ đồng, vượt 35,2% kế hoạch năm.

Kết quả đạt được trong năm là một minh chứng khẳng định năng lực, tâm huyết của Ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV của Công ty.

| Chi tiêu chính         | ĐVT                   | Năm 2017 |           |           | Năm 2016  |           |
|------------------------|-----------------------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                        |                       | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ (%) | Thực hiện | Tỷ lệ (%) |
| Sản lượng khí tiêu thụ | Triệu Sm <sup>3</sup> | 110,0    | 141,3     | 128,5     | 119,6     | 118,1     |
| Miền Nam               | Triệu Sm <sup>3</sup> | 100,0    | 114,9     | 114,9     | 92,4      | 124,4     |
| Miền Bắc               | Triệu Sm <sup>3</sup> | 10,0     | 26,4      | 264,0     | 27,2      | 97,1      |
| Tổng doanh thu         | Tỷ đồng               | 980,6    | 1.324,5   | 135,1     | 898,1     | 147,5     |
| Chi phí                | Tỷ đồng               | 879,6    | 1.182,1   | 134,6     | 750,4     | 157,5     |
| Lợi nhuận trước thuế   | Tỷ đồng               | 101,0    | 142,4     | 141,0     | 147,7     | 96,4      |
| Lợi nhuận sau thuế     | Tỷ đồng               | 80,8     | 109,3     | 135,2     | 120,3     | 90,8      |

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

Năm 2017, CNG Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh hoạt động đầu tư để tăng cường khả năng cung cấp khí cho khách hàng. Các dự án đầu tư thực hiện trong năm 2017 đều đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị và cơ bản đúng tiến độ kế hoạch của Công ty. Tuyệt đối an toàn và đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng và kế hoạch SXKD của Công ty, cụ thể:

**Dự án Đầu tư phát triển thị trường miền Bắc:** Tạm dừng triển khai theo chỉ đạo của Tổng Công ty.

**Dự án Trụ sở văn phòng Công ty:**

- Nhận chuyển nhượng đất: Hoàn thành;
- Đầu tư xây dựng: Hoàn thành khảo sát địa chất, đang thực hiện lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lựa chọn đơn vị tư vấn quản lý dự án và đơn vị lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán.

**Dự án Văn phòng chi nhánh Phú Mỹ:** Đang thi công xây dựng, dự kiến hoàn thành trong quý 02/2018.

**Trạm nạp CNG xe bus (01 trạm):** Tạm dừng theo chỉ đạo của Tổng Công ty.

Trạm cấp khí trung tâm KCN Thuận Đạo – Long An: Do khách hàng nhận khí sớm nên Công ty đã triển khai xây dựng và đưa trạm vào hoạt động trong năm 2017, sớm hơn so với kế hoạch (quý 03/2018).

**Mua sắm trang thiết bị:**

- Mua sắm và lắp đặt 02 máy nén: Hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 8/2017.
- Mua sắm thiết bị khác phục vụ SXKD: Hoàn thành theo đúng kế hoạch.

**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN**

Tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư trong năm 2017 là 84,38 tỷ đồng, đạt 85,6% so với kế hoạch. Cụ thể:

**Dự án Trụ sở văn phòng Công ty:**

- Nhận chuyển nhượng đất: 43,14 tỷ đồng
- Đầu tư xây dựng: 0,15 tỷ đồng

**Dự án Văn phòng chi nhánh Phú Mỹ:** 5,28 tỷ đồng

**Trạm cấp khí trung tâm KCN Thuận Đạo – Long An:** 10,56 tỷ đồng

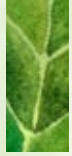
**Mua sắm trang thiết bị:**

- Mua sắm và lắp đặt 02 máy nén 2000SM3 – 2500SM3, áp suất nén 250bar, áp suất đầu vào 18bar: 23,22 tỷ đồng.
- Mua sắm thiết bị khác phục vụ SXKD: 2,03 tỷ đồng.

10,56

TỶ VND

TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM  
KCN THUẬN ĐẠO - LONG AN



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thực hiện nhiệm vụ Tổng Công ty giao, CNG Việt Nam đã và đang triển khai các trạm cấp CNG cho phương tiện giao thông công cộng (Bus, taxi) nhằm góp phần cải thiện môi trường với nguồn nhiên liệu sạch.

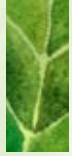
Với nhiệm vụ phân phối sản phẩm nhiên liệu mới LNG trong tương lai, Công ty tiến hành nghiên cứu các giải pháp phân phối LNG, cụ thể:

- ▶ Chuẩn bị thị trường, nhân sự, kế hoạch đầu tư trang thiết bị sẵn sàng phân phối LNG như phát triển trạm phân phối khí trung tâm tại các Khu công nghiệp.
- ▶ Cử cán bộ đi đào tạo về tiêu chuẩn, kỹ thuật, quy trình tồn trữ, vận chuyển, hóa hơi LNG.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động marketing xây dựng thương hiệu.

Phát triển khách hàng theo hướng đa ngành nghề, đa dạng hóa.

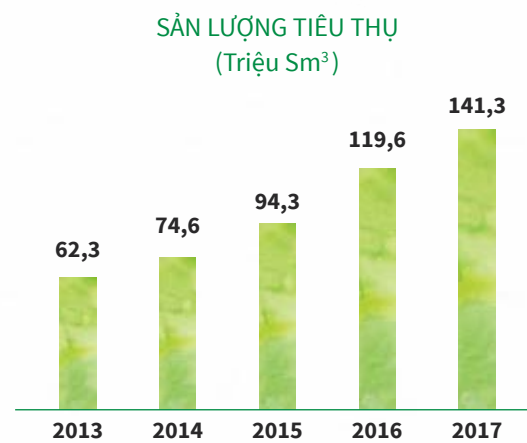




**PHÂN TÍCH  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)</b>     | <b>2016</b> | <b>2017</b> | <b>Tăng/giảm (%)</b> |
|---|-------------|-------------|----------------------|
| Doanh thu thuần                         | 890,6       | 1.314,7     | 47,6%                |
| Giá vốn hàng bán                        | 652,1       | 1.077,5     | 65,2%                |
| Lợi nhuận gộp                           | 238,5       | 237,2       | -0,5%                |
| Doanh thu hoạt động tài chính           | 7,4         | 9,7         | 31,1%                |
| Chi phí tài chính                       | 6,2         | 2,0         | -67,7%               |
| Trong đó: Chi phí lãi vay               | 6,2         | 2,0         | -67,7%               |
| Chi phí bán hàng                        | 26,3        | 27,9        | 6,1%                 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 63,0        | 74,6        | 18,4%                |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 150,5       | 142,3       | -5,4%                |
| Thu nhập khác                           | 0,1         | 0,1         | -4,8%                |
| Chi phí khác                            | 2,9         | 0,1         | -97,5%               |
| Lợi nhuận khác                          | (2,8)       | 0,1         | -102,1%              |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 147,7       | 142,4       | -3,6%                |
| Lợi nhuận sau thuế                      | 120,3       | 109,3       | -9,1%                |

**141,3**  
TRIỆU SM<sup>3</sup>  
**SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ KHÍ**  
**↗18,1% SO VỚI NĂM 2016**  
**VƯỢT 28,5% KẾ HOẠCH NĂM**



Hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục gặt hái những kết quả khả quan trong năm 2017 khi sản lượng tiêu thụ đạt 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, tăng trưởng 18,1% so với năm 2016 và vượt 28,5% kế hoạch năm. Sản lượng tiêu thụ của Công ty tiếp tục đạt đỉnh cao mới trong vòng 6 năm trở lại với mức tăng trưởng kép 5 năm là 22,7%. Đây là mức tăng trưởng vượt trội so với tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ 4,0% của ngành khí thiên nhiên Việt Nam.

Với chính sách giá tăng mở rộng thị phần và đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, kết quả tăng trưởng này là thành quả xứng đáng với những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong năm vừa qua.

**DOANH THU TIÊU THỤ KHÍ ĐẠT 1.314,7 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG MẠNH 47,6% SO VỚI NĂM TRƯỚC**

Doanh thu tiêu thụ khí năm 2017 đạt 1.314,7 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 47,6% so với năm trước. Bên cạnh sự tăng trưởng sản lượng tiêu thụ thì động lực tăng trưởng doanh thu của Công ty còn đến từ sự hồi phục mạnh mẽ của giá bán khí. Giá dầu thế giới đã có sự hồi phục trong năm vừa qua. Với độ nhạy cao đối với giá khí thiên nhiên, xu hướng hồi phục của giá dầu đã thúc đẩy một sự hồi phục mạnh của giá bán khí. Cụ thể, giá bán khí trung bình năm 2017 đạt 9.304 VND/m<sup>3</sup>, tăng trưởng 25% so với giá bán khí trung bình của năm 2016. Chính sự tăng trưởng của sản lượng tiêu thụ và giá bán khí đã giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng khả quan trong năm 2017.

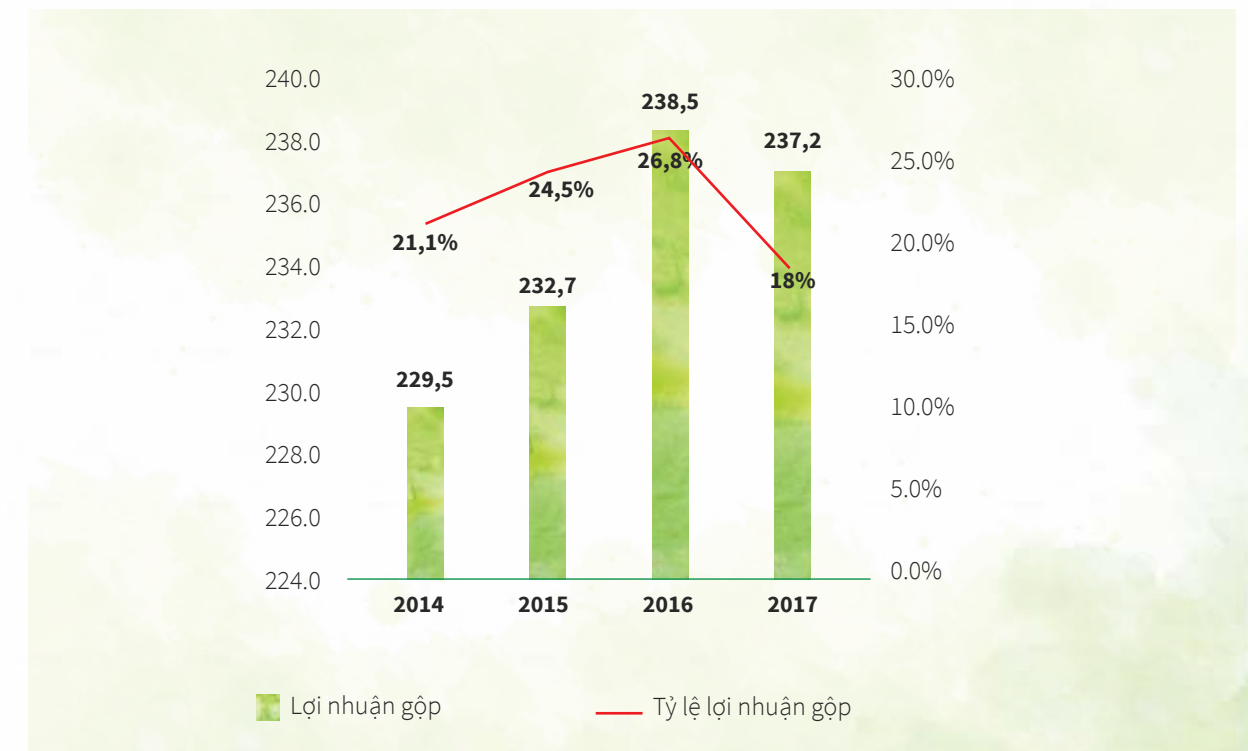
**1.314,7**  
TỶ VND  
**DOANH THU TIÊU THỤ KHÍ**  
**↗47,6% SO VỚI NĂM 2016**

**TỶ LỆ LỢI NHUẬN GỘP SỤT GIẢM CÒN 18% SO VỚI MỨC 26,8% CỦA NĂM 2016**

Dù doanh thu tăng trưởng nhưng lợi nhuận gộp của Công ty sụt giảm 0,5% so với năm 2016 ở mức 237,2 tỷ đồng; tỷ lệ lợi nhuận gộp cũng giảm còn 18% trong năm 2017.

Nguyên nhân khiến tỷ lệ lợi nhuận gộp sụt giảm đến từ sự gia tăng mạnh của tỷ lệ giá vốn hàng bán. Cụ thể, giá

vốn hàng bán trong năm 2017 tăng 65,2%, cao hơn tốc độ tăng trưởng 47,6% của doanh thu thuần. Sự gia tăng mạnh giá vốn hàng bán đã kéo tỷ lệ giá vốn hàng bán gia tăng lên 82% so với mức 73,2% của năm 2016. Đây là nguyên nhân khiến tỷ lệ lợi nhuận gộp của Công ty sụt giảm trong năm 2017.





**DUY TRÌ HIỆU QUẢ  
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ**

Năm 2017, tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 102,57 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2016. Công tác quản trị chi phí hoạt động vẫn được Công ty chú trọng trong năm qua. Hiệu quả sử dụng tài sản, máy móc hoạt động nhận được sự chú tâm của Ban lãnh đạo. Các kế hoạch triển khai tự động hóa, điện tử hóa, ứng dụng khoa học công nghệ được tăng cường nhằm giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Với những nỗ lực không ngừng, tỷ lệ chi phí khấu hao/doanh thu thuần chỉ còn 3,5% trong năm 2017.

Thực hiện theo chủ trương của Tổng Công ty Khí Việt Nam, CNG Việt Nam thực hiện đồng thời nhiều giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó tiết giảm các khoản chi phí nhiên liệu, điện, nước... với tổng chi phí tiết giảm là 13,47 tỷ đồng. Các khoản chi phí bán hàng dù tăng trưởng 6,1% nhưng đạt

hiệu quả lớn trong vai trò thúc đẩy tăng trưởng doanh thu. Công ty đã đón nhận thêm 03 khách hàng cấp khí mới cùng với đó là sản lượng khí gia tăng mạnh. Nhờ đó, các tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được cải thiện trong năm vừa qua, khi so sánh tương quan với doanh thu đạt được.

**13,47**  
TỶ VND  
**TỔNG CHI PHÍ TIẾT GIẢM**

| Cơ cấu chi phí                                 | 2016  | 2017  |
|--|-------|-------|
| Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần              | 6,8%  | 3,5%  |
| Chi phí tài chính / Doanh thu thuần            | 0,69% | 0,15% |
| - Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần             | 0,69% | 0,15% |
| Chi phí bán hàng / Doanh thu thuần             | 2,96% | 2,12% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp / Doanh thu thuần | 7,07% | 5,68% |
| Chi phí khác / Doanh thu thuần                 | 0,32% | 0,01% |

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 109,3 TỶ ĐỒNG,  
VƯỢT 35,2% KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM**

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty đạt 109,3 tỷ đồng, sụt giảm 9,14% so với năm 2016. Sự gia tăng mạnh của tỷ lệ giá vốn hàng bán là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm trong năm vừa qua. Tuy vậy, Công ty vẫn nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra, với tỷ lệ vượt kế hoạch đạt 35,2%.

Sự sụt giảm lợi nhuận sau thuế đã kéo theo sự sụt giảm của tỷ lệ lãi biên. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 8,3%, sụt giảm so với mức 13,5% của năm 2016.



**TÀI SẢN & NGUỒN VỐN**

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn lành mạnh đã giúp duy trì sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn tuân thủ ba nguyên tắc vàng trong quản trị tài chính:

Ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi để tài trợ cho hoạt động kinh doanh, giúp giảm thiểu áp lực tài chính cho doanh nghiệp.

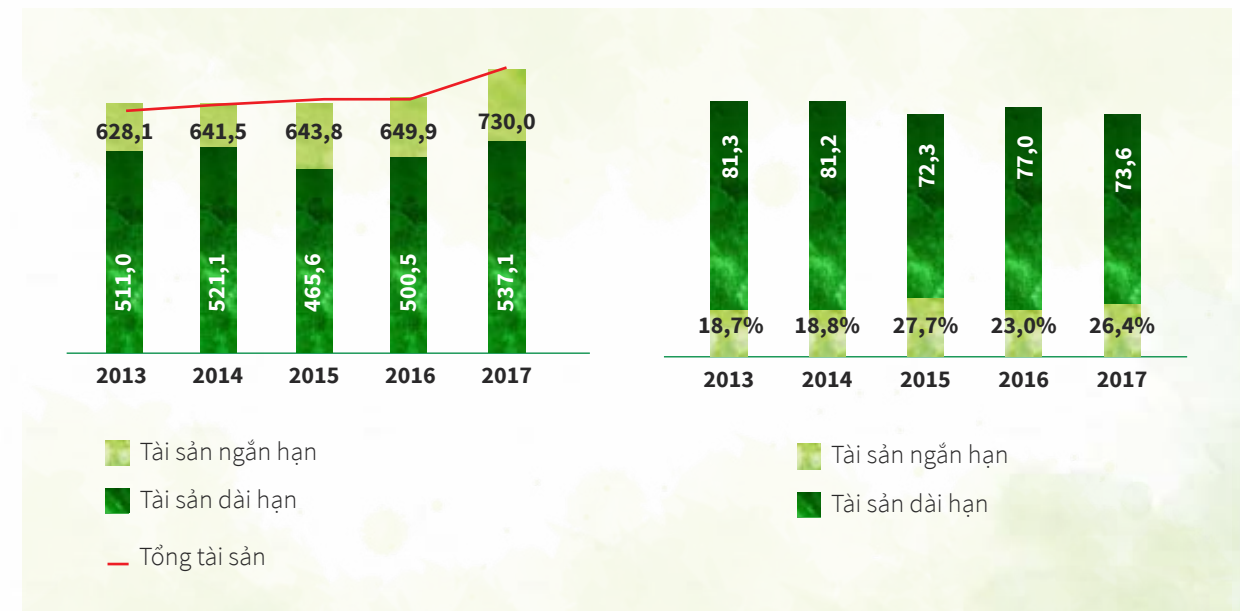
Tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh. Không đầu tư vốn dàn trải.

Hiểu rõ bản chất hoạt động sản xuất đòi hỏi nhu cầu vốn luân chuyển cao. Công ty luôn duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản.

| Năm              | ĐVT     | 2013  | 2014  | 2015  | 2016  | 2017  |
|------------------|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng tài sản     | Tỷ đồng | 628,1 | 641,5 | 643,8 | 649,9 | 730,0 |
| Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 511,0 | 521,1 | 465,6 | 500,5 | 537,1 |
| Tài sản dài hạn  | Tỷ đồng | 117,2 | 120,4 | 178,2 | 149,4 | 192,8 |
| Nợ phải trả      | Tỷ đồng | 205,2 | 209,2 | 245,1 | 185,3 | 249,3 |
| Nợ ngắn hạn      | Tỷ đồng | 168,0 | 184,3 | 201,2 | 157,3 | 230,9 |
| Nợ dài hạn       | Tỷ đồng | 37,2  | 24,9  | 43,9  | 28,0  | 18,5  |
| Vốn chủ sở hữu   | Tỷ đồng | 423,0 | 432,4 | 398,5 | 464,6 | 480,6 |

**TÀI SẢN**

Tính đến cuối năm 2017, Tổng tài sản của Công ty đạt 730,0 tỷ đồng, tăng trưởng 12,3% so với cuối năm 2016. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với hơn 73% tổng tài sản. Trong khi đó, Tài sản dài hạn ghi nhận sự tăng trưởng mạnh 29,1%, chiếm hơn 26% tổng tài sản với 192,8 tỷ đồng.





### TÀI SẢN NGẮN HẠN

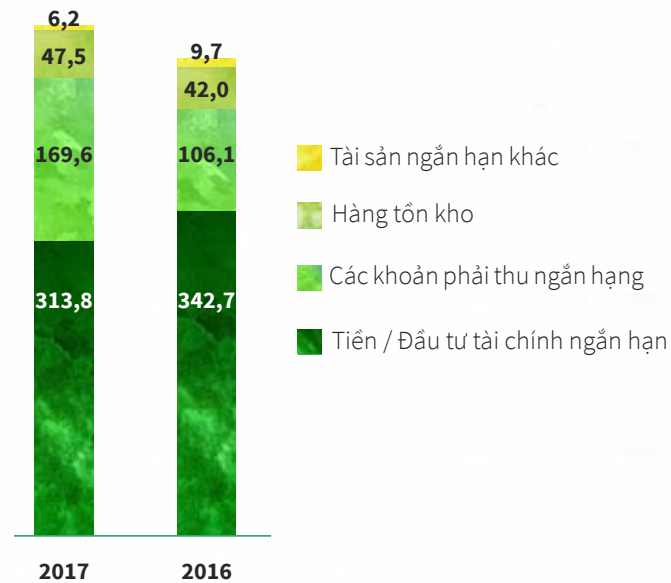
Tính đến cuối năm 2017, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 537,1 tỷ đồng, tăng trưởng 7,3% so với cuối năm 2016. Trong đó, Các khoản phải thu ngắn hạn tăng trưởng mạnh nhất với mức tăng 60%, đạt gần 170 tỷ đồng. Hàng tồn kho đạt 47,5 tỷ đồng, tăng trưởng 13%. Dù sụt giảm 8,4% nhưng Tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (58,4%) với hơn 313 tỷ đồng.

Sự sụt giảm của Tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn chủ yếu đến từ hoạt động đẩy mạnh đầu tư vào tài sản cố định và thanh toán các khoản nợ vay gốc trong năm 2017. Với tỷ trọng Tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm hơn 58%, điều này sẽ giúp Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và chuẩn bị đủ dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng trưởng mạnh 60% so với cuối năm 2016, đạt 169,6 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng trưởng mạnh chủ yếu đến từ sự gia tăng của Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với mức tăng trưởng gần 60%, đạt gần 170 tỷ đồng. Năm 2017, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách tìm kiếm khách hàng, thúc đẩy doanh số góp phần giúp doanh thu năm 2017 tăng trưởng ấn tượng. Chính sách nói lỏng tín dụng cũng được Công ty tăng cường nhằm thu hút thêm khách hàng và gia tăng thị phần kinh doanh.

Hàng tồn kho của Công ty tăng trưởng 13% so với cuối năm 2016, đạt 47,5 tỷ đồng. Hoạt động tiêu thụ CNG khả quan đã giúp doanh thu tăng trưởng mạnh và kéo theo lượng tiêu thụ hàng tồn kho diễn ra mạnh hơn. Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 đạt 24 lần trong năm 2017, gia tăng so với mức 19 lần của năm 2016.

**537,1**  
TỶ VND  
**TÀI SẢN NGẮN HẠN**  
↗ 7,3% SO VỚI NĂM 2016



### TÀI SẢN DÀI HẠN

Tính đến cuối năm 2017, tài sản dài hạn của Công ty đạt 192,8 tỷ đồng, tăng 29,1% so với cuối năm 2016 và chiếm 26,4% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty tập trung ở khoản mục Tài sản cố định với tỷ trọng 23,5% tổng tài sản.

Tài sản dài hạn tăng trưởng 29,1% chủ yếu đến từ sự gia tăng mạnh của giá trị tài sản cố định vô hình trong năm 2017. Năm 2017, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hơn 1.383,5 m<sup>2</sup> tại đường Nguyễn An Ninh, TP. Vũng Tàu. Do đó, Công ty đã ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định vô hình hơn 39,7 tỷ đồng trong năm 2017.

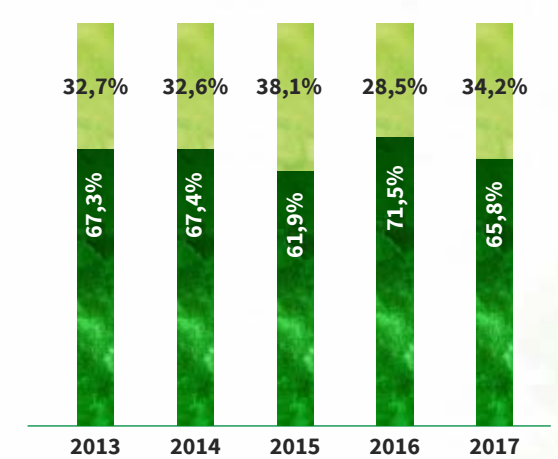
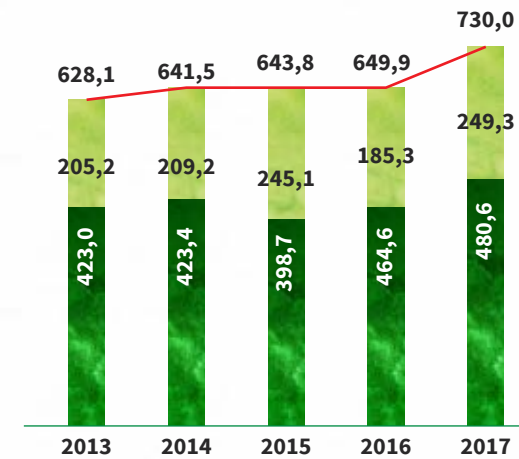
So với năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng nhẹ 4,7% và đang đứng ở mức 745,4 tỷ đồng, chủ yếu do các dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang được hoàn thiện trong năm 2017.

### NGUỒN VỐN

Vốn chủ sở hữu vẫn đang là nguồn tài trợ chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty khi chiếm 65,8% nguồn vốn kinh doanh, tương ứng 481 tỷ đồng. Nợ phải trả chiếm hơn 34% với 249 tỷ đồng.

**192,8**  
TỶ VND  
**TÀI SẢN DÀI HẠN**  
↗ 29,1% SO VỚI NĂM 2016

**249** TỶ VND **NỢ PHẢI TRẢ**  
**418** TỶ VND **NGUỒN VỐN**



■ Nợ phải trả  
■ Vốn chủ sở hữu  
— Tổng nguồn vốn

■ Nợ phải trả  
■ Vốn chủ sở hữu

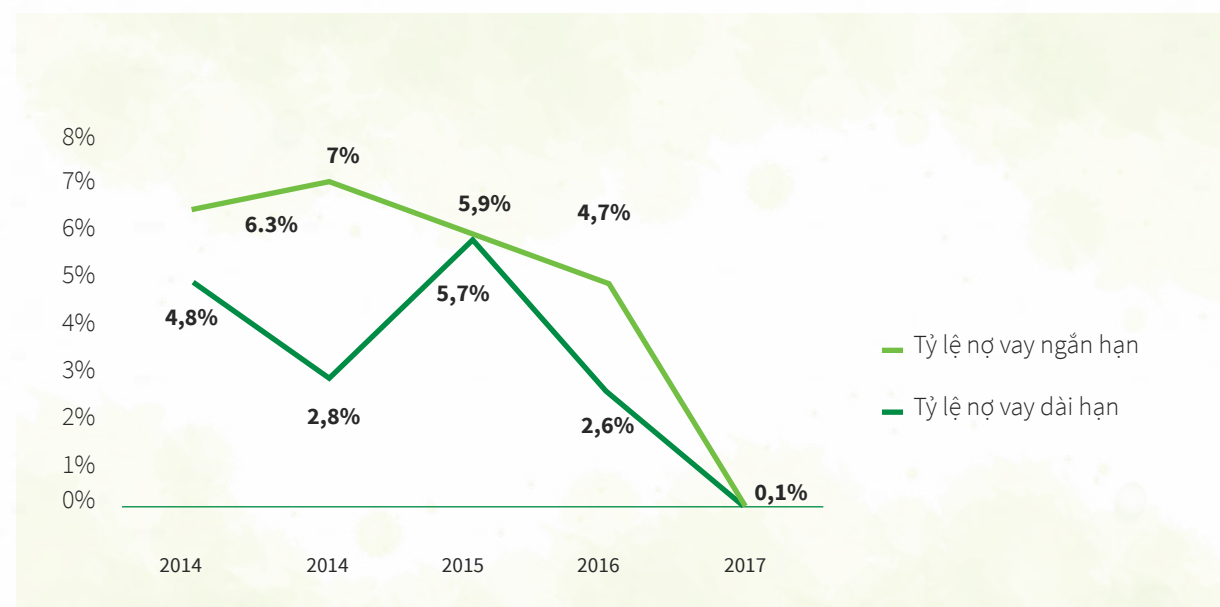
## NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến cuối năm 2017, Nợ phải trả của Công ty đạt 249 tỷ đồng, tăng trưởng 34,5% so với cuối năm 2016. Nợ phải trả tập trung chủ yếu ở Nợ ngắn hạn với 230,9 tỷ đồng, chiếm 31,6% tổng nguồn vốn kinh doanh. Nợ dài hạn đạt 18,5 tỷ đồng, chỉ còn chiếm tỷ trọng hơn 2,5% tổng nguồn vốn.

Nợ ngắn hạn của Công ty có sự tăng trưởng mạnh 46,8% lên mức 230,9 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017. Nguyên nhân cho sự tăng trưởng của Nợ ngắn hạn đến từ mức tăng trưởng 61% của Phải trả người bán ngắn hạn. Trong đó, khoản phải trả cho CTCP Khí thấp áp Việt Nam tăng hơn 66%. CTCP Khí thấp áp Việt Nam cũng là nhà cung cấp chính cho CNG Việt Nam khi thường xuyên chiếm tỷ trọng tín dụng lớn, hơn 90% khoản Phải trả người bán

ngắn hạn tính đến cuối năm 2017. Mỗi quan hệ này được duy trì rất tốt qua các năm. Do đó, nguồn tín dụng ngắn hạn với người bán được Công ty ưu tiên sử dụng như một nguồn tài trợ chủ lực bên cạnh Nguồn vốn từ chủ sở hữu.

Tổng giá trị nợ vay giảm 97,6%, chỉ còn hơn 1,1 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ vay/ nguồn vốn đạt 0,16%. Công ty luôn cố gắng tiết giảm việc sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và sự sụt giảm mạnh của tỷ lệ nợ vay là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong năm qua. Việc duy trì nợ vay ở mức thấp giúp Công ty không phải chịu áp lực nợ vay và hỗ trợ Công ty dễ dàng huy động vốn cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai khi cần thiết.



## VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2017, Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 480,6 tỷ đồng, tăng 3,4% so với năm trước và chiếm 65,8% nguồn vốn kinh doanh.

Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu, Vốn góp của chủ sở hữu đạt 270 tỷ đồng, chiếm 37% tổng nguồn vốn. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 129,8 tỷ đồng, chiếm 17,8% tổng nguồn vốn tính đến cuối năm 2017. Năm 2017 Công ty duy trì giá trị Quỹ đầu tư phát triển ở mức 70 tỷ đồng, không thay đổi so với năm 2016.

## PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

| Chỉ tiêu                                | 2013    | 2014    | 2015   | 2016    | 2017    |
|---|---------|---------|--------|---------|---------|
| Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 210,4   | 189,6   | 161,8  | 181,4   | 165,3   |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư     | 67,9    | (48,7)  | (86,9) | (12,2)  | (100,8) |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính  | (113,8) | (101,9) | (82,0) | (108,3) | (127,3) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ        | 249,8   | 288,7   | 281,7  | 342,7   | 279,9   |

Hoạt động kinh doanh chính tiếp tục là động lực mang lại dòng tiền chủ đạo cho Công ty trong năm 2017 khi mang về cho Công ty hơn 165 tỷ đồng.

Trong năm qua, Công ty tiếp tục gia tăng hoạt động đầu tư dự án và tài sản cố định (xây dựng trụ sở văn phòng, văn phòng chi nhánh Phú Mỹ, trạm cấp khí trung tâm, mua sắm trang thiết bị...) với tổng vốn giải ngân đạt 84,38 tỷ đồng, hoàn thành 85,6% kế hoạch giải ngân năm 2017. Song song đó, Công ty cũng tăng cường đầu tư vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với

gần 34 tỷ đồng. Các hoạt động này đã khiến Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 100,8 tỷ đồng trong năm qua.

Giải ngân cho hoạt động tài chính trong năm tăng lên mức 127,3 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là chi trả nợ gốc vay với 46 tỷ đồng và chi trả cổ tức cho cổ đông với 81 tỷ đồng.

Với việc tăng cường hoạt động đầu tư, thanh toán nợ gốc vay đã khiến khoản mục Tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 279,9 tỷ đồng, giảm 18,3% so với năm 2016.

## PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu   | Đvt  | 2013  | 2014  | 2015  | 2016  | 2017  |
|--|------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán</b>                |      |       |       |       |       |       |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)                    | lần  | 3,0   | 2,8   | 2,3   | 3,2   | 2,3   |
| Hệ số thanh toán nhanh                                   | lần  | 2,9   | 2,7   | 2,2   | 2,9   | 2,1   |
| Hệ số thanh toán tiền mặt                                | lần  | 1,5   | 1,6   | 1,4   | 2,2   | 1,2   |
| <b>2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động</b>                 |      |       |       |       |       |       |
| Kỳ thu tiền bình quân                                    | ngày | 61,6  | 54,9  | 56,4  | 49,5  | 38,3  |
| Kỳ lưu kho bình quân                                     | ngày | 11,0  | 9,6   | 12,3  | 19,2  | 15,2  |
| Kỳ trả tiền bình quân                                    | ngày | 44,7  | 45,5  | 56,5  | 55    | 42,9  |
| Vòng quay tổng tài sản                                   | lần  | 1,5   | 1,7   | 1,5   | 1,4   | 1,9   |
| <b>3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</b>                  |      |       |       |       |       |       |
| Hệ số lợi nhuận gộp                                      | %    | 21,6% | 21,1% | 24,5% | 26,8% | 18,0% |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 14,6% | 12,5% | 15,4% | 16,9% | 10,8% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu                      | %    | 12,1% | 10,4% | 12,5% | 13,5% | 8,3%  |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)          | %    | 28,5% | 26,3% | 28,6% | 27,9% | 23,1% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)            | %    | 18,3% | 17,7% | 18,5% | 18,6% | 15,8% |
| <b>4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn</b>                         |      |       |       |       |       |       |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản                                   | %    | 32,7% | 32,6% | 38,1% | 28,5% | 34,2% |
| Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu                                 | %    | 48,5% | 48,4% | 61,5% | 39,9% | 51,9% |



**PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Nhóm chỉ tiêu thanh toán của Công ty sụt giảm trong năm qua. Sự gia tăng nguồn tài trợ từ các khoản tín dụng cho người bán đã khiến các chỉ số thanh toán sụt giảm so với năm 2016. Tuy nhiên, điểm tích cực là các chỉ số thanh toán đều duy trì trên ngưỡng 1, đặc biệt là chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh. Bên cạnh đó, với bản chất các khoản phải trả người bán đến từ các nhà cung cấp truyền thống, quen thuộc là CTCP Khí thấp áp Việt Nam thì sự sụt giảm khả năng thanh toán chưa phải là yếu tố đáng ngại.

**KỠ THU TIỀN BÌNH QUÂN**

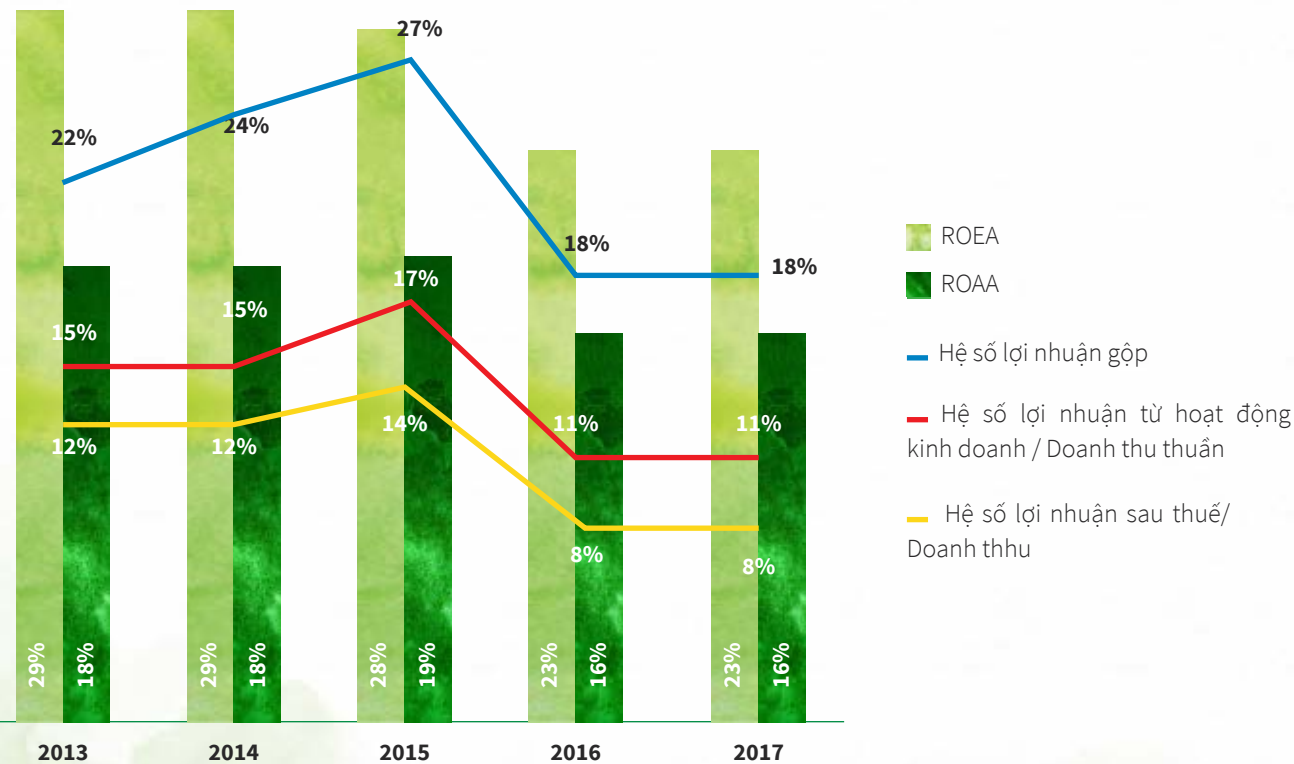
Dù Công ty nói lỏng chính sách tín dụng nhằm thúc đẩy tăng trưởng sản lượng tiêu thụ nhưng kỳ thu tiền bình quân của Công ty chỉ đạt 38,3 ngày, duy trì xu hướng suy giảm qua 03 năm liên tiếp. Điều này cho thấy Công ty vẫn thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý công nợ và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định kế toán trong việc xử lý các khoản tín dụng phải thu từ khách hàng.

**KỠ TRẢ TIỀN BÌNH QUÂN**

Kỳ trả tiền bình quân cũng giảm nhẹ xuống còn 42,9 ngày. Trong công tác quản lý khoản phải trả, Công ty luôn coi trọng việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nợ đối với nhà cung cấp. Điều này đã giúp gia tăng uy tín và niềm tin đối với thương hiệu CNG trong những năm qua, góp phần tạo thuận lợi cho công tác quản trị dòng tiền của Công ty.

**KỠ LƯU KHO BÌNH QUÂN**

Năm 2017, số ngày lưu kho bình quân sụt giảm còn 15,2 ngày. Với sản lượng tiêu thụ tăng trưởng khả quan, tốc độ tiêu thụ hàng tồn kho của Công ty cũng gia tăng nhanh chóng. Tuy vậy, điều này cũng cho thấy Công ty cần phải gia tăng mức dự trữ hàng tồn kho hợp lý để duy trì khả năng đáp ứng tốc độ tăng trưởng sản lượng tiềm năng trong tương lai.



**VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN**

Vòng quay tổng tài sản đạt 1,9 lần, cao nhất trong vòng 5 năm trở lại. Năm vừa qua Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm tài sản cố định cho các dự án mở rộng kinh doanh. Tuy vậy, hiệu quả sử dụng tài sản vẫn được duy trì ổn định và có sự cải thiện mạnh so với các năm kinh doanh gần đây.

**CƠ CẤU VỐN**

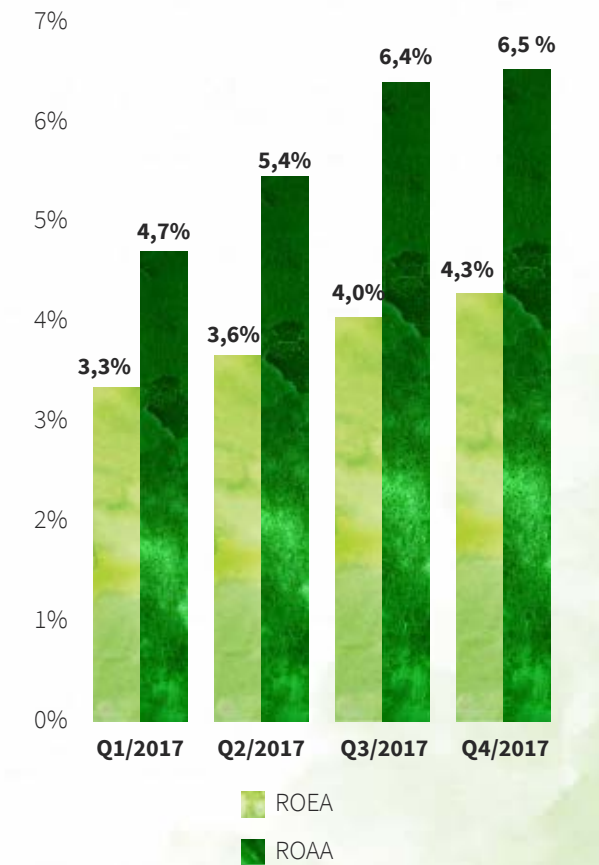
Tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Do đó, cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp qua các năm. Năm 2017, tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản đạt 34,2%. Tỷ lệ này có sự tăng trưởng so với năm 2016 chủ yếu đến từ sự tăng trưởng của các khoản phải trả người bán.

Với tình hình tài chính tích cực, hoạt động tái cơ cấu nguồn vốn kinh doanh được Công ty đẩy mạnh theo hướng giảm thiểu sử dụng nợ vay. Theo đó, Nợ vay ngắn hạn và dài hạn sụt giảm mạnh 97,6%, chỉ còn hơn 1,1 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017.

**CHỈ SỐ SINH LỜI**

Dù doanh thu tăng trưởng mạnh nhưng các khoản mục lợi nhuận lại sụt giảm so với năm 2016 trước áp lực giá vốn tăng cao. Điều này đã kéo các chỉ số sinh lời trên doanh thu sụt giảm trong năm 2017. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 8,3% và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 18%.

Chỉ số sinh lời trên tổng tài sản (ROAA) đạt 15,8% và chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROEA) đạt 23,1%. Nhóm chỉ số này sụt giảm chủ yếu đến từ sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế trong năm qua. Tuy nhiên, điểm tích cực là nhóm chỉ số sinh lời này đang có sự cải thiện qua từng quý kinh doanh.



HÀNH TRÌNH 10 NĂM  
“ Vì Sự Sống Chia ”



05

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- 112 Trách nhiệm với môi trường
- 122 Trách nhiệm với xã hội
- 133 Hiệu quả hoạt động kinh tế





## TẦM QUAN TRỌNG

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐANG TRỞ THÀNH VẤN ĐỀ TOÀN CẦU VÀ LÀ THÀNH TỐ QUAN TRỌNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP, QUỐC GIA.**

**KHÔNG CHỈ GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MÀ CÒN GIÚP ĐỊNH HÌNH THƯƠNG HIỆU "SẠCH" CHO SẢN PHẨM KHÍ CNG CỦA CÔNG TY.**



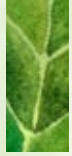
## GIẢI PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI

- ▶ Áp dụng hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- ▶ Kiểm soát và xử lý chất thải, nước thải.
- ▶ Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.
- ▶ Tiến hành đo đạc, kiểm tra để đánh giá chất lượng môi trường bên trong xưởng sản xuất và môi trường xung quanh theo định kỳ. Từ đó, đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhất để khắc phục ô nhiễm. Tần suất thực hiện: 6 tháng 1 lần.
- ▶ Tiết kiệm năng lượng và nước.



### Áp dụng hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015

Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001 được Công ty áp dụng tích hợp cùng với Hệ thống quản lý An toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 và hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001. Công ty không ngừng hoàn thiện hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng các yêu cầu của phiên bản mới nhất, và trong năm 2016 đã được BSI Việt Nam chứng nhận đạt tiêu chuẩn Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001: 2015, thể hiện trách nhiệm cao của Công ty đối với các vấn đề môi trường.



**Kiểm soát và xử lý chất thải, nước thải**

|  | Nguồn phát sinh  | Biện pháp xử lý  |
|--|--|--|
| <b>Chất thải rắn sinh hoạt</b>           | Hoạt động ăn uống, vệ sinh các nhân, sinh hoạt hằng ngày...  | Bố trí hệ thống các thùng rác trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng rác thải sinh hoạt này bị vứt bỏ bừa bãi. Lượng rác thải này sẽ được Công ty Môi trường Đô thị Tân Thành thu gom hằng ngày  |
| <b>Chất thải sản xuất không nguy hại</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quy trình hoạt động sản xuất của Công ty.</li> <li>Khu vực văn phòng của Công ty.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chất thải được phân loại theo 4 nhóm: nhóm sản phẩm thuộc nhóm kim loại, nhựa, giấy, thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết.</li> <li>Chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng (bao bì và thùng giấy, kim loại đóng gói sản phẩm,...) được thu gom, cho vào bao tải và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng.</li> <li>Chất thải công nghiệp không có khả năng tái chế sẽ được thu gom riêng, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.</li> </ul>  |
| <b>Chất thải sản xuất nguy hại</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, phát sinh từ hoạt động sản xuất, từ quá trình vệ sinh nhà xưởng định kỳ.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân loại và đóng gói theo từng chủng loại và trong các bao bì thích hợp, đáp ứng được yêu cầu về an toàn kỹ thuật và được dán nhãn theo quy định.</li> <li>Được lưu trữ trong thời gian ngắn, tại khu vực an toàn riêng biệt, có rào chắn và biển báo; sau đó yêu cầu đơn vị đã ký kết hợp đồng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.</li> <li>Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hà Lộc để vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại theo thông ty 36/2015/TT-BTNMT.</li> </ul> |
| <b>Nước thải sinh hoạt</b>               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động hằng ngày của CBCNV như: nước thải từ nhà vệ sinh, nước rửa chân tay, nước tưới cây, rửa phương tiện vận chuyển...</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh. Sau đó được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Mỹ 1 để xử lý cho đạt yêu cầu mới thải ra môi trường.</li> <li>Công ty cũng có hợp đồng xử lý nước với Ban quản lý KCN.</li> </ul>  |

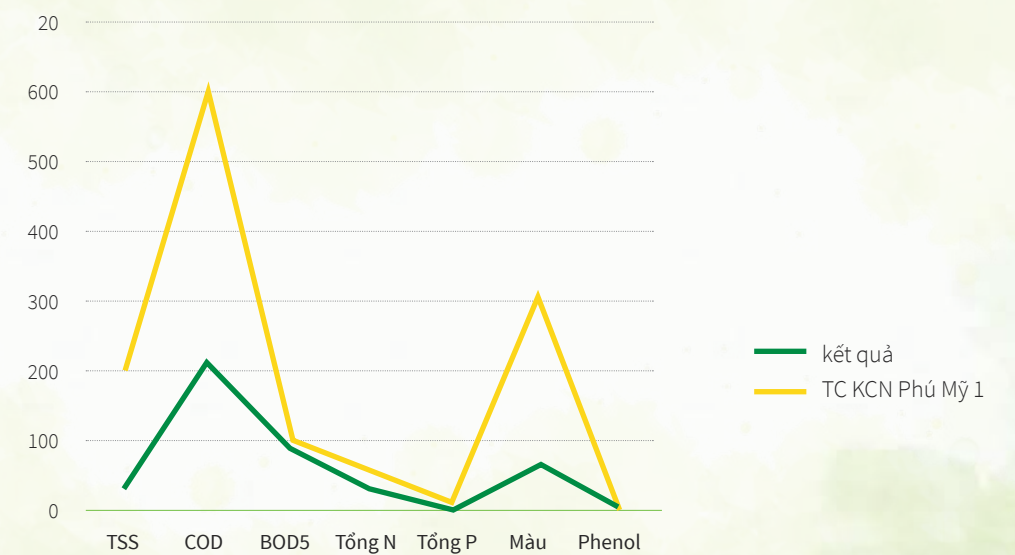
**KIỂM SOÁT CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NĂM 2017**

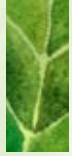
| Tiêu chí   | 2014          | 2015         | 2016         | 2017         | 2017 so với 2016 |
|--|---------------|--------------|--------------|--------------|------------------|
| <b>1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên</b>       |               |              |              |              |                  |
| - Chất thải rắn  | 1.000 kg/năm  | 670 kg/năm   | 2.837 kg/năm | 1.677 kg/năm | -40,9%           |
| - Chất thải lỏng   | 4.000 kg/năm  | 3.860 kg/năm | 3.981 kg/năm | 4.681 kg/năm | 17,6%            |
| <b>2. Chất thải thông thường</b>                                     |               |              |              |              |                  |
| - Chất thải rắn  | 1.680 kg/năm  | 1.500 kg/năm | 2.808 kg/năm | 2.808 kg/năm | 0,0%             |
| - Chất thải lỏng bùn   | n/a           | n/a          | n/a          | n/a          |                  |
| <b>3. Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải</b> |               |              |              |              |                  |
| - Thải vào khu xử lý chung của KCN                                   | 740.00 m3/năm | 5.109 m3/năm | 6.052 m3/năm | 4.265 m3/năm | -29,5%           |

Theo kết quả thống kê ở trên, có thể thấy dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được mở rộng, nhưng hoạt động kiểm soát chất thải, nước thải đã được kiểm soát khá hiệu quả. Chỉ có lượng chất thải lỏng tăng 17,6% so với năm trước, trong khi lượng chất thải rắn được kéo giảm

đến 40,9% và lượng nước thải vào khu vực xử lý chung của KCN cũng giảm đến 29,5%. Đối với loại nước thải này, kết quả phân tích nước thải đầu ra tại hố gas cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt tiêu chuẩn, nằm trong giới hạn cho phép xả thải ra KCN theo tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ I.

**BIỂU ĐỒ SO SÁNH KẾT QUẢ NƯỚC THẢI**





## Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí

| Nguồn phát sinh                                   | Biện pháp xử lý   |
|---|---|
| <b>Hoạt động của phương tiện vận chuyển</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quy định khu vực làm riêng cho từng loại xe, không chở quá tải, dùng nhiên liệu đúng thiết kế của động cơ, thường xuyên kiểm tra và bảo trì đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt.</li> <li>Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí.</li> <li>Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường vận chuyển và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế lượng bụi phát sinh vào không khí.</li> <li>Đường nội bộ, sân bãi được tráng nhựa và thường xuyên phun nước để hạn chế sự phát tán bụi do phương tiện vận chuyển gây ra.</li> <li>Không cho xe nổ trong khi chờ bốc hàng.</li> </ul>  |
| <b>Hoạt động của máy phát điện dự phòng</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Máy phát điện chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng được công ty áp dụng như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp hơn 0,25% (dầu DO) để giảm nồng độ SO<sub>2</sub> trong khí thải.</li> <li>Phòng đặt máy phát điện sẽ được xây dựng đúng kỹ thuật và được đặt tại các vị trí thích hợp nhằm hạn chế sự tác động đến môi trường xung quanh và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung.</li> <li>Máy phát điện nhà máy sử dụng là loại mới (100%) có trang bị các bộ phận giảm ồn, và rung nên hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, rung và lượng khói thải gây ô nhiễm.</li> <li>Sử dụng biện pháp phát tán khí thải theo chiều cao nhằm pha loãng khí thải vào không khí.</li> <li>Công ty ưu tiên sử dụng điện lưới vì lý do kinh tế và môi trường.</li> </ul> </li> </ul> |
| <b>Tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của thiết bị máy móc.</li> <li>Lắp đặt các bộ đệm chống ồn bằng cao su, kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh khi cần thiết, thường xuyên bảo trì theo định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất.</li> <li>Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn sẽ được trang bị nút bịt tai hoặc bao tai chống ồn.</li> <li>Sử dụng các thiết bị có lò xo giảm sóc và hệ thống giảm chấn.</li> <li>Gia cố nền móng đặt máy gây rung riêng, cách ly với nền móng của các công trình khác bằng hệ thống kết cấu đàn hồi giảm rung.</li> <li>Khi thiết kế nền móng phải tính toán sao cho tần số dao động riêng của nền móng khác với tần số dao động của thiết bị nhằm không gây hiện tượng cộng hưởng rung động.</li> <li>Lựa chọn thiết bị, máy móc hiện đại ít gây rung.</li> </ul>                   |

Định kỳ 6 tháng/1 lần, Công ty tiến hành đo đạc, kiểm tra để đánh giá chất lượng môi trường bên trong xưởng sản xuất và môi trường xung quanh, và có những biện pháp hữu hiệu nhất để khắc phục ô nhiễm.

## Kết quả quan trắc môi trường năm 2017

### KẾT QUẢ VI KHÍ HẬU VÀ TIẾNG ỒN

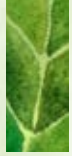
| Điểm Đo                                       | Cường độ ồn (dB) | Nhiệt độ (0C) | Độ ẩm (%) | Tốc độ gió (m/) | Ánh sáng (Lux) |
|---|------------------|---------------|-----------|-----------------|----------------|
| 1. Khu vực sân sau nhà máy                    | 71               | 30,6          | 61,2      | 0,6             | ASTN           |
| 2. Khu vực phòng vận chuyển (nghỉ tài xế)     | 58               | 27,2          | 60,6      | 0,4             | 320            |
| 3. Khu vực phòng vận hành 200 bar             | 66               | 26,1          | 63,5      | 0,4             | 550            |
| 4. Khu vực phòng vận hành 250 bar             | 68               | 26,5          | 62,8      | 0,3             | 320            |
| 5. Khu vực trạm nén 200 bar                   | 83               | 29,5          | 61,6      | 0,4             | 720            |
| 6. Khu vực trạm nén 250 bar                   | 84               | 29,1          | 64,2      | 0,3             | 440            |
| 7. Khu vực phòng tổng hợp                     | 52               | 27,2          | 61,6      | 0,3             | 530            |
| 8. Khu vực phòng vận chuyển (nghỉ tài xế)     | 63               | 26,5          | 60,8      | 0,4             | 850            |
| 9. Khu vực phòng bảo dưỡng sửa chữa (bảo trì) | 58               | 26,0          | 61,5      | 0,3             | 350            |

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

### KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ KHU VỰC SẢN XUẤT

| Chi tiêu                                      | Bụi  | CO   | SO <sub>2</sub> | NO <sub>2</sub> | CxHy | H <sub>2</sub> S | Pb    |
|---|------|------|-----------------|-----------------|------|------------------|-------|
| <b>Điểm đo (mg/m<sup>3</sup>)</b>             |      |      |                 |                 |      |                  |       |
| 1. Khu vực sân sau nhà máy                    | 0,17 | 5,21 | 0,042           | 0,015           | KPH  | KPH              | KPH   |
| 2. Khu vực phòng vận chuyển (nghỉ tài xế)     | 0,39 | 5,95 | 0,076           | 0,053           | KPH  | KPH              | KPH   |
| 3. Khu vực phòng vận hành 200 bar             | 0,32 | 5,84 | 0,052           | 0,037           | 2,5  | 0,051            | 0,019 |
| 4. Khu vực phòng vận hành 250 bar             | 0,40 | 5,65 | 0,068           | 0,040           | 3,6  | 0,043            | 0,015 |
| 5. Khu vực trạm nén 200 bar                   | 0,35 | 5,62 | 0,070           | 0,052           | 2,1  | 0,085            | 0,030 |
| 6. Khu vực trạm nén 250 bar                   | 0,39 | 5,83 | 0,065           | 0,048           | 5,2  | 0,080            | 0,022 |
| 7. Khu vực phòng tổng hợp                     | 0,42 | 5,40 | 0,060           | 0,023           | 2,2  | 0,056            | 0,031 |
| 8. Khu vực phòng vận chuyển (nghỉ tài xế)     | 0,48 | 5,80 | 0,096           | 0,062           | KPH  | KPH              | KPH   |
| 9. Khu vực phòng bảo dưỡng sửa chữa (bảo trì) | 0,34 | 5,45 | 0,083           | 0,046           | 1,8  | 0,034            | 0,023 |

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động



## Kết quả quan trắc môi trường năm 2017

### KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI TẠI HỒ GA ĐẦU NỐI KCN

| STT | Thông số      | Đơn vị    | Kết quả         | Tiêu chuẩn KCN Phú Mỹ I |
|-----|---------------|-----------|-----------------|-------------------------|
| 1   | pH            | -         | 6,42            | 5 – 9                   |
| 2   | TSS           | mg/l      | 19              | 200                     |
| 3   | COD           | mg/l      | 84              | 600                     |
| 4   | BOD5          | mg/l      | 37              | 100                     |
| 5   | Tổng N        | mg/l      | 5,41            | 50                      |
| 6   | Tổng P        | mg/l      | 0,859           | 8                       |
| 7   | Độ màu        | Pt-Co     | 21              | 300                     |
| 8   | Phenol        | mg/l      | KPH (MLD=0,001) | 0,5                     |
| 9   | Tổng Coliform | MPN/100ml | 3.300           | 10.000                  |

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

## Một số đánh giá

01

CNG Việt Nam đã thực hiện báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ 6 tháng/lần theo Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty. Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

02

Đối với nước thải, trên cơ sở kết quả đo đạc phân tích cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn của KCN Phú Mỹ I.

03

Không khí xung quanh tại các khu vực của Công ty không bị ô nhiễm do các hoạt động sản xuất. Nồng độ các chỉ tiêu thông thường để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường không khí đều thấp hơn so với QCVN24:2016/BYT.

04

Các chỉ tiêu quan trắc môi trường khí thải tại ống khói của các máy nén đều đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN19:BTNMT.

05

Công ty tiếp tục duy trì môi trường làm việc trong và ngoài khu vực sản xuất thoáng mát, đảm bảo chất lượng môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.



## Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước

- ▶ CNG Việt Nam đã triển khai và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 và thực hiện kiểm toán năng lượng cho toàn bộ Nhà máy và các trạm con từ năm 2014.
- ▶ Thành lập Ban quản lý năng lượng, ban hành và xây dựng một số nội quy sử dụng trong Công ty nhằm buộc CBCNV phải có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện, nước đảm bảo cho việc tiết kiệm đi vào nề nếp, ổn định và lâu dài.
- ▶ Thay thế hệ thống chiếu sáng hiện tại bằng hệ thống đèn LED hiệu suất cao, giúp tiết kiệm đến 50% năng lượng.
- ▶ Thay thế dần các máy lạnh cũ bằng máy sử dụng công nghệ Inverter tiết kiệm năng lượng, giúp tiết kiệm 30% lượng điện năng tiêu thụ.
- ▶ Nghiên cứu phương án tối ưu vận chuyển khí đến khách hàng để tiết kiệm việc sử dụng nhiên liệu.
- ▶ Mở rộng mô hình trạm cấp khí trung tâm (Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3), giúp tối ưu hóa việc cấp khí cũng như giảm bớt quá trình vận chuyển khí đến từng khách hàng trong cùng KCN.

## Thành quả đạt được

Sản lượng tiêu thụ khí CNG năm 2017 tăng 18,1% so với năm 2016 đạt 141,3 triệu Sm<sup>3</sup>, nhưng nhờ những phương án tiết kiệm hiệu quả đã giúp:

- ▶ Lượng dầu Diesel tiêu thụ chỉ tăng 8,2% so với năm 2016 ở mức 693.707 lít.
- ▶ Tiêu thụ xăng tăng 10% ở mức 82.537 lít, trong khi sản lượng tiêu thụ nhớt tăng 32,9% ở mức 5.454 lít.
- ▶ Sản lượng nước sinh hoạt tiêu thụ giảm 17,2% xuống còn 7.406 m<sup>3</sup>.

| Tên vật tư                      | ĐVT            | Năm 2014  |           | Năm 2015  |           | Năm 2016  |           | Năm 2017  |           |
|---------------------------------|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                 |                | Số lượng  | Triệu VNĐ | Số lượng  | Triệu VNĐ | Số lượng  | Triệu VNĐ | Số lượng  | Triệu VNĐ |
| Dầu Diesel 0.05                 | lít            | 364.964   | 7.245,4   | 650.893   | 8.771,8   | 641.248   | 6.713,5   | 693.707   | 9.017,5   |
| Nhớt                            | lít            | 4.764     | 221,1     | 8.155     | 548,4     | 4.104     | 219,1     | 5.454     | 290,1     |
| Xăng                            | lít            | 94.051    | 2.057,3   | 94.690    | 1.534,9   | 75.000    | 1.057,4   | 82.537    | 1.450,4   |
| Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3 | Kwh            | 6.097.200 | 9.096,0   | 7.264.140 | 11.305,1  | 8.288.375 | 12.899,1  | 8.823.508 | 13.554,7  |
| Nước sinh hoạt                  | m <sup>3</sup> | 5.025     | 50,1      | 9.117     | 87,9      | 8.945     | 86,3      | 7.406     | 94,6      |

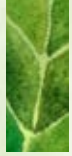




## SÁNG KIẾN CẢI TIẾN SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- ▶ Lắp đặt hệ thống thu hồi khí xả vent trạm 250 bar: Tiết kiệm mỗi năm trung bình 534 mmbTU tương đương 3.000USD; giảm tiếng ồn khi xả khí; giảm tác động môi trường khi tháo couple link;
- ▶ Chế tạo bộ điều khiển nhiệt độ Boiler trạm PRU Enric: Thay thế bộ điều khiển boiler không còn sản xuất trên thị trường và dự phòng trong trường hợp bộ điều khiển hiện tại bị hỏng;
- ▶ Chế tạo vật tư Valve seat và nút trong Dome loading thay thế vật tư Regulator 5041 nhập khẩu: Giảm chi phí nhập khẩu;
- ▶ Xử lý khe hở cổ chai với gối đỡ của bồn Enric bằng gối đỡ phụ: Nâng cao tuổi thọ, tăng tính an toàn cho thiết bị;
- ▶ Đầu nối nguồn điện ưu tiên cho trụ nạp xe bus Mỹ Phước 3: Chủ động trong sản xuất, không bị ảnh hưởng khi mất điện lưới;
- ▶ Gia công sửa chữa van hút, van xả máy nén để tái sử dụng: Tiết kiệm chi phí bảo dưỡng sửa chữa;
- ▶ Lắp thêm 01 đường ống (Header) từ máy nén 03 trạm 200 bar song song với ống góp hiện hữu để nạp khí độc lập cho xe đầu kéo: Tiết kiệm thời gian chờ nạp khí, chủ động thời gian nạp khí cho bồn;
- ▶ Lắp đặt hệ thống chuyển đổi nguồn điện giữa bộ lưu UPS và điện lưới để cấp nguồn cho tủ điều khiển các trạm PRU: Đảm bảo luôn có nguồn điện cho tủ điều khiển trong trường hợp hỏng UPS để cấp khí liên tục cho khách hàng;
- ▶ Lắp nắp bảo vệ đầu coupling tại trạm: Giúp nâng cao tuổi thọ coupling;
- ▶ Lắp đặt thêm hệ thống cảnh báo boiler và bơm nước tuần hoàn cho trạm PRU enric: Tránh được sự cố đóng băng trên đường ống, cấp khí ổn định cho khách hàng.





## VIỆC LÀM



### Lực lượng lao động của CNG Việt Nam

Năm 2017, tổng số lao động của CNG Việt Nam đạt 243 người, tăng 1,7% so với năm 2016, với số lao động nữ đạt 51 người, chiếm 21% tổng lực lượng lao động của Công ty. Tỷ lệ lao động nữ chiếm áp đảo trong cơ cấu HDQT và Ban Kiểm soát (xem bảng).

Về trình độ lao động, CNG Việt Nam xây dựng lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với nhu cầu của hoạt động kinh doanh – sản xuất và phát triển tương lai. Tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn đại học và trên đại học chiếm tỷ trọng lớn nhất với 126 lao động tương ứng 51%, trong đó trình độ trên đại học chiếm 2,8%. Lực lượng lao động có trình độ trung cấp và kỹ thuật đạt lần lượt 16,2% và 13,8% lực lượng lao động, tương ứng là 40 và 34 người.

Hoạt động trong lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác và an toàn cao, do đó CNG Việt Nam đề cao trình độ chuyên môn và tay nghề kỹ thuật cũng như kinh nghiệm làm việc. Lực lượng lao động từ 31-49 tuổi chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động với 162 lao động, chiếm 65,6%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi gồm 61 người, chiếm 24,7%, lao



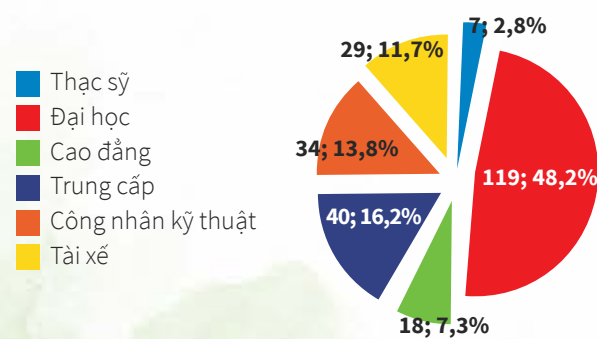
động gần bó lâu năm với công ty trên 50 tuổi chiếm 9,7%, tương ứng 24 người.

CNG Việt Nam vẫn nỗ lực duy trì lợi ích, chăm lo đời sống cho CBCNV với mức lương bình quân năm 2017 được duy trì ở mức cao.

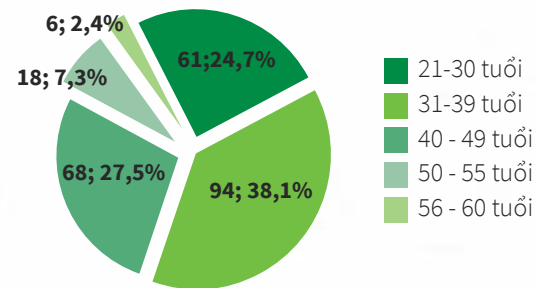
### CƠ CẤU LAO ĐỘNG TẠI CNG VIỆT NAM THEO GIỚI TÍNH

| Chỉ tiêu                | Nam | Nữ | Tỷ trọng Nữ |
|-------------------------|-----|----|-------------|
| Hội đồng Quản trị       | 3   | 2  | 40%         |
| Ban Giám đốc            | 3   | 0  | 0%          |
| Ban Kiểm soát           | 1   | 2  | 67%         |
| Tổng lực lượng lao động | 196 | 51 | 21%         |

### CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI - NĂM 2017



### CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO ĐỘ TUỔI - NĂM 2017



### Môi trường làm việc

CNG Việt Nam xây dựng môi trường làm việc đảm bảo các yếu tố sau: (1) Trân trọng giá trị lao động; (2) Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp; (3) Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện.

#### Trân trọng giá trị lao động

- Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện cho nhân viên chủ động trong công việc.
- CBCNV luôn nhận được sự hỗ trợ tối đa từ phía Ban Giám đốc, Trưởng bộ phận khi có yêu cầu hoặc khi gặp khó khăn trong xử lý công việc.
- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền lương tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhằm xây dựng một cơ chế trả lương công bằng và hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Chính sách thi đua khen thưởng công bằng, cạnh tranh, phù hợp với đặc thù SXKD của Công ty, chính sách của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngoài những chế độ đãi ngộ cho nhân viên theo quy định của Nhà nước, Công ty còn phát triển chính sách khen thưởng, phúc lợi đặc thù như thưởng an toàn, đãi ngộ về y tế, bảo hiểm nhân thọ, ...
- Xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng và cạnh tranh, tất cả CBCNV trong Công ty đều được đối xử công bằng, không phân biệt giới tính, tuổi tác, chủng tộc, thân thế, ...
- Công ty luôn quan tâm đến hoạt động tinh thần của CBCNV, thường xuyên tổ chức: CLB bóng đá, tennis, cầu lông, bơi lội, CLB văn nghệ, phong trào Chung tay giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp, các hoạt động tham quan du lịch, vui chơi Trung thu cho thiếu nhi...



#### Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

- Mọi nhân viên đều được tạo cơ hội một cách bình đẳng dựa trên năng lực.
- Ưu tiên việc bổ nhiệm CBCNV trong cơ cấu công ty, chỉ tuyển mới khi lực lượng lao động thiếu hụt, hoặc do yêu cầu đặc thù công việc.
- Định kỳ thực hiện đánh giá nhân viên, xác định điểm mạnh điểm yếu, điểm còn thiếu sót để lên kế hoạch đào tạo hiệu quả, xây dựng phát triển đội ngũ kế thừa.
- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu để phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt là năng lực quản lý.



### SỐ LƯỢNG CBCNV ĐƯỢC ĐỀ BẠT, BỔ NHIỆM, TUYỂN MỚI NĂM 2017

| Chỉ tiêu                         | Số lượng | % Tổng lao động |
|----------------------------------|----------|-----------------|
| Số lượt người được bổ nhiệm      | 3        | 1,2%            |
| Số lượt người được giao nhiệm vụ | 3        | 1,2%            |
| Số lượt người được tuyển mới     | 9        | 3,6%            |



**Môi trường làm việc** (tiếp theo)

Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện, dân chủ

Công ty sử dụng lao động trên cơ sở tuân thủ theo các quy định pháp luật lao động hiện hành và Thỏa ước lao động tập thể.



Người lao động thường xuyên được trao đổi với lãnh đạo về các vấn đề mà họ quan tâm thông qua Đoàn thanh niên, Công đoàn và định kỳ tại các cuộc đối thoại trực tiếp với người lao động hàng quý và tại Hội nghị người lao động hàng năm.

Áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 195/QĐ-CNG ngày 19/8/2013, cụ thể:



Việc lập kế hoạch SXKD hàng quý, năm được thực hiện từ các phòng, ban, đơn vị.



Công khai hóa kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của Công ty trước Hội nghị người lao động.



Ban lãnh đạo luôn tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty, thông qua các cấp quản lý đơn vị, các tổ công đoàn và trực tiếp người lao động.



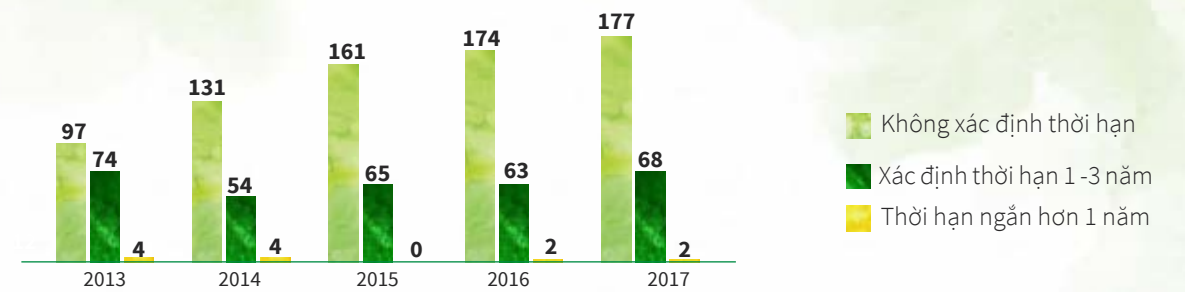
Phát huy quyền dân chủ trực tiếp của Người lao động; tạo điều kiện để Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người lao động; ...



**BẢNG THỐNG KÊ VỀ LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM**

| TT | Chỉ tiêu                                  | ĐVT   | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|----|---|-------|----------|----------|----------|----------|
| 1  | Hợp đồng lao động                         |       | 189      | 226      | 239      | 247      |
| a  | Không xác định thời hạn                   | Người | 131      | 161      | 174      | 177      |
| b  | Xác định thời hạn 1 – 3 năm               | Người | 54       | 65       | 63       | 68       |
| c  | Thời hạn ngắn hơn 01 năm                  | Người | 4        | 0        | 2        | 2        |
| 2  | Tỷ lệ nhân viên được ký hợp đồng lao động | %     | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     |
| 3  | Biến động về nhân viên                    |       |          |          |          |          |
| a  | Tuyển dụng mới                            | Người | 13       | 37       | 18       | 9        |
| b  | Nghỉ việc, trong đó                       | Người | 1        | 0        | 5        | 1        |
|    | Nghỉ hưu                                  | Người | 0        | 0        | 0        | 1        |
|    | Chấm dứt hợp đồng                         | Người | 5        | 0        | 5        | 0        |

**HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**



**Đào tạo và huấn luyện**

- ▶ Ban hành quy trình đào tạo – huấn luyện, đảm bảo lựa chọn đúng các khóa đào tạo và đối tượng đào tạo.
- ▶ Chương trình đào tạo được xây dựng bám sát nhu cầu thực tế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, đáp ứng những đòi hỏi mới của yêu cầu SXKD.
- ▶ Đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý như các khóa học “Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý cấp trung”, “Quản trị Công ty”...
- ▶ Sau khi tham gia các khóa đào tạo, các cán bộ được đào tạo sẽ đào tạo lại cho các nhân viên khác theo mô hình đào tạo nội bộ.
- ▶ Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về an toàn, về quy trình vận hành, quy trình phối hợp để đảm bảo an toàn trong vận hành và vận chuyển khí CNG.
- ▶ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty tập trung, chú trọng hướng tới các khóa đào tạo phát triển kỹ năng góp phần hỗ trợ người lao động trong công việc tác nghiệp thường nhật (ngoại ngữ, tin học ứng dụng, ...).



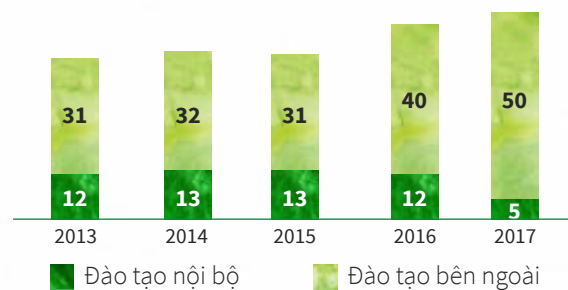


### Đào tạo và huấn luyện (tiếp theo)

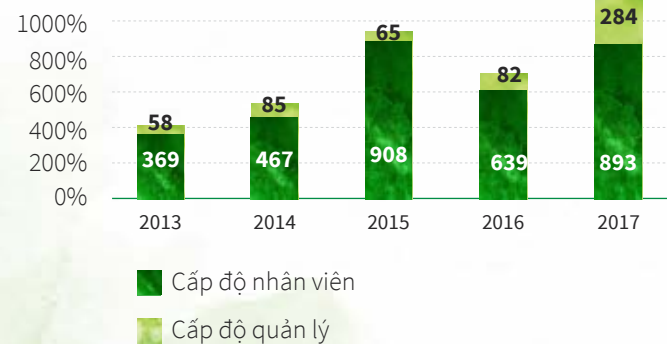
Bảng thống kê hoạt động đào tạo của CNG Việt Nam

| TT | Chi tiêu                           | ĐVT        | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|----|------------------------------------|------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1  | Số lượng khóa đào tạo              | Khóa       | 43       | 45       | 44       | 52       | 55       |
| a  | Đào tạo nội bộ                     | Khóa       | 12       | 13       | 13       | 12       | 5        |
| b  | Đào tạo bên ngoài                  | Khóa       | 31       | 32       | 31       | 40       | 50       |
| 2  | Số lượt người tham dự đào tạo      | Lượt người | 427      | 552      | 973      | 721      | 1.177    |
| a  | Cấp độ nhân viên                   | Lượt người | 369      | 467      | 908      | 639      | 893      |
| b  | Cấp độ quản lý                     | Lượt người | 58       | 85       | 65       | 82       | 284      |
| 3  | Số giờ đào tạo/nhân viên           | Giờ        | 1,61     | 1,3      | 2,5      | 2,8      | 6,98     |
| 4  | Chi phí dành cho hoạt động đào tạo |            |          |          |          |          |          |
| a  | Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo  | Tỷ đồng    | 1,9      | 1,2      | 1,81     | 3,6      | 3,95     |
| b  | Chi phí đào tạo sử dụng thực tế    | Tỷ đồng    | 0,75     | 1,2      | 2,18     | 3,34     | 3,67     |
| c  | Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách | %          | 39,5     | 100      | 120,9    | 92,8     | 93       |

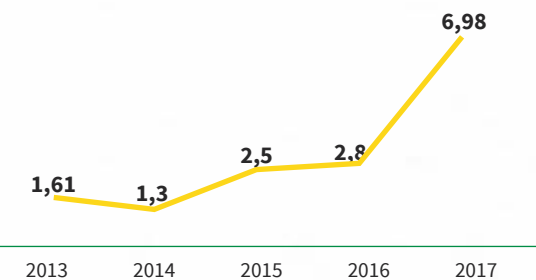
SỐ LƯỢNG KHÓA ĐÀO TẠO



SỐ LƯỢT NGƯỜI THAM DỰ ĐÀO TẠO



SỐ GIỜ ĐÀO TẠO/ NHÂN VIÊN



### An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp

- ▶ Đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng Công ty cho đến Nhà máy, Chi nhánh, trạm con. Phương tiện, công cụ bảo hộ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn theo Luật Bảo hộ lao động.
- ▶ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm, như: an toàn lao động, PCCC, diễn tập PCCC.
- ▶ Liên tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản lý tích hợp về An toàn - Sức khỏe - Môi trường và chất lượng trong tất cả các khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- ▶ Triển khai chương trình 5S “Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng và Sẵn sàng”, với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở nên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.
- ▶ Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người lao động, tới các cấp quản lý và người lao động; đảm bảo 100% người lao động được quản lý hồ sơ sức khỏe và hỗ trợ tế khi cần thiết
- ▶ Công tác Vệ sinh lao động được tuân thủ theo Pháp luật, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ▶ Chế độ trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định của pháp luật đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tác động của môi trường làm việc tới sức khỏe người lao động;

#### Chăm sóc sức khỏe cho người lao động

- ▶ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV, khám sức khỏe cho CBCNV nữ và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại.
- ▶ Khám tầm soát phát hiện, tư vấn điều trị, quản lý các bệnh có nguy cơ cao cho sức khỏe CBCNV như viêm gan siêu vi B, ung thư, lao...; chủ động phòng ngừa dịch bệnh theo các khuyến cáo y tế trên địa bàn như phòng chống sốt xuất huyết, HIV-AIDS, cúm...
- ▶ Mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định và bảo hiểm trách nhiệm cao từ 80-180 triệu/người/vụ cho người lao động; bảo hiểm cho người thân của CBCNV từ 50-150 triệu/người/vụ; hỗ trợ bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức 1.000.000 đồng/người/tháng.
- ▶ Cung cấp cơ sở thuốc thiết yếu đầy đủ cho các khu vực SXKD 4 lần/năm, cung cấp các túi sơ cấp cứu tại Văn phòng Công ty.
- ▶ Bồi dưỡng bằng hiện vật bằng sữa cho CBCNV làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
- ▶ Tổ chức đi khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho toàn CBCNV, khám bệnh nghề nghiệp cho các Chi nhánh, khám sức khỏe cho các lái xe.





**TRÁCH NHIỆM  
VỚI XÃ HỘI (tiếp theo)**



**An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp (tiếp theo)**

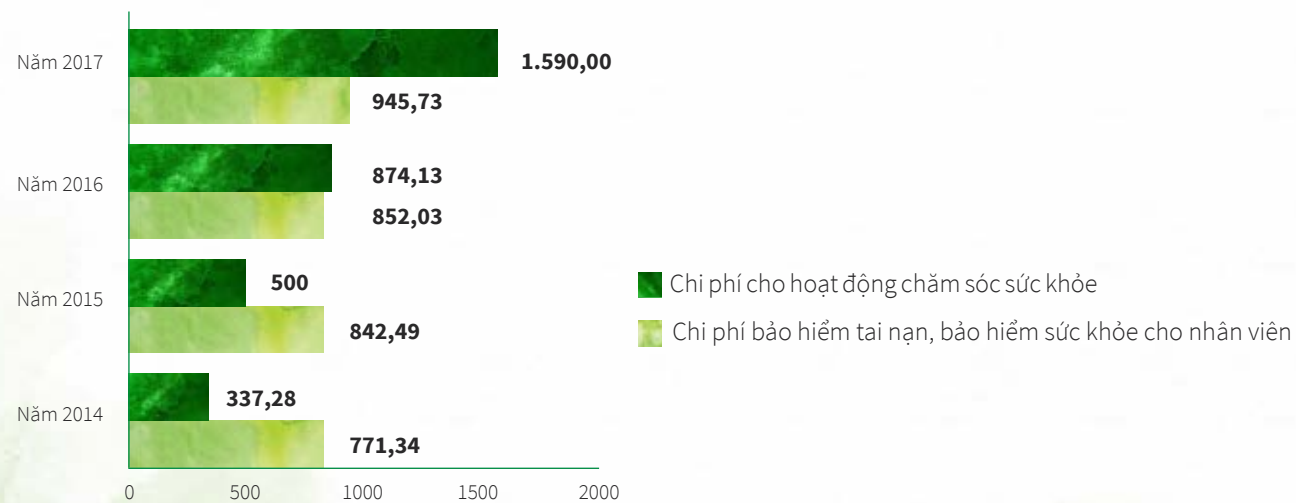
Các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động năm 2017

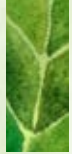
| TT | Chương trình  | Đối tượng   |
|----|---|-------------|
| 1  | Khám sức khỏe định kỳ (*)   | 99,5% CBCNV |
| 2  | Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ   | 100% CBCNV  |
| 3  | Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại       | 100% CBCNV  |
| 4  | Bảo hiểm y tế   | 100% CBCNV  |
| 5  | Bảo hiểm xã hội   | 100% CBCNV  |
| 6  | Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân   | 100% CBCNV  |
| 7  | Bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức ủng hộ của Công ty: 1.000.000 đồng/tháng/người | 100% CBCNV  |

(\*)Khám sức khỏe định kỳ chỉ đạt 99,5% CBCNV chủ yếu do 0,5% còn lại là CBCNV nữ nghỉ thai sản không tham gia.

**Chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp tại CNG Việt Nam**

| TT | Chỉ tiêu  | ĐVT        | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|----|---|------------|----------|----------|----------|----------|
| 1  | Chi phí bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | Triệu đồng | 771,34   | 842,49   | 852,03   | 945,73   |
| 2  | Chi phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe                   | Triệu đồng | 337,28   | 500,00   | 874,13   | 1.590,00 |
| 3  | Số ca tai nạn lao động ảnh hưởng đến khả năng lao động    | Triệu đồng | 0        | 0        | 0        | 0        |





TRÁCH NHIỆM  
VỚI XÃ HỘI (tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

**ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG MÀ CÔNG TY HƯỚNG ĐẾN. NĂM 2017, CÔNG TY ĐÃ CHI TỔNG CỘNG HƠN 2 TỶ ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG-XÃ HỘI, TIÊU BIỂU CÓ CÁC CHƯƠNG TRÌNH:**

**>2.0** TỶ VNĐ  
**ĐÓNG GÓP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG**

Hỗ trợ mổ tim cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn theo chương trình “Trái tim cho em” với tổng số tiền là 500 triệu đồng.

- Công ty đã thăm hỏi và tặng quà cho thương bệnh binh tại trung tâm nuôi dưỡng thương bệnh binh Nghệ An với số tiền là 60 triệu đồng.

- Nhiều hoạt động khác đầy ý nghĩa như: Thăm hỏi và tặng quà cho các cháu mồ côi tại mái ấm Hồng Quang; Viếng nghĩa trang liệt sỹ nhân dịp ngày 27/7; Tặng quà cho gia đình có công với cách mạng tại xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT; Thăm và tặng quà cho thương bệnh binh tại trung tâm nuôi dưỡng thương bệnh binh tỉnh Nghệ An, Trao 40 suất học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó tại trường THCS Thăng Nhất - TP.Vũng Tàu và trường TH Xuyên Mộc - Huyện Xuyên Mộc, nấu và phát suất ăn miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Lê

Lợi định kỳ 2 lần/tháng, Tổ chức chương trình “Về nguồn” cho đoàn viên và công đoàn viên,...

- Phong trào “Thanh niên CNG Việt Nam vì một môi trường xanh” bằng chuỗi hoạt động cụ thể như đạp xe đạp đi làm, đạp xe đạp vòng quanh thành phố Vũng Tàu để tuyên truyền bảo vệ môi trường và quảng bá hình ảnh Công ty, dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, trồng và chăm sóc cây xanh tại trạm Mỹ Phước 3, trạm American Home và các trạm con....

- Tích cực tham gia các chương trình, phong trào đóng góp các quỹ do Tập đoàn, Tổng công ty và địa phương phát động, cụ thể: Quỹ tương trợ ngành dầu khí, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt,...

- Ngoài ra, Công ty tham gia tích cực các phong trào, chương trình từ thiện, hỗ trợ người nghèo, hội người mù, hội khuyến học, học sinh nghèo vượt khó của địa phương.





1.324,5  
TỶ VND  
GIÁ TRỊ KINH TẾ  
TẠO LẬP

### Giá trị kinh tế tạo lập

Năm 2017, tổng thu nhập do CNG Việt Nam tạo ra đạt 1.324,5 tỷ đồng, tăng mạnh 47,5% so với năm 2016. Cụ thể:

Doanh thu hoạt động kinh doanh chính đạt 1.314,7 tỷ đồng, tăng trưởng 47,6% so với năm 2016, đến từ việc cung cấp 141,3 triệu Sm3 khí CNG, tăng 18,1% so với năm 2016.

Doanh thu hoạt động tài chính đạt 9,7 tỷ đồng, chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu hoạt động khác đạt 0,13 tỷ đồng.

| Chỉ tiêu            | 2016         | 2017           | Tăng/Giảm    |
|---------------------|--------------|----------------|--------------|
| Doanh thu           | 890,6        | 1.314,7        | 47,6%        |
| Doanh thu tài chính | 7,4          | 9,7            | 30,2%        |
| Doanh thu khác      | 0,1          | 0,1            | -4,6%        |
| <b>Tổng cộng</b>    | <b>898,1</b> | <b>1.324,5</b> | <b>47,5%</b> |

### Giá trị kinh tế phân phối

Bên cạnh việc tạo lập giá trị kinh tế, CNG Việt Nam cũng thực hiện việc phân phối giá trị cho xã hội với tổng giá trị đạt 1.299,1 tỷ đồng, tăng mạnh 50,3% so với năm 2016. Điều này được thể hiện qua các khoản mục:

| Chỉ tiêu                         | 2016         | 2017           | Tăng/Giảm    |
|----------------------------------|--------------|----------------|--------------|
| Chi phí hoạt động kinh doanh     | 619,9        | 1.085,3        | 75,1%        |
| Chi phí người lao động           | 60,7         | 50,6           | -16,6%       |
| Chi phí tài chính                |              |                |              |
| Chi phí lãi vay                  | 6,2          | 2,0            | -67,4%       |
| Cổ tức                           | 81,0         | 40,5           | -50,0%       |
| Chi phí đầu tư tài sản cố định   | 32,7         | 84,4           | 158,4%       |
| Nộp ngân sách Nhà nước           | 62,1         | 34,3           | -44,8%       |
| Đóng góp cho cộng đồng và xã hội | 2,0          | 2,0            | -1,5%        |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>864,5</b> | <b>1.299,1</b> | <b>50,3%</b> |

HÀNH TRÌNH **10** NĂM  
*Vì Sự Cam Kết* ”



06

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)**

- 136 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 138 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 139 Bảng cân đối kế toán
- 141 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 142 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 143 Thuyết minh báo cáo tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

|                        |  |
|------------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)   |
| Ông Vũ Tuấn Ngọc       | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017) |
| Bà Lê Thị Thu Giang    | Thành viên độc lập                             |
| Ông Vũ Văn Thực        | Thành viên                                     |
| Ông Phạm Đình Đạt      | Thành viên                                     |
| Ông Bùi Văn Đản        | Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017) |

### Ban Giám đốc

|                        |  |
|------------------------|--|
| Ông Vũ Văn Thực        | Giám đốc   |
| Ông Trần Quang Đán     | Phó Giám đốc                                       |
| Ông Bùi Văn Đản        | Phó Giám đốc                                       |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017) |
| Ông Nguyễn Nguyên Vũ   | Phó Giám đốc                                       |
| Ông Trương Mạnh Thắng  | Phó Giám đốc                                       |

### Ban Kiểm soát

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Bà Phan Thị Kim Thoa    | Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)       |
| Ông Huỳnh Lâm Kiệt      | Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)     |
| Bà Nguyễn Thị Kim Yến   | Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)   |
| Ông Nguyễn Quang Bá     | Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)   |
| Bà Trần Thị Thu Hiền    | Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017) |
| Bà Phạm Thị Loan Phượng | Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017) |

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- \* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- \* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- \* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- \* Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- \* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Thực**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 12 tháng 03 năm 2018

Số: 346 / VN1A-HC-BC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát  
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 03 năm 2018, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

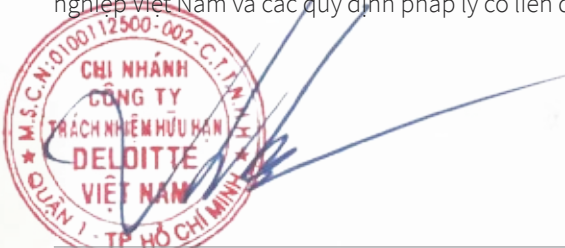
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Võ Thái Hòa**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 12 tháng 03 năm 2018  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Trọng Thế**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2649-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>537.110.952.685</b> | <b>500.544.254.289</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>279.880.076.033</b> | <b>342.673.472.949</b> |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 18.780.076.033         | 18.773.472.949         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 261.100.000.000        | 323.900.000.000        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>33.900.000.000</b>  | -                      |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | 5           | 33.900.000.000         | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>169.607.492.172</b> | <b>106.086.387.832</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 169.910.099.534        | 106.258.851.793        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | 2.053.717.299          | 1.688.852.306          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 7           | 1.875.515.943          | 1.121.505.453          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 8           | (4.231.840.604)        | (2.982.821.720)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>9</b>    | <b>47.490.341.428</b>  | <b>42.038.312.846</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 50.664.133.964         | 42.038.312.846         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (3.173.792.536)        | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>6.233.043.052</b>   | <b>9.746.080.662</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 10          | 5.468.122.406          | 7.495.420.821          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 764.920.646            | 2.250.659.841          |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>192.848.227.688</b> | <b>149.367.042.486</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>1.927.000.000</b>   | <b>1.927.000.000</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 7           | 1.927.000.000          | 1.927.000.000          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>171.465.454.435</b> | <b>142.672.404.911</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 11          | 132.638.137.363        | 142.525.687.323        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 745.392.131.325        | 711.625.098.491        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (612.753.993.962)      | (569.099.411.168)      |
| 2. Tài sản vô hình                           | 227        | 12          | 38.827.317.072         | 146.717.588            |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 40.807.806.700         | 1.009.806.700          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (1.980.489.628)        | (863.089.112)          |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> |             | <b>3.303.215.794</b>   | -                      |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        |             | 3.303.215.794          | -                      |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>16.152.557.459</b>  | <b>4.767.637.575</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 10          | 8.098.434.715          | -                      |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        | 13          | 8.054.122.744          | 4.767.637.575          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |             | <b>729.959.180.373</b> | <b>649.911.296.775</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>249.340.779.612</b> | <b>185.319.914.805</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>230.871.211.673</b> | <b>157.297.948.961</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 14          | 155.568.759.339        | 96.642.193.336         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        |             | 40.000.000             | -                      |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 15          | 18.181.076.921         | 10.477.874.058         |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 14.081.828.193         | 6.224.744.849          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 16          | 40.783.431.870         | 9.566.189.146          |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 17          | 708.366.117            | 626.627.677            |
| 7. Vay ngắn hạn                                | 320        | 18          | 646.668.000            | 30.839.581.662         |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 861.081.233            | 2.920.738.233          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>18.469.567.939</b>  | <b>28.021.965.844</b>  |
| 1. Vay và nợ dài hạn                           | 338        | 18          | 488.997.000            | 16.614.683.724         |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn                   | 342        | 19          | 11.026.123.300         | 4.452.834.481          |
| 3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ        | 343        |             | 6.954.447.639          | 6.954.447.639          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>480.618.400.761</b> | <b>464.591.381.970</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>20</b>   | <b>480.618.400.761</b> | <b>464.591.381.970</b> |
| 1. Vốn góp của cổ đông                         | 411        |             | 270.000.000.000        | 270.000.000.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        |             | 1.695.680.000          | 1.695.680.000          |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                     | 414        |             | 9.179.045.649          | 9.179.045.649          |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                | 415        |             | (3.270.000)            | (3.270.000)            |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        |             | 69.972.247.531         | 69.972.247.531         |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 129.774.697.581        | 113.747.678.790        |
| - Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 25.522.909.790         | 2.459.072.048          |
| - Lợi nhuận sau thuế năm nay                   | 421b       |             | 104.251.787.791        | 111.288.606.742        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>       | <b>440</b> |             | <b>729.959.180.373</b> | <b>649.911.296.775</b> |



**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước              |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng   | 01        | 23          | 1.314.654.107.628      | 890.566.896.229        |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)                                    | 10        |             | 1.314.654.107.628      | 890.566.896.229        |
| 3. Giá vốn hàng bán   | 11        | 24          | 1.077.452.563.232      | 652.063.007.671        |
| <b>4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)</b>  | <b>20</b> |             | <b>237.201.544.396</b> | <b>238.503.888.558</b> |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 26          | 9.699.324.092          | 7.448.617.947          |
| 6. Chi phí tài chính  | 22        |             | 27.200.291.542         | 6.155.032.345          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23        | 27          | 2.007.291.542          | 6.154.516.119          |
| 7. Chi phí bán hàng   | 25        | 28          | 27.928.728.404         | 26.332.102.520         |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 28          | 74.636.959.769         | 62.971.342.081         |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>142.327.888.773</b> | <b>150.494.029.559</b> |
| 10. Thu nhập khác   | 31        |             | 127.649.455            | 133.808.180            |
| 11. Chi phí khác  | 32        |             | 70.732.117             | 2.886.264.717          |
| 12. Lỗ khác (40=31-32)  | 40        |             | 56.917.338             | (2.752.456.537)        |
| <b>13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>                                | <b>50</b> |             | <b>142.384.806.111</b> | <b>147.741.573.022</b> |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                          | 51        | 29          | 36.419.503.489         | 25.810.853.372         |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                           | 52        | 29          | (3.286.485.169)        | 1.642.112.908          |
| <b>16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>                               | <b>60</b> |             | <b>109.251.787.791</b> | <b>120.288.606.742</b> |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70        | 30          | 3.591                  | 3.854                  |



**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc


## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Năm nay                | Năm trước              |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                       |           |                        |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01        | 142.384.806.111        | 147.741.573.022        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:  |           |                        |                        |
| Khấu hao tài sản cố định  | 02        | 46.650.121.213         | 60.815.179.999         |
| Các khoản dự phòng  | 03        | 10.996.100.239         | 4.183.471.606          |
| Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | 164.002                | (7.978.031)            |
| Lãi từ hoạt động đầu tư   | 05        | (9.699.324.092)        | (7.499.786.890)        |
| Chi phí lãi vay   | 06        | 2.007.127.540          | 6.154.516.119          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                        | 08        | 192.338.995.013        | 211.386.975.825        |
| Thay đổi các khoản phải thu   |           |                        |                        |
| Thay đổi hàng tồn kho   | 09        | (62.598.223.776)       | 22.361.056.002         |
| Thay đổi các khoản phải trả   | 10        | (8.625.821.118)        | (15.591.448.946)       |
| Thay đổi chi phí trả trước  | 11        | 79.580.097.542         | (8.510.636.870)        |
| Thay đổi chi phí trả trước  | 12        | (6.071.136.300)        | 851.605.248            |
| Tiền lãi vay đã trả   | 14        | (2.071.425.646)        | (6.202.556.646)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        | (27.248.339.137)       | (22.850.189.788)       |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh   | 20        | 165.304.146.578        | 181.444.804.825        |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |           |                        |                        |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ  | 21        | (75.917.733.420)       | (32.670.468.849)       |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ   | 22        | -                      | 61.500.000             |
| 3. Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn  | 23        | (33.900.000.000)       | -                      |
| 4. Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn  | 24        | -                      | 13.000.000.000         |
| 5. Tiền thu lãi tiền gửi  | 27        | 9.039.836.314          | 7.421.707.268          |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư   | 30        | (100.777.897.106)      | (12.187.261.581)       |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                      |           |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ đi vay   | 33        | -                      | 14.705.181.872         |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay  | 34        | (46.318.600.386)       | (42.301.689.668)       |
| 3. Cổ tức đã trả  | 36        | (81.000.882.000)       | (80.706.354.000)       |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính  | 40        | (127.319.482.386)      | (108.302.861.796)      |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)   | 50        | (62.793.232.914)       | 60.954.681.448         |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm  | 60        | 342.673.472.949        | 281.710.813.470        |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                 | 61        | (164.002)              | 7.978.031              |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>                                  | <b>70</b> | <b>279.880.076.033</b> | <b>342.673.472.949</b> |

  
**Trần Ngọc Lan**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Kế toán trưởng

  
**Vũ Văn Thực**  
Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“PVGas”), Utilico Emerging Markets Limited và Samarang Ucits – Samarang Asia Prosperity (bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2017) với tỷ lệ sở hữu cổ phần lần lượt là 56%, 7,75% và 9,63%. Các cổ đông khác sở hữu 26,62% cổ phần còn lại của Công ty.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 243 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 237 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Đường số 15, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; 01 văn phòng giao dịch tại Tầng 7, Số 61B Đường 30 Tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu và 02 chi nhánh phụ thuộc.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tuổi nợ của các nhóm nợ. Cụ thể như sau:

| Nợ quá hạn                  | Mức trích lập dự phòng |
|-----------------------------|------------------------|
| Từ 11 ngày đến dưới 6 tháng | 20%                    |
| Từ 6 tháng đến dưới 1 năm   | 30%                    |
| Từ 1 năm đến dưới 2 năm     | 50%                    |
| Từ 2 năm đến dưới 3 năm     | 70%                    |
| Từ 3 năm trở lên            | 100%                   |

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                            | Số năm  |
|----------------------------|---------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 10 - 25 |
| Máy móc và thiết bị        | 3 - 10  |
| Thiết bị văn phòng         | 3 - 6   |
| Phương tiện vận tải        | 3 - 6   |

Từ năm 2015, đối với các tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản vô hình và khấu hao**

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự và quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba năm đến mười năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí quảng cáo và chi phí bảo hiểm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chỉ để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:**

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

VND

|                                 | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt                        | 665.831.489            | 664.963.422            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 18.114.244.544         | 18.108.509.527         |
| Các khoản tương đương tiền      | 261.100.000.000        | 323.900.000.000        |
|                                 | <b>279.880.076.033</b> | <b>342.673.472.949</b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất tiền gửi từ 4,7% đến 5,3% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4,3% đến 5,2% một năm).

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có kỳ hạn trong vòng 6 tháng với lãi suất tiền gửi là 5,1% một năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

VND

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH URC Việt Nam   | 5.048.958.867          | 3.977.188.454          |
| Công ty CP Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng ("VLXD") Trung Nguyên | 10.517.292.190         | 6.506.863.397          |
| Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG  | 35.129.937.470         | 7.993.088.315          |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Sang Minh                             | 14.471.862.013         | 10.544.102.698         |
| Công ty TNHH Thép KYOEI Việt Nam  | 7.187.304.152          | 11.478.665.707         |
| Công ty Cổ phần Tôn Đông Á  | 18.422.251.405         | 17.273.677.918         |
| Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh  | 5.854.493.879          | -                      |
| Các khoản phải thu khách hàng khác  | 73.277.999.558         | 48.485.265.304         |
|   | <b>169.910.099.534</b> | <b>106.258.851.793</b> |

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

VND

|   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                              | <b>1.875.515.943</b> | <b>1.121.505.453</b> |
| - Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn              | 1.237.985.000        | 578.497.222          |
| - Thuế giá trị gia tăng của chi phí trích trước | 117.130.879          | 16.645.200           |
| - Tạm ứng cho nhân viên                         | 112.400.000          | 222.928.000          |
| - Ký cược, ký quỹ                               | 408.000.064          | 300.000.000          |
| - Phải thu khác                                 | -                    | 3.435.031            |
| <b>b. Dài hạn</b>                               | <b>1.927.000.000</b> | <b>1.927.000.000</b> |
| - Ký cược, ký quỹ                               | 1.927.000.000        | 1.927.000.000        |
|   | <b>3.802.515.943</b> | <b>3.048.505.453</b> |

**8. NỢ QUÁ HẠN**

VND

|  | Số cuối năm            |                        |                      | Số đầu năm            |                        |                      |
|--|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|
|  | Giá trị                | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng             | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng             |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khả năng thu hồi từ 11 ngày đến 6 tháng |                        |                        |                      |                       |                        |                      |
| + Công ty TNHH Bia Anheuser-Busch Inbev Việt Nam   | 3.020.762.684          | 2.854.290.161          | 166.472.523          | -                     | -                      | -                    |
| + Công ty TNHH American Home Việt Nam  | 9.165.649.428          | 7.332.519.542          | 1.833.129.886        | 3.897.790.058         | 3.118.232.046          | 779.558.012          |
| + Công ty CP khai thác khoáng sản và sản xuất VLXD Trung Nguyên  | 10.517.292.190         | 9.079.272.367          | 1.438.019.823        | 2.068.412.323         | 1.654.729.858          | 413.682.465          |
| + Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm  | 4.099.976.217          | 3.878.809.617          | 221.166.600          | 4.035.845.215         | 3.228.676.172          | 807.169.043          |
| + Công ty TNHH MTV SX VLXD Đồng Tâm  | 3.148.692.271          | 2.988.434.592          | 160.257.679          | 2.675.745.754         | 2.140.596.603          | 535.149.150          |
| + Công ty CP Đồng Tâm Dotalia  | 6.453.897.783          | 6.041.103.689          | 412.794.094          | 2.236.315.248         | 1.789.052.198          | 447.263.050          |
| + Các khách hàng khác  | 96.192.116.943         | 96.192.116.943         | -                    | -                     | -                      | -                    |
|  | <b>132.598.387.516</b> | <b>128.366.546.912</b> | <b>4.231.840.604</b> | <b>14.914.108.598</b> | <b>11.931.286.877</b>  | <b>2.982.821.720</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

|                                      | VND                   |                       |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Nguyên vật liệu                      | 24.650.885.357        | 23.475.573.184        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 200.075.152           | 213.782.629           |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 25.813.173.455        | 18.348.957.033        |
|                                      | <b>50.664.133.964</b> | <b>42.038.312.846</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | 3.173.792.536         | -                     |

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                      | VND                   |                      |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                      | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| <b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b> |                       |                      |
| Chi phí quảng cáo trả trước          | 591.749.996           | 2.834.249.996        |
| Chi phí bảo hiểm trả trước           | 4.876.372.410         | 4.661.170.825        |
|                                      | <b>5.468.122.406</b>  | <b>7.495.420.821</b> |
| <b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>  |                       |                      |
| Chi phí bảo hiểm trả trước           | 3.915.000.000         | -                    |
| Chi phí thuê đất trả trước           | 4.183.434.715         | -                    |
|                                      | <b>8.098.434.715</b>  | <b>-</b>             |
|                                      | <b>13.566.557.121</b> | <b>7.495.420.821</b> |

Tiền thuê đất trả trước thuế thể hiện tiền thuê đặt trả trước cho lô đất tại Long An theo hợp đồng thuê số 07/2017/HĐ - KD/KCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 với thời hạn 44 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | VND                        |                       |                       |                    |                        |
|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
|                               | Nhà xưởng và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị   | Phương tiện vận tải   | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng              |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                            |                       |                       |                    |                        |
| Số dư đầu năm                 | 28.327.423.571             | 247.907.201.016       | 433.408.303.009       | 1.982.170.895      | 711.625.098.491        |
| Tăng trong năm                | 33.686.388.666             | 1.712.727.273         | 272.727.273           | 272.727.273        | 35.671.843.212         |
| Thanh lý trong năm            | (1.904.810.378)            | -                     | -                     | -                  | (1.904.810.378)        |
| Số dư cuối năm                | 26.422.613.193             | 281.593.589.682       | 435.121.030.282       | 2.254.898.168      | 745.392.131.325        |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                            |                       |                       |                    |                        |
| Số dư đầu năm                 | 10.507.679.156             | 191.840.178.199       | 365.468.714.985       | 1.282.838.828      | 569.099.411.168        |
| Khấu hao trong năm            | 925.184.381                | 21.301.379.144        | 22.983.338.455        | 322.818.717        | 45.532.720.697         |
| Thanh lý trong năm            | (1.878.137.903)            | -                     | -                     | -                  | (1.878.137.903)        |
| Số dư cuối năm                | 9.554.725.634              | 213.141.557.343       | 388.452.053.440       | 1.605.657.545      | 612.753.993.962        |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                            |                       |                       |                    |                        |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>       | <b>17.819.744.415</b>      | <b>56.067.022.817</b> | <b>67.939.588.024</b> | <b>699.332.067</b> | <b>142.525.687.323</b> |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | <b>16.867.887.559</b>      | <b>68.452.032.339</b> | <b>46.668.976.842</b> | <b>649.240.623</b> | <b>132.638.137.363</b> |

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.800.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 81.335.496.245 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 460.354.879.942 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 457.151.197.115 đồng).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | VND                   |                    |                       |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
|                               | Quyền sử dụng đất     | Phần mềm máy tính  | Tổng cộng             |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                       |                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | -                     | 1.009.806.700      | 1.009.806.700         |
| Tăng trong năm                | 39.798.000.000        | -                  | 39.798.000.000        |
| Số dư cuối năm                | 39.798.000.000        | 1.009.806.700      | 40.807.806.700        |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                       |                    |                       |
| Số dư đầu năm                 | -                     | 863.089.112        | 863.089.112           |
| Khấu hao trong năm            | 970.682.928           | 146.717.588        | 1.117.400.516         |
| Số dư cuối năm                | 970.682.928           | 1.009.806.700      | 1.980.489.628         |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                       |                    |                       |
| <b>Tại ngày đầu năm</b>       | <b>-</b>              | <b>146.717.588</b> | <b>146.717.588</b>    |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | <b>38.827.317.072</b> | <b>-</b>           | <b>38.827.317.072</b> |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.009.806.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 170.056.700 đồng).

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

|  | VND                  |                      |
|--|----------------------|----------------------|
|  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Thuế suất thế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại |                      |                      |
| - Thuế suất ưu đãi   | -                    | 10%                  |
| - Thuế suất thông thường   | 20%                  | 20%                  |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ           |                      |                      |
| - Chịu thuế suất ưu đãi  | -                    | -                    |
| - Chịu thuế suất thông thường  | 8.054.122.744        | 4.767.637.575        |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>  | <b>8.054.122.744</b> | <b>4.767.637.575</b> |

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|   | VND                    |                        |                       |                       |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm            |                       |
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| a. Phải trả người bán là các bên liên quan                      | 140.900.491.063        | 140.900.491.063        | 72.950.343.094        | 72.950.343.094        |
| - Công ty Cổ phần khí thấp áp Việt Nam                          | 135.792.828.377        | 135.792.828.377        | 68.677.748.307        | 68.677.748.307        |
| - Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam                       | 4.960.197.686          | 4.960.197.686          | 4.127.559.187         | 4.127.559.187         |
| - Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | 147.465.000            | 147.465.000            | 145.035.600           | 145.035.600           |
| b. Phải trả người bán là bên Thứ ba                             | 14.668.268.276         | 14.668.268.276         | 23.691.850.242        | 23.691.850.242        |
| <b>Tổng các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>               | <b>155.568.759.339</b> | <b>155.568.759.339</b> | <b>96.642.193.336</b> | <b>96.642.193.336</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | VND            |                       |                          |                       |
|----------------------------|----------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
|                            | Số dư đầu năm  | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số dư cuối năm        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.529.528.012  | 36.419.503.489        | 27.248.339.137           | 17.700.692.364        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 1.948.346.046  | 5.375.233.976         | 6.843.195.465            | 480.384.557           |
| Thuế khác                  | -              | 218.557.713           | 218.557.713              | -                     |
|                            | 10.477.874.058 | 42.013.295.178        | <b>34.310.092.315</b>    | <b>18.181.076.921</b> |

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|  | VND                   |                      |
|--|-----------------------|----------------------|
|  | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| Trích trước lãi vay                      | -                     | 64.298.106           |
| Trích trước chi phí sử dụng thương hiệu  | 2.850.783.657         | 1.450.783.657        |
| Trích trước chi phí bảo dưỡng công trình | 4.292.125.000         | 2.064.280.395        |
| Trích trước chi phí sửa chữa văn phòng   | 4.004.116.463         | -                    |
| Trích trước chi phí thuê bồn và đầu kéo  | 14.070.724.878        | -                    |
| Các khoản trích trước khác               | 15.565.681.872        | 5.986.826.988        |
|  | <b>40.783.431.870</b> | <b>9.566.189.146</b> |

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                            | VND                |                    |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
|                            | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
| Kinh phí Công đoàn         | 162.373.349        | -                  |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 290.802.000        | 292.665.000        |
| Phải trả khác              | 255.190.768        | 333.962.677        |
|                            | <b>708.366.117</b> | <b>626.627.677</b> |

**18. CÁC KHOẢN VAY**

|                         | VND                   |                |
|-------------------------|-----------------------|----------------|
|                         | Các khoản vay dài hạn |                |
| <b>Số đầu năm</b>       |                       |                |
| - Giá trị               |                       | 47.454.265.386 |
| - Số có khả năng trả nợ |                       | 47.454.265.386 |
| <b>Trong năm</b>        |                       |                |
| - Tăng                  |                       | -              |
| - Giảm                  |                       | 46.318.600.386 |
| <b>Số cuối năm</b>      |                       |                |
| - Giá trị               |                       | 1.135.665.000  |
| - Số có khả năng trả nợ |                       | 1.135.665.000  |

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

Tại ngày 08 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”) để tài trợ mua 10 bồn phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 49.900.000.000 đồng và đáo hạn trong vòng 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng quý với mức lãi suất là 9%/năm cho lần giải ngân đầu tiên chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi tiền vay sau đó được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi vay cơ sở của khoản vay trung hạn áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp cộng với biên độ 1.35%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số VTU20156141/HĐTC ngày 08 tháng 6 năm 2015. Công ty đã thanh toán hết nợ vay tại ngày 26 tháng 7 năm 2017.

Trong năm 2015, Công ty ký các hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP An Bình (“ABBank”) để tài trợ cho các dự án đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng lần lượt là 17.040.000.000 đồng, 8.142.000.000 đồng và 15.293.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm cho kỳ giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần theo chính sách của Ngân hàng. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Công ty đã thanh toán hết nợ vay tại ngày 5 tháng 7 năm 2017.

Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”) để tài trợ cho dự án đầu tư 01 trạm biến áp 3000KVA phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 1.944.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất 7.5%/năm trong 12 tháng đầu và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất huy động tiền gửi 12 tháng cộng biên độ 1.5%. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền là 1.944.000.000 đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của khoản vay này là 1.135.665.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                      | VND                  |                       |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                      | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
| Trong vòng một năm                   | 646.668.000          | 30.839.581.662        |
| Trong năm thứ hai                    | 488.997.000          | 16.614.683.724        |
|                                      | <b>1.135.665.000</b> | <b>47.454.265.386</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | 646.668.000          | 30.839.581.662        |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>      | <b>488.997.000</b>   | <b>16.614.683.724</b> |

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, được trích lập bằng 0.5% doanh thu thuần trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

|   | Vốn góp của cổ đông    | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu |
|---|------------------------|----------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm trước                                       | 270.000.000.000        | 1.695.680.000        | 9.179.045.649           |
| Chuyển LNCPN năm nay sang LNCPN lũy kế đến cuối năm trước | -                      | -                    | -                       |
| Lợi nhuận trong năm                                       | -                      | -                    | -                       |
| Cổ tức chia   | -                      | -                    | -                       |
| Phân phối quỹ   | -                      | -                    | -                       |
| Số dư đầu năm nay   | 270.000.000.000        | 1.695.680.000        | 9.179.045.649           |
| Chuyển LNCPN năm nay sang LNCPN lũy kế đến cuối năm trước | -                      | -                    | -                       |
| Lợi nhuận trong năm                                       | -                      | -                    | -                       |
| Cổ tức trả bằng tiền                                      | -                      | -                    | -                       |
| Phân phối quỹ   | -                      | -                    | -                       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                                 | <b>270.000.000.000</b> | <b>1.695.680.000</b> | <b>9.179.045.649</b>    |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2016 là 30%/mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2016 cho cổ đông bằng tiền mặt với tổng số tiền là 80.999.019.000 đồng.

| Cổ phiếu quỹ       | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | Tổng                   |
|--------------------|-----------------------|---|---|------------------------|
| (3.270.000)        | 46.226.828.725        | -   | 71.638.096.410                            | 398.736.380.784        |
| -                  | -                     | 71.638.096.410  | (71.638.096.410)                          | -                      |
| -                  | -                     | -   | 120.288.606.742                           | 120.288.606.742        |
| -                  | -                     | (40.499.509.500)  | -   | (40.499.509.500)       |
| -                  | 23.745.418.806        | (28.679.514.862)  | (9.000.000.000)                           | (13.934.096.056)       |
| (3.270.000)        | 69.972.247.53         | 2.459.072.048   | 111.288.606.742                           | 464.591.381.970        |
| -                  | -                     | 111.288.606.742   | (111.288.606.742)                         | -                      |
| -                  | -                     | -   | (109.251.787.791)                         | 109.251.787.791        |
| -                  | -                     | (80.999.019.000)  | -   | (80.999.019.000)       |
| -                  | -                     | (7.225.750.000)   | (5.000.000.000)                           | (12.225.750.000)       |
| <b>(3.270.000)</b> | <b>69.972.247.53</b>  | <b>25.522.909.790</b>                                       | <b>104.251.787.791</b>                    | <b>480.618.400.761</b> |

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 7.225.750.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017. Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 5.000.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế cho năm 2017 dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ thanh toán 15%/ cổ phiếu, thời gian thanh toán dự kiến là 07 tháng 5 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Cổ phiếu**

|  | VND         |            |
|--|-------------|------------|
|  | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng |             |            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 27.000.000  | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        |             |            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 26.999.673  | 26.999.673 |
| - Cổ phiếu quỹ                         | 327         | 327        |

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Các cổ phiếu này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|   | VND                    |            |                        |            |
|---|------------------------|------------|------------------------|------------|
|   | Số cuối năm            | %          | Số đầu năm             | %          |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP          | 151.200.000.000        | 56.00      | 151.200.000.000        | 56.00      |
| Utilico Emerging Markets Limited          | 20.927.300.000         | 7.75       | 28.200.000.000         | 10.44      |
| Halley Sicav - Halley Asian Prosperity    | -                      | -          | 26.009.400.000         | 9.63       |
| Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity | 26.009.400.000         | 9.63       | -                      | -          |
| Cổ đông khác                              | 71.863.300.00          | 26.62      | 64.590.600.000         | 23.93      |
|   | <b>270.000.000.000</b> | <b>100</b> | <b>270.000.000.000</b> | <b>100</b> |

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ**

|                | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 2.981.88    | 2.981.88   |

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí CNG. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 23 và số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**23. DOANH THU BÁN HÀNG**

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán khí CNG trong năm.

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của khí CNG đã bán trong năm.

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT. KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | VND                    |                        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
| Chi phí nhân công                | 72.349.747.486         | 62.468.927.377         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 46.650.121.213         | 59.792.985.087         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 333.765.689.811        | 274.540.981.953        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 13.463.078.537         | 11.913.456.261         |
|                                  | <b>466.228.637.047</b> | <b>408.716.350.678</b> |

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                          | VND                  |                      |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
|                          | Năm nay              | Năm trước            |
| Thu nhập từ lãi tiền gửi | 9.699.324.092        | 7.438.286.890        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá    | -                    | 10.331.057           |
|                          | <b>9.699.324.092</b> | <b>7.448.617.947</b> |

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                      | VND                  |                      |
|----------------------|----------------------|----------------------|
|                      | Năm nay              | Năm trước            |
| Lãi tiền vay         | 2.007.127.540        | 6.154.516.119        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 164.002              | 516.226              |
|                      | <b>2.007.291.542</b> | <b>6.155.032.345</b> |

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|  | VND                    |                       |
|--|------------------------|-----------------------|
|  | Năm nay                | Năm trước             |
| <b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:</b> |                        |                       |
| - Chi phí nhân viên quản lý  | 24.096.068.350         | 23.556.548.457        |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng  | 506.495.272            | 1.378.317.029         |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định                                 | 2.202.095.388          | 1.420.507.463         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 14.351.526.750         | 13.832.673.095        |
| - Các khoản chi khác   | 33.480.774.009         | 22.783.296.037        |
|  | <b>74.636.959.769</b>  | <b>62.971.342.081</b> |
| <b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:</b>             |                        |                       |
| - Chi phí nhân viên quản lý  | 3.703.063.196          | 2.615.360.978         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 10.714.313.943         | 16.681.048.674        |
| - Các khoản chi khác   | 13.511.351.265         | 7.035.692.868         |
|  | <b>27.928.728.404</b>  | <b>26.332.102.520</b> |
|  | <b>102.565.688.173</b> | <b>89.303.444.601</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|  | VND                    |                       |
|--|------------------------|-----------------------|
|  | Năm nay                | Năm trước             |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>  |                        |                       |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                                    | 33.707.268.910         | 24.848.519.003        |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay      | 2.712.234.579          | 962.334.369           |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>36.419.503.489</b>  | <b>25.810.853.372</b> |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>   |                        |                       |
| - (Thu nhập)/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (3.286.485.169)        | 1.642.112.908         |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>  | <b>(3.286.485.169)</b> | <b>1.642.112.908</b>  |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

|   | VND             |                 |
|---|-----------------|-----------------|
|   | Năm nay         | Năm trước       |
| Lợi nhuận trước thuế  | 142.384.806.111 | 147.741.573.022 |
| Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế   |                 |                 |
| Trừ: Thu nhập không tính thuế   | 11.632.422.871  | 23.779.960.162  |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ                                   | 37.783.961.309  | 17.307.150.765  |
| Thu nhập tính thuế năm hiện hành  | 168.536.344.549 | 141.268.763.625 |
| Thu nhập tính thuế suất thông thường 20%                                      | 168.536.344.549 | 107.216.426.412 |
| Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 10%  | -               | 34.052.337.213  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 33.707.268.910  | 24.848.519.003  |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 02 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 06 năm tiếp theo (từ năm 2011).

Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|  | VND              |                  |
|--|------------------|------------------|
|  | Năm nay          | Năm trước        |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 109.251.787.791  | 120.288.606.742  |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                  |                  |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (12.300.000.000) | (16.225.750.000) |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (i)"  | (12.300.000.000) | (16.225.750.000) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 96.951.787.791   | 104.062.856.742  |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm   | 26.999.673       | 26.999.673       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>3.591</b>     | <b>3.854</b>     |

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

**Trình bày lại số liệu năm trước**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2016 dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

|                              | Mã số | Số đã báo cáo | Thay đổi | Số trình bày lại |
|------------------------------|-------|---------------|----------|------------------|
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu | 70    | 3.900         | (46)     | 3.854            |

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

|   | VND           |               |
|---|---------------|---------------|
|   | Năm nay       | Năm trước     |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 2.522.765.400 | 2.275.782.936 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

|                                | VND                   |                       |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Trong vòng một năm             | 1.819.607.733         | 1.628.374.400         |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 2.079.387.200         | 3.246.561.600         |
| Sau năm năm                    | 8.865.725.000         | 9.230.000.000         |
|                                | <b>12.764.719.933</b> | <b>14.104.936.000</b> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê văn phòng tại Thành phố Hà Nội. Chi tiết như sau:

- ❖ Tổng số tiền thuê 10.000 m2 đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và các phụ lục kèm theo
- ❖ Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam theo hợp đồng thuê số 3/1/2015/HDTVP ngày 20 tháng 3 năm 2015.
- ❖ Tổng số tiền thuê văn phòng và các căn hộ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam đảo hạn hàng năm tùy theo nhu cầu sử dụng của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP  
 Utilico Emerging Markets Limited  
 Halley Sicav - Halley Asian Prosperity  
 Samarang Ucits- Samarang Asia Prosperity  
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam  
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông  
 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu  
 Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí  
 Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn (kết thúc từ 14 tháng 11 năm 2017)  
 Cổ đông lớn (từ ngày 15 tháng 11 năm 2017)  
 Công ty trong cùng tập đoàn  
 Công ty trong cùng tập đoàn  
 Công ty trong cùng tập đoàn  
 Công ty trong cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan:

|   | VND             |                 |
|---|-----------------|-----------------|
|   | Năm nay         | Năm trước       |
| <b>Doanh thu</b>  |                 |                 |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                          | -               | 19.666.386      |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                       | -               | 1.434.032.560   |
| <b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>                                |                 | -               |
| Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam                          | 661.339.125.511 | 314.837.772.480 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                       | 52.749.804.444  | 35.330.676.094  |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | 2.001.865.123   | 1.776.928.820   |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí        | -               | 431.131.857     |
| Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu                          | 9.686.843.659   | 7.490.508.321   |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                          | 40.885.379.053  | 34.921.296.576  |
| <b>Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất</b>                   |                 | -               |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                              | 39.600.000.000  | -               |
| <b>Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng</b>                      |                 |                 |
| Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam                          | 2.712.938.930   | 2.373.254.266   |
| <b>Chi phí sử dụng thương hiệu</b>                            |                 |                 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                              | 1.400.000.000   | 1.450.783.657   |
| <b>Cổ tức chi trả trong năm</b>                               |                 |                 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                       | -               | 44.712.789.000  |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                              | 45.360.000.000  | -               |
| Utilico Emerging Markets Limited                              | 8.460.000.000   | 8.460.000.000   |
| Halley Sicav - Halley Asian Prosperity                        | 7.802.820.000   | 7.802.820.000   |

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

|                          | VND           |               |
|--------------------------|---------------|---------------|
|                          | Năm nay       | Năm trước     |
| Lương, thưởng và thù lao | 7.298.664.411 | 6.779.877.069 |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|   | VND             |                |
|---|-----------------|----------------|
|   | Số cuối năm     | Số đầu năm     |
| <b>Các khoản phải trả</b>                                     |                 |                |
| Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam                          | 135.792.828.377 | 68.677.748.307 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                       | 4.960.197.686   | 4.127.559.187  |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | 147.465.000     | 145.035.600    |
| <b>Chi phí phải trả</b>                                       |                 |                |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP                              | 2.850.783.657   | 1.450.783.657  |

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.855.325.586 đồng (năm 2016: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Trần Ngọc Lan**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
 Kế toán trưởng



**Vũ Văn Thực**  
 Giám đốc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

[📍] : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4,  
Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

[☎] : (84.254) 3574.635

[📞] : (84.254) 3574.619

[🌐] : [www.cng-vietnam.com](http://www.cng-vietnam.com)